

HỘI NGHỊ BÀN TRÒN CHÁNH ÁN ASEAN VỀ MÔI TRƯỜNG LẦN THỨ NHẤT

KỶ YẾU HỘI NGHỊ

CHỦ BIÊN

KALA K. MULQUEENY
FRANCESSE JOY CORDON

ADB



HỘI NGHỊ BÀN TRÒN CHÁNH ÁN ASEAN VỀ MÔI TRƯỜNG LẦN THỨ NHẤT

KỶ YẾU HỘI NGHỊ

CHỦ BIÊN

KALA K. MULQUEENY

FRANCESSE JOY J. CORDON



© 2013 Ngân hàng Phát triển Châu Á

Bảo lưu toàn bộ tác quyền. Xuất bản năm 2013.
In tại Philippin

ISBN 978-92-9254-641-0 (Bản in), 978-92-9254-642-7 (Bản PDF)
Số lưu chiếu: RPT146792-3

Dữ liệu thực mục xuất bản

Mulqueeny, Kala K. và Francesse Joy J. Cordon, chủ biên
Hội nghị Bàn tròn Chánh án ASEAN về Môi trường lần Thứ nhất: Kỳ yếu hội nghị.
Thành phố Mandaluyong, Philippin: Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2013.

1. Diễn giải và áp dụng luật pháp môi trường. 2. Tòa án. 3. Đông Nam Á. I. Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Quan điểm được thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm và chính sách của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng như Ban Thống đốc Ngân hàng và các Chính phủ mà họ đại diện.

ADB không bảo đảm độ chính xác của các dữ liệu trong ấn phẩm này và không nhận trách nhiệm về bất kỳ hệ quả gì từ việc sử dụng chúng.

Khi nêu danh hoặc tham chiếu tới bất kỳ vùng lãnh thổ hoặc khu vực địa lý cụ thể nào, hoặc khi sử dụng từ “quốc gia” trong tài liệu này, ADB không có ý định đưa ra bất kỳ nhận định nào về tư cách pháp lý hoặc tư cách khác của các vùng lãnh thổ hoặc khu vực địa lý đó.


ADB khuyến khích việc in ấn hoặc sao chép thông tin vì mục đích sử dụng cá nhân và phi thương mại nếu ADB được ghi nhận một cách hợp lý. Người sử dụng không được phép bán lại, tái phân phối hoặc tạo ra các sản phẩm phái sinh vì mục đích thương mại nếu không có sự đồng ý rõ ràng bằng văn bản của ADB.

Lưu ý:

Trong ấn phẩm này, “\$” chỉ đồng đôla Mỹ.

Ngân hàng Phát triển Châu Á
Số 6 Đại lộ ADB, Thành phố Mandaluyong
Tel +63 2 632 4444
Fax +63 2 636 2444
www.adb.org

Để đặt sách, đề nghị liên hệ:
Ban quan hệ đối ngoại
Fax +63 2 636 2584
adbpub@adb.org

 In trên giấy tái chế

“Tài liệu này được dịch từ nguyên bản tiếng Anh với mục đích phục vụ đông đảo bạn đọc. Mặc dù, chúng tôi cố gắng đảm bảo tính chính xác của bản dịch, nhưng tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ chính của Ngân hàng Phát triển Châu Á và chỉ có nguyên bản tiếng Anh của tài liệu này mới đáng tin cậy (nghĩa là chỉ nguyên bản tiếng Anh được chính thức công nhận và có hiệu lực). Do vậy, các trích dẫn cần dựa vào nguyên bản tiếng Anh của tài liệu này.”

Mục lục

Lời đề tặng	iv
Lời tựa	v
Lời cảm ơn	vii
Danh mục các từ viết tắt	ix
Báo cáo tóm tắt	x
Những sự kiện chính của Hội nghị	1
Các phụ lục	43
1 Tài liệu cơ sở	43
2 Chương trình Hội nghị	73
3 Danh sách đại biểu nguồn	81
4 Danh sách đại biểu tham dự	83
5 Tầm nhìn chung về môi trường cho các tòa án ASEAN	89

Lời đề tặng

Ngân hàng Phát triển Châu Á dành tặng cuốn kỷ yếu này cho Phó Chánh án, Giáo sư Paulus Effendie Lotulung, một trong những thẩm phán môi trường thuộc thế hệ đầu tiên, người đã thúc đẩy nguyên tắc về vị thế pháp lý môi trường, theo đó một tổ chức môi trường có thể khởi kiện vì lợi ích của việc bảo vệ môi trường. Ông cũng tiên phong trong chương trình chứng nhận tư pháp về luật môi trường của Ấn-ô-nê-xi-a và các cải cách tư pháp khác tại Ấn-ô-nê-xi-a. Giáo sư Lotulung sẽ được nhớ đến như một trong những chiến sĩ đấu tranh cho công lý môi trường tại Ấn-ô-nê-xi-a và là một trong những người thúc đẩy sáng kiến tổ chức Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á về môi trường, nơi ông đã tham gia hết sức tích cực, như kỷ yếu này đã ghi nhận.

Lời tựa

Khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đối mặt với vô số thách thức về môi trường như biến đổi khí hậu, hủy diệt môi trường sống, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phá rừng, khai thác gỗ trái phép, buôn bán động vật hoang dã trái phép, hủy hoại đại dương, đánh bắt cá trái phép, đô thị hóa nhanh, ô nhiễm nước và không khí. Những thách thức này có thể làm nản chí, song có thể khắc phục được. Bước đầu tiên để giải quyết chúng là thừa nhận rằng chúng là mối quan tâm chung của tất cả các quốc gia trong khu vực, và chỉ có thể giải quyết chúng bằng cách tiến hành một nỗ lực phối hợp để nâng cao nhận thức về vấn đề. Tăng cường thực thi pháp luật môi trường quốc gia, cũng như hợp tác xuyên biên giới về bảo vệ môi trường và các nỗ lực thực thi pháp luật liên chính phủ, là cần thiết.

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cam kết tăng cường năng lực của các thể chế công liên quan tới thực thi pháp luật môi trường. Liên quan tới điều này, ADB đã thừa nhận vai trò đặc biệt của tòa án trong bảo vệ môi trường. Các chánh án và thẩm phán cấp cao chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống áp dụng luật pháp môi trường và diễn giải các nguyên tắc của luật môi trường. Với vai trò những người bảo vệ chủ yếu pháp quyền, họ có thể nâng cao nhận thức trong toàn bộ ngành luật của khu vực và quốc gia về những thách thức chung về môi trường, tầm quan trọng của luật môi trường và thực thi pháp luật môi trường, cũng như vai trò của cộng đồng pháp lý trong bảo vệ môi trường.

Với việc chủ trì Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á về phán quyết môi trường, pháp quyền, và công lý môi trường tại Trụ sở chính của ADB ở Manila trong hai ngày 28-29 tháng 7 năm 2010, ADB đã công nhận vai trò quan trọng của tòa án trong thực thi pháp luật môi trường. Tại Hội nghị chuyên đề này, Chánh án Inđônêxia Harifin Tumpa đã mời tất cả các chánh án ASEAN tham dự Hội nghị bàn tròn về môi trường tại Jakarta vào năm 2011. Hội nghị này nhằm mục đích tăng cường và củng cố vai trò của tòa án trong việc bảo vệ môi trường, cũng như tạo ra một diễn đàn công khai cho các thẩm phán cấp cao thiết lập cơ sở chung và thắt chặt các mối liên hệ cho những sáng kiến môi trường trong tương lai.

Những đại biểu tham gia hội nghị bàn tròn đã có thể học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau và xác định các thông lệ hoạt động hiệu quả nhất trong xét xử về môi trường. Trong khi xem xét các lĩnh vực hợp tác trong tương lai, các chánh án và thẩm phán cấp cao đã nhất trí về một Tầm nhìn chung về môi trường cho các tòa án ASEAN. Tầm nhìn chung này trình bày một kế hoạch rõ ràng cho sự hợp tác của các tòa án ASEAN về môi trường, và là một bước quan trọng hướng tới việc tăng cường thực thi pháp luật môi trường.

ADB đã ghi lại những nội dung chính của hội nghị bàn tròn trong tập sách này. Những trang tiếp sau đây ghi lại các ý kiến và kinh nghiệm của các đại biểu, hình thành một cơ sở vững chắc cho các cuộc thảo luận tiếp theo và thực thi Tầm nhìn chung Jakarta về môi trường. ADB coi hội nghị bàn tròn này là một bước khởi đầu trong các nỗ lực tiếp theo nhằm củng cố sự hợp tác giữa các tòa án ASEAN trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của khu vực châu Á–Thái Bình Dương.

Christopher L. Stephens
Luật sư trưởng
Văn phòng Tư vấn luật

Lời cảm ơn

Rất nhiều cán bộ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và các đối tác phát triển của Ngân hàng đã làm việc không biết mệt mỏi xứng đáng được ghi nhận vì đã giúp Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về môi trường thành công và chuẩn bị cho ấn phẩm này.

ADB đánh giá cao tinh thần hợp tác và hỗ trợ xuất phát từ mối quan hệ của Ngân hàng với Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) trong suốt quá trình hình thành và tổ chức hội nghị bàn tròn. Cụ thể, ADB ghi nhận sự hỗ trợ mạnh mẽ về mặt thể chế của TS. Young-Woo Park, sự tham gia và hỗ trợ nhiệt thành của TS. Bakary Kante, và sự đóng góp của TS. Wanhua Yang.

ADB và Tòa án tối cao Indônêxia đã thiết lập quan hệ đối tác quan trọng và quý giá cho việc tổ chức hội nghị bàn tròn. Chánh án Harifin Tumpa đã mang đến tầm nhìn và những khát vọng có tính định hướng cho Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường và đưa ra bài phát biểu chính đầu tiên. ADB cũng cảm ơn những cán bộ còn lại của Tòa án tối cao Indônêxia vì sự hỗ trợ quan trọng về mặt tổ chức.

Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn đặc biệt tới những người đã rất sẵn lòng đồng ý chủ trì và/hoặc điều khiển các phiên họp tại hội nghị bàn tròn, theo thứ tự: Phó Chánh án Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án Widayatno Sastro Hardjono, và Thẩm phán Takdir Rahmadi thuộc Tòa án tối cao Indônêxia; Mas Achmad Santosa, thành viên Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (Nhóm đặc trách của Tổng thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp), chuyên gia về quản trị và luật môi trường và cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách xã hội về tư pháp, pháp lý và nhân quyền của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc—Indônêxia; TS. Tint Lwin Thuang, giám đốc điều hành của RECOFTC—Trung tâm con người và rừng; Clarissa C. Arida, giám đốc Ban phát triển và thực thi chương trình, Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN; Arzina Abdullah, nguyên tư vấn xã hội cấp cao, Giám đốc khu vực và Quản lý tài nguyên môi trường của Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã TRAFFIC—Đông Nam Á; Nazir Foad, giám đốc bảo tồn tại Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên; Antonio Oposa, chủ tịch Quỹ luật tự nhiên và là người đạt giải thưởng Ramon Magsaysay; TS. Wanhua Yang, cán bộ phụ trách về Luật môi trường tại Văn phòng châu Á–Thái Bình Dương của UNEP; Patricia Moore, chuyên gia luật quốc tế và nguyên giám đốc Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á) của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế; Rosa Vivien Ratnawati, giám đốc Cơ quan môi trường Tengarra Nusa và Bali thuộc Bộ môi trường Indônêxia; Thomas Robert Panella, chuyên gia chính về tài nguyên nước tại Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia của ADB; Simon Tay, chủ tịch Viện các vấn đề quốc tế của Xingapo và là tư vấn cấp cao tại Quỹ đối tác Wong; và TS. Kala Mulqueeny, luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật của ADB.

Tại ADB, Jon Lindborg (giám đốc quốc gia, Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia) đã giúp khai mạc hội nghị bàn tròn. Các thành viên thuộc Văn phòng Tư vấn luật ADB đã hỗ trợ cho việc tổ chức sự kiện này. TS. Kala Mulqueeny, luật sư cấp cao, đã triệu tập hội nghị bàn tròn và đưa ra tổng quan về sự kiện, với Sherielysse Bonifacio và Mark Alain Villocero thuộc Văn phòng Tư vấn luật đã cung cấp sự hỗ trợ tuyệt vời. Jacqueline Espenilla đã dành sự hỗ trợ quý báu về mặt nghiên cứu trong việc biên soạn tập hợp các phần tóm tắt, trình bày, và văn kiện ban đầu. Văn phòng dịch vụ hành chính đã hỗ trợ các yêu cầu về đi lại, trong khi Ban quan hệ đối ngoại đã hỗ trợ cho ấn phẩm này và các yêu cầu liên quan tới việc xuất bản cuốn kỷ yếu này.

ADB cũng ghi nhận sự hỗ trợ vô giá của Chanokporn Prompinchompoo, Mohd Aizuddin Zolkeply và Thaw Dar Sein trong việc phối hợp và xác nhận tài liệu của các đại biểu nguồn.

Kala K. Mulqueeny và Francesse Joy J. Cordon đã chuẩn bị và biên tập Kỷ yếu này.

Danh mục các từ viết tắt

ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AJNE	Mạng lưới Thẩm phán châu Á về Môi trường
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ASEAN-WEN	Mạng lưới Thực thi Pháp luật về Động, Thực vật Hoang dã của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEP	Chương trình môi trường tiểu vùng ASEAN
CITES	Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài Động, Thực vật Hoang dã Nguy cấp
EADR	phương thức giải quyết tranh chấp môi trường ngoài tòa án
EIA	đánh giá tác động môi trường
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
EU	Liên minh châu Âu
Lao PDR	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
RECOFTC	Trung tâm con người và rừng
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNEP	Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc

Báo cáo Tóm tắt

Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Tòa án tối cao Indônêxia, và Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) đồng chủ trì Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về môi trường tại Jakarta từ ngày 5–7 tháng 12 năm 2011. Hội nghị bàn tròn này được lên ý tưởng đầu tiên tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á về phán quyết môi trường, pháp quyền và công lý môi trường tổ chức tại trụ sở chính của ADB ở Manila trong hai ngày 28-29 tháng 7 năm 2010. Với ý nghĩa là một sáng kiến tiếp theo hội nghị chuyên đề, hội nghị bàn tròn này đã nhấn mạnh hơn nữa vai trò của các thành viên cấp cao của tòa án trong việc thúc đẩy pháp quyền và công lý môi trường, phát triển hệ thống diễn giải và áp dụng pháp luật môi trường, khơi dậy thái độ hợp tác hướng tới bảo vệ môi trường trong bộ máy tòa án và ngành luật.

Hơn 20 chánh án và thành viên của bộ máy tư pháp cấp cao đến từ Campuchia, Indônêxia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam, cũng như đại diện của nhiều cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự đã cùng tham dự để thảo luận những thách thức chung về môi trường trong khu vực ASEAN và những lĩnh vực mà các tòa án có thể xem xét vai trò của mình đối với bảo vệ môi trường.

Trong Phiên họp 1—Thách thức chung đối với các quan tòa ASEAN: Những thách thức chủ yếu về pháp lý và bằng chứng trong phán quyết các vụ việc môi trường—**Mas Achmad Santosa** đã liệt kê sáu thách thức về pháp lý và bằng chứng dưới đây, vốn đã được xác định trong Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á 2010: (i) *quyền trình bày trước tòa* hay vị thế pháp lý, (ii) bằng chứng chuyên môn, (iii) đánh giá các tổn thất môi trường, (iv) chế tài và hình phạt, (v) thực thi các phán quyết của tòa án, và (vi) giải quyết tranh chấp môi trường ngoài tòa án (EADR). Tiếp đó, ông đề xuất những biện pháp để xử lý một số thách thức này và kết luận bằng cách hối thúc các nhà hoạch định chính sách thông qua các đạo luật quy định biện pháp khắc phục tổn thất môi trường phù hợp và cho phép tòa án linh hoạt hơn trong việc quy định, xác định và sáng tạo về cách thức khắc phục tổn hại.

Trong Phiên họp 2—Thách thức luật môi trường ASEAN số 1: Phá rừng và khai thác gỗ trái phép—**Tint Lwin Thuang** đã nhấn mạnh việc khai thác rừng bừa bãi đã đe dọa như thế nào tới các cánh rừng của thế giới và đời sống hoang dã cũng như người dân sống dựa vào rừng, và chỉ ra (i) một khung chính sách và pháp lý còn nhiều kẽ hở, (ii) năng lực thực thi pháp luật tối thiểu, (iii) không đủ dữ liệu và thông tin về các nguồn tài nguyên rừng và các hoạt động trái phép, (iv) tham nhũng ở cả khu vực công và khu vực tư, và (v) nhu cầu cao đối với gỗ giá rẻ là động cơ chủ yếu của các hoạt động khai thác gỗ trái phép, điều mà đến lượt nó là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng phá rừng nhanh chóng tại Đông Nam Á. Để giảm sự phá rừng như là kết quả của các hoạt động khai thác rừng trái phép, những người hoạt động trong ngành tư pháp có thể cải thiện khung pháp lý của nước mình, minh họa về các hành vi và nguyên tắc ứng xử đúng đắn và hợp đạo đức, thúc đẩy trao đổi thông tin với các bên hữu quan khác, và vận động cho các cấu trúc mang tính ứng phó và thích nghi.

Diễn giả tiếp theo, **Djoko Sarwoko**, thẩm phán Tòa án tối cao Indônêxia, cho rằng tình trạng phá rừng ở Indônêxia là do các hoạt động chuyển đổi đất rừng có quy hoạch và không theo quy hoạch, khai thác gỗ trái phép, cháy rừng, và mở rộng đất nông nghiệp. Ông cũng xác định các yếu tố khác thúc đẩy việc phá rừng và khai thác gỗ trái phép tại Indônêxia, đồng thời phát biểu rằng các thẩm phán có thể giải quyết các vụ việc môi trường bằng cách thực thi chủ nghĩa tích cực tư pháp và tăng cường hợp tác trong xử lý các vụ việc phá rừng. Ngài **Khampha Sengdara**, phó chánh án Tòa án tối cao Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã nhấn mạnh rằng lợi nhuận của việc khai thác gỗ trái phép, và sự yếu kém phổ biến của các hệ thống giám sát và thực thi pháp luật lâm nghiệp, khiến việc khai thác gỗ trái phép rất khó ngăn chặn. Do vậy, luật pháp môi trường mạnh là yếu tố hết sức quan trọng để giải quyết các vấn đề ô nhiễm và phá rừng. Cuối cùng, **Tan Sri Arifin Zakaria**, chánh án Tòa án tối cao Malaixia, đã thảo luận về khung pháp lý của Malaixia liên quan tới rừng và xác định các nhu cầu về phát triển công - nông nghiệp, chuyển đổi phương thức canh tác, cháy rừng, và khai thác gỗ—hợp pháp và bất hợp pháp—là các động cơ chính dẫn tới tình trạng phá rừng ở Malaixia. Những nỗ lực của Malaixia nhằm ngăn chặn việc khai thác gỗ trái phép bao gồm (i) khả năng sửa đổi luật lâm nghiệp để đưa ra những hình phạt cứng rắn hơn cho các vi phạm; (ii) giám sát và báo cáo thường xuyên; (iii) sử dụng các công nghệ hiện đại để theo dõi các hoạt động xâm lấn rừng; (iv) xây dựng và thực thi một kế hoạch hành động quốc gia; (v) thiết lập các ban công tố và thực thi đặc biệt để tăng cường cơ chế thực thi pháp luật; (vi) xác định những điểm nóng về khai thác gỗ trái phép; và (vii) tăng cường giám sát các hoạt động lâm nghiệp và những nỗ lực nhằm giảm hoạt động khai thác gỗ trái phép, xâm lấn rừng, và ăn trộm gỗ.

Trong Phiên họp 3—Thách thức luật môi trường ASEAN số 2: Đa dạng sinh học và buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã—**Clarissa C. Arida** đã nêu đích danh biến đổi khí hậu, khai khoáng quy mô lớn, tăng dân số, nghèo khổ, ô nhiễm, và khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên là những nguyên nhân chính dẫn tới mất đa dạng sinh học. Xét tới lợi ích vô cùng to lớn của đa dạng sinh học phong phú, việc mất đa dạng sinh học hiển nhiên đe dọa tới năng lực của tự nhiên để cung cấp thức ăn, nơi trú ngụ và thuốc men cho nhân loại. Mặc dù các quốc gia thành viên ASEAN đã tiến hành và hỗ trợ rất nhiều sáng kiến nhằm thúc đẩy bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, song vẫn còn rất nhiều việc phải làm. Để đạt được mục tiêu này, bà Arida hối thúc các đại biểu tham gia xem xét những vấn đề và thách thức chủ yếu đối với đa dạng sinh học, thu hút sự tham gia của các bên hữu quan, tăng cường năng lực của các cơ quan chức năng về môi trường, và công nhận các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị kinh tế của đa dạng sinh học, bao gồm cả mối liên hệ giữa các thông tin dựa trên cơ sở khoa học với các chính sách và bằng chứng pháp lý.

Azrina Abdullah, người điều khiển thứ hai của phiên họp, đã nhấn mạnh rằng việc buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã tại khu vực là do nhu cầu của con người về lương thực, thuốc đông y, quần áo, vật nuôi, đồ sưu tầm, vật trưng bày, đồ trang trí, các đồ xa xỉ, thịt động vật hoang dã, và gỗ - đây chỉ là một vài trong vô số công dụng của đa dạng sinh học phong phú ở khu vực. Có rất nhiều thách thức trong việc bảo vệ đa dạng sinh học này. Tệ hơn, tình trạng thiếu nguồn lực tài chính và nhân sự, tham nhũng; ý chí chính trị và luật pháp không đầy đủ; buôn bán động, thực vật hoang dã trên mạng; nhận thức yếu kém của bộ máy tư pháp; và buôn bán động, thực vật hoang dã xuyên quốc gia đã đe dọa nghiêm trọng tới việc thực thi pháp luật hiệu quả. Trên thực tế, mặc dù tất cả các quốc gia thành viên ASEAN đều là bên ký kết Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), song dường như chưa có hành động cụ thể và nghiêm túc nào được thực thi để giải quyết vấn nạn buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép.

Tiếp sau đó, **Kidngarm Kongtrakul Li**, thẩm phán nghiên cứu hỗ trợ của Tòa án tối cao Thái Lan, ngài **Mya Thein**, thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang Mianma, và **Đặng Xuân Đào**, chánh án Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam đã thảo luận về hiện trạng mất đa dạng sinh học và buôn bán động, thực vật hoang dã trái phép cùng những nỗ lực đã được tiến hành để giải quyết các vấn nạn này, bao gồm ban hành luật pháp mạnh mẽ hơn và có các khu bảo tồn loài hoang dã. Đáng lưu ý là cả ba đại biểu đều thừa nhận rằng ở nước họ, các cơ chế thực thi pháp luật còn nhiều bất cập, cụ thể là chế tài còn thấp và không nhất quán đối với các vi phạm, đội ngũ công tố viên và thẩm phán chưa có năng lực phù hợp. Họ cũng khuyến nghị rằng một khung pháp lý và hệ thống tư pháp hình sự hiệu quả, cùng với hợp tác quốc tế, là không thể thiếu khi giải quyết vấn đề buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã.

Trong Phiên họp 4—Thách thức luật môi trường ASEAN số 3: Tàn phá đại dương, đánh bắt cá trái phép và ô nhiễm biển—cả hai người điều khiển, **Nazir Foead** và **Antonio Oposa**, đều nhấn mạnh đa dạng sinh học biển giàu có của khu vực mà đỉnh cao là Tam giác san hô, hay “Amazon của các đại dương”. Thêm vào đó, ông Foead lưu ý rằng, một số thách thức mà Tam giác san hô đang đối mặt bao gồm hoạt động đánh bắt cá trái phép, không được báo cáo và không được quản lý; khai thác quá mức các nguồn tài nguyên biển; những nỗ lực thực thi pháp luật không đầy đủ; sự tan rã và/hoặc tàn phá hệ sinh thái; và các chính sách thiếu phối hợp giữa chính phủ quốc gia với chính quyền địa phương và giữa các nước. Sau đó, ông đã hối thúc các đại biểu xem xét (i) tác động tiêu cực của việc khai thác quá mức các nguồn tài nguyên biển tới an ninh lương thực và phát triển kinh tế, (ii) đặc điểm của các trữ lượng cá như tài sản chung quốc gia cần phải được điều tiết và chia sẻ, và (iii) những lợi ích của sự hợp tác khu vực mạnh mẽ giữa các quốc gia thành viên ASEAN. Ông Oposa sau đó nhấn mạnh yêu cầu thực thi pháp luật công khai, mạnh mẽ và nhanh chóng, cũng như các chế tài sáng tạo, và kết luận bằng cách thúc giục các đại biểu chuyển dịch mô hình phát triển kinh tế và thừa nhận rằng, mặc dù các lý tưởng của con người có thể không đạt được trong một đời người, song bản thân cuộc hành trình này đã đáng để tận hưởng.

Tiếp sau đó, **Takdir Rahmadi**, thẩm phán của Tòa án tối cao Indônêxia, đã phát biểu rằng mặc dù tình trạng ô nhiễm biển và tàn phá bờ biển là một vấn đề nghiêm trọng ở Indônêxia, song hầu như không có vụ kiện nào liên quan tới vấn đề này, có lẽ vì khó thiết lập mối quan hệ nhân quả giữa các hành động gây ô nhiễm bị nghi ngờ với những tổn hại môi trường, và thực tế rằng các nguồn gây ô nhiễm thường là đối tượng đóng góp vào thu nhập của bang. Như vậy, chính phủ cần cân bằng thận trọng giữa lợi ích kinh tế và lợi ích sinh thái. Thật may là Indônêxia có nhiều thành công hơn trong việc thực thi pháp luật về ngư nghiệp, do khá dễ thiết lập mối quan hệ nhân quả giữa các chất ô nhiễm và thiệt hại do chúng gây ra.

Trong thời gian hỏi–đáp, các đại biểu cũng thảo luận vấn đề có các nhà ngoại giao nước ngoài can thiệp vào việc thực thi pháp luật môi trường của một quốc gia, đặc biệt trong việc bắt giữ, khởi tố và kết tội các ngư dân bị bắt quả tang tiến hành hoạt động đánh bắt cá trái phép trong hải phận của một quốc gia khác. Hơn nữa, việc có một khung pháp lý toàn diện để xử trí các tội phạm môi trường và thực thi luật môi trường hiệu quả thực sự là mối quan tâm của tất cả các nhánh trong chính phủ. Dù vậy, ngành tư pháp vẫn có thể đi đầu trong việc thúc đẩy một hệ thống pháp quyền mạnh mẽ.

Trong Phiên họp 5—Cải cách tư pháp để đáp ứng những thách thức môi trường: Thể chế hóa chuyên môn về môi trường thông qua việc chuyên môn hóa và các tòa môi trường—**Wanhua Yang** đã định hình phiên họp để xem xét yêu cầu xử trí các thách thức môi trường đa dạng, gia

tăng các vụ việc môi trường, và các vấn đề khoa học-kỹ thuật phức tạp. **Presbitero J. Velasco Jr.**, phó chánh án của Tòa án tối cao Philippin, đã thảo luận cấu trúc của hệ thống tòa môi trường, Quy tắc tố tụng đặc biệt cho các vụ việc môi trường và tính linh hoạt của quy định về *quyền được trình bày trước tòa*, quy trình kiện tụng tập trung, lệnh yêu cầu thực thi (*writ of continuing mandamus*) và lệnh tự nhiên (*writ of kalikasan*), và việc tái khẳng định nguyên tắc phòng ngừa. Ông cũng nhấn mạnh yêu cầu phải có một hệ thống tư pháp hình sự gắn kết và hoạt động hiệu quả. **Paulus E. Lotulung**, phó chánh án Tòa án tối cao Indônêxia, đã mô tả hệ thống chứng nhận tư pháp tại Indônêxia và việc sử dụng các kỹ năng viện dẫn luật pháp để đạt được công lý môi trường, đồng thời bày tỏ hy vọng to lớn rằng thể hệ các thẩm phán mới tại Indônêxia sẽ có đủ năng lực, nhận thức và cam kết để bảo vệ môi trường. **Winai Ruangsri**, thẩm phán nghiên cứu cấp cao tại Tòa án tối cao Thái Lan, đã thảo luận chiến lược của Tòa án tối cao Thái Lan trong việc thực thi luật pháp môi trường, tập trung vào ba vấn đề: (i) tổ chức các tòa án môi trường mang tính chiến lược, (ii) xây dựng năng lực của thẩm phán, và (iii) trao quyền cho các thẩm phán thông qua việc cải tiến các quy tắc và thông lệ tố tụng trong xét xử về môi trường. Ông kết thúc bằng cách kêu gọi ngành tư pháp của mỗi nước thiết lập các cơ cấu tòa môi trường, quy tắc tố tụng, và/hoặc chương trình đào tạo tư pháp dựa trên những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước mình.

Trong thời gian hỏi-đáp, ông **Đặng Xuân Đào** đã chia sẻ rằng mặc dù Việt Nam chưa có một tòa môi trường riêng biệt hoặc chuyên ngành đào tạo tư pháp môi trường, song Việt Nam cũng không gặp khó khăn khi chỉ định các thẩm phán xét xử và phán quyết các vụ việc môi trường. Chánh án của mỗi tòa án chịu trách nhiệm thành lập một ban xét xử đặc biệt, ban phải bao gồm một thẩm phán đã được đào tạo và/hoặc giàu kinh nghiệm trong xét xử về môi trường để giải quyết các vụ việc này. Khó khăn chủ yếu là chỉ định các hội thẩm nhân dân có đủ nhận thức về các vấn đề môi trường.

Trong Phiên họp 6—Thách thức luật môi trường ASEAN số 4: Quy hoạch phát triển và Đánh giá tác động môi trường—**Patricia Moore** đã xác định những vấn đề liên quan tới việc tiến hành một đánh giá tác động môi trường (EIA) đầy đủ về mặt pháp lý, thủ tục và nội dung, và nhấn mạnh rằng tất cả những hậu quả và rủi ro tiềm tàng của một dự án đề xuất cần phải được xác định, cân nhắc càng sớm càng tốt trước khi đưa ra các quyết định chủ yếu. **Rosa Vivien Ratnawati**, người điều khiển thứ hai của phiên họp, đã giải thích quy trình EIA tại Indônêxia và nhắc tới một số vụ việc cụ thể cho thấy những điểm yếu trong quy trình EIA: (i) các quyết định không nhất quán, dẫn tới việc không hiểu rõ liệu một quyết định trong EIA là quyết định hành chính hay chỉ đơn thuần là một khuyến nghị; (ii) tính không khả thi của các quyết định EIA; và (iii) tiêu chí không rõ ràng về việc doanh nghiệp nào và quy mô doanh nghiệp tới mức nào để phải tiến hành EIA.

Sau đó, **Yang Arif Tan Sri Abdull Hamid Embong**, thẩm phán của Tòa án liên bang Malaxia, đã thảo luận Đạo luật chất lượng môi trường Malaixia trong mối quan hệ với EIA và kết luận bằng việc trình bày những vấn đề mà Malaixia phải đối mặt liên quan tới việc triển khai và tuân thủ EIA, và số lượng cùng các loại hình báo cáo EIA mà Bộ môi trường đã nhận được trong giai đoạn 2001–2010. **Maneewon Phromnoi**, thẩm phán Tòa hành chính tối cao Thái Lan, đã thảo luận Đạo luật bảo tồn và nâng cao chất lượng môi trường quốc gia B.E. 2535 (1192), quy định về việc tiến hành các EIA; trích dẫn các vụ việc hành chính liên quan; và chỉ trích EIA về những khía cạnh: (i) mất nhiều thời gian để thu thập thông tin, đạt được sự đồng thuận trong mỗi phiên tham vấn cộng đồng, và/hoặc giải quyết các tranh chấp; (ii) các thành viên của cộng đồng bị ảnh hưởng thường chỉ nhận được thông báo trong thời gian rất ngắn về các phiên tham vấn cộng đồng, buộc họ phải tham dự các buổi tham vấn cộng đồng mà không được chuẩn bị hoặc không nhận thức được những tác động bất lợi tiềm tàng của một

dự án nhất định, từ đó cản trở sự tham gia hiệu quả của cộng đồng; và (iii) việc thiếu các nguồn lực tài chính và con người làm hạn chế các EIA. Do vậy, ở Thái Lan, việc thực thi yếu kém các luật lệ và quy định môi trường hiện hành đã khiến quá trình tiến hành EIA là vô ích cho việc cải thiện các điều kiện môi trường.

Trong Phiên họp 7—Thách thức luật môi trường ASEAN số 5: Nước ngọt, ô nhiễm, lũ lụt và khí hậu—**Thomas Robert Panella** đã liệt kê và đề xuất các giải pháp cho những thách thức to lớn hiện nay liên quan tới sông Citarum và các nguồn nước khác: (i) tăng dân số và đô thị hóa; (ii) sạt lở, xói mòn và lắng đọng trầm tích tại lưu vực sông; (iii) lũ lụt và các thảm họa liên quan tới nước; (iv) khai thác nước ngầm quá mức; (v) ô nhiễm nước gồm chất thải công nghiệp, sinh hoạt, hữu cơ và rác thải; (vi) sạt lở ven bờ; và (vii) phân bố nước, cơ sở hạ tầng, và biến đổi khí hậu. **Phó Chánh án Velasco** đã trình bày cụ thể về *lệnh yêu cầu thực thi* (writ of continuing mandamus) mà Tòa án tối cao Philippin đã ban hành trong vụ án mang tính bước ngoặt Cơ quan phát triển đại đô thị Manila và những người khác kiện các công dân liên quan của Vịnh Manila và những người khác (G.R. số 171947-48, ngày 18 tháng 12 năm 2008). Cuối cùng, **Prapot Klaisuban**, thẩm phán Tòa hành chính trung ương Thái Lan, đã trích dẫn các vụ việc liên quan tới sự tàn phá nguồn nước ngọt và đánh bắt cá trái phép, cho thấy các tòa án Thái Lan đã phán quyết theo hướng bảo vệ môi trường như thế nào. Trong vụ Klity Creek, Tòa hành chính Thái Lan đã phát hiện Cơ quan kiểm soát ô nhiễm đã tặc trách trong việc thực thi nghĩa vụ chính thức của mình là phục hồi nhánh sông bị ô nhiễm và yêu cầu bồi thường về tài chính từ công ty khai mỏ cho những tổn thất môi trường mà công ty này gây ra, trong khi ở vụ Vùng nuôi trồng (Breeding Zone), tòa án đã tán thành các quy định đang tranh cãi do Cục ngư nghiệp và Bộ nông nghiệp và hợp tác xã ban hành là “các biện pháp cần thiết”, mang lại lợi ích lớn hơn cho công chúng so với phí tổn đối với những ngư dân đang khiếu nại.

Trong Phiên họp 8—Thách thức luật môi trường ASEAN số 6: Đô thị hóa và ô nhiễm không khí—**Simon Tay** đã nhấn mạnh khó khăn của việc đưa ra mối quan hệ nhân quả giữa nguồn gây ô nhiễm không khí và chi phí của tổn hại môi trường, và yêu cầu các chính phủ phải cân nhắc những lựa chọn về chính sách và công nghệ của mình. Tiếp đó, **Philip Nalliah Pillai**, thẩm phán của Tòa án tối cao Xingapo, đã nhận xét rằng mặc dù các thẩm phán dường như nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ và bảo tồn môi trường, song thực tế là vẫn không có kế hoạch hoặc hành động cụ thể nào nhằm tăng cường bảo vệ môi trường được thực hiện. Sau đó, ông đã chia sẻ câu chuyện của Xingapo về cách thức đảo quốc này vươn lên từ một “thành phố đặc trưng của thế giới thứ ba” thành một thành phố toàn cầu tiến bộ như hiện nay thông qua ý chí chính trị và quản trị nhà nước hiệu quả của những người sáng lập quốc gia. Trong khi đó, **Kim Sathavy**, thẩm phán của Tòa án tối cao Campuchia lại hối thúc mọi người góp phần vào việc quản lý ô nhiễm không khí, tăng dân số và giao thông, giải quyết tranh chấp giữa những người gây ô nhiễm và các nạn nhân của họ. Bà kết luận với một nhận xét tích cực bằng việc mô tả chiến lược quốc gia hiện nay của Campuchia là tích hợp các nhu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế-xã hội, và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, trong sự hợp tác với các quốc gia láng giềng.

Trong Phiên họp 9—Thách thức chung đối với các quan tòa ASEAN: Các vấn đề chủ yếu về năng lực và quản lý nhà nước—**Patricia Moore** đã nêu ra những vấn đề chủ yếu, đặc biệt về tăng cường năng lực thẩm phán để xét xử các vụ việc môi trường, khuyến khích khởi kiện các vụ việc môi trường, và cải thiện quản lý nhà nước và các cơ chế liên chính - những nội dung chưa được thảo luận. Tiếp đó, một video của **Adalberto Carim Antonio**, thẩm phán sơ thẩm của Tòa các vấn đề môi trường và nông nghiệp bang Amazonas, đã được trình chiếu để chia

sẽ với các đại biểu về cách thức bang Amazonas xây dựng một mô hình tòa môi trường. Quá trình này bắt đầu bằng việc giúp đỡ các cộng đồng địa phương hiểu rõ tầm quan trọng của luật môi trường Braxin thông qua các cuốn sách tranh và những tài liệu giáo dục khác, tiếp đó là giới thiệu về các bản án thay thế đối với những người bị kết án để họ tái hòa nhập tốt hơn vào xã hội.

Trong Phiên họp 10—Hội nghị thế giới của UNEP về tư pháp, quản lý nhà nước và luật pháp vì sự bền vững môi trường: Vai trò của Tòa án—**Bakary Kante**, giám đốc Vụ luật pháp và công ước môi trường của Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP) đã thảo luận về Hội nghị Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững, còn được biết đến với tên gọi Rio+20, Rio 2012, hoặc Hội nghị thượng đỉnh Trái đất 2012. Sự kiện này là bước tiếp nối của Hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường và phát triển và Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững 2002 tại Johannesburg, hướng tới mục tiêu đạt được sự nhất trí của những người đứng đầu nhà nước và đại biểu từ tất cả các lĩnh vực về một công cụ chính trị trọng điểm phục vụ công cuộc xóa nghèo, thúc đẩy tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường, và thể chế hóa phát triển bền vững. Song song với hội nghị này là Hội nghị thế giới về tư pháp, quản lý nhà nước và luật pháp cho sự bền vững về môi trường, với sự tham gia của các bộ trưởng tư pháp, công tố viên trưởng, tổng kiểm toán, chánh án, thẩm phán cấp cao, và những người hành nghề luật khác nhằm thúc đẩy các mục tiêu của Rio+20.

Trong Phiên họp 11—Tầm nhìn ASEAN về tư pháp, quản lý nhà nước và pháp quyền vì sự bền vững môi trường do các chánh án ASEAN lãnh đạo—**Phó Chánh án Hardjono, Mas Achmad Santosa, và Kala Mulqueeney** đóng vai trò là người điều khiển phiên họp. Một video của **Antonio Herman Benjamin**, thẩm phán của Tòa án tối cao Braxin, đã được trình chiếu để chuyển tải quan điểm của Braxin về vai trò của tòa án trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xóa nghèo, đồng thời bảo vệ môi trường: mô hình tòa án là người quan sát so với mô hình tòa án tích cực, Thẩm phán Benjamin cũng thảo luận những luận điểm chống lại việc các thẩm phán xét xử xung đột môi trường và nhấn mạnh sự mở rộng vai trò của tòa án trong cuộc tranh luận về môi trường.

Kết thúc hội nghị bàn tròn, các đại biểu đã có thể hình thành Tuyên bố về một Tầm nhìn chung về môi trường cho các tòa án ASEAN, trong đó các thẩm phán cấp cao đã cam kết tăng cường chuỗi thực thi pháp luật môi trường khi trở về nước. Tầm nhìn chung cho hành động cũng bao gồm những nội dung sau:

- Xây dựng một kế hoạch hành động để tăng cường quy trình xét xử và thực thi pháp luật về môi trường.
- củng cố và/hoặc thành lập các tòa án và tòa xét xử môi trường, các ban môi trường thuộc tòa án chung và các chương trình chuyên môn hóa về môi trường (ví dụ như chứng nhận môi trường).
- Thực thi các quy tắc tổ tụng đặc biệt cho những vụ việc môi trường nếu chúng đã có sẵn và cân nhắc việc xây dựng và thực thi nếu chưa có; các quy tắc này có thể bao gồm một cách tiếp cận linh hoạt về vị thế pháp lý, các quy định đặc biệt về bằng chứng cho các vụ việc môi trường, đẩy nhanh tiến trình xét xử, các biện pháp khắc phục đặc biệt, đình chỉ hành vi vi phạm, và các quy trình môi trường sáng tạo khác.
- Đào tạo về các vấn đề pháp lý môi trường cho thẩm phán mới và có thâm niên công tác thấp, cũng như tất cả những thẩm phán khác xét xử các vụ việc môi trường, gồm cả thông qua các học viện tư pháp quốc gia, và chia sẻ thông tin giữa các thẩm phán về những cách thức khác nhau để phổ biến việc đào tạo này.

Các sự kiện chính của Hội nghị

Phiên khai mạc

Phát biểu khai mạc và chào mừng

Widayatno Sastro Hardjono, phó chánh án về phát triển của Tòa án tối cao Indônêxia, đã chào mừng tất cả 29 chánh án và thẩm phán tham dự đến từ Campuchia, Indônêxia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Malaixia, Mianma, Philippin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam, cùng 30 diễn giả và chuyên gia đại diện cho rất nhiều cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế đã đến tham dự Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về môi trường lần thứ nhất. Hội nghị bàn tròn này phản ánh nỗ lực tiếp tục của các tòa án ASEAN để đảm nhiệm vai trò của mình trong bảo vệ môi trường. Phó Chánh án Hardjono đã ca ngợi lần họp mặt này như là sự kiện đặc biệt để mở rộng mạng lưới thẩm phán, chia sẻ và ghi nhận những thông lệ hoạt động hiệu quả nhất cho việc quản lý hiệu quả và hiệu suất các vụ việc về môi trường.

Phát biểu Chào mừng

Jon Lindborg, giám đốc quốc gia tại Cơ quan đại diện thường trú của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) ở Indônêxia, đã phát biểu khai mạc về công lý môi trường trong khu vực. Ông đã ghi nhận công lao của Chánh án Indônêxia Tumpa trong việc đề xướng và thúc đẩy Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường lần thứ nhất và kêu gọi các tòa án ASEAN giải quyết những vấn đề liên quan tới xét xử và thực thi pháp luật môi trường. Ông cũng nhấn mạnh rằng các chánh án và thẩm phán cấp cao đóng vai trò then chốt trong cải tiến thực thi pháp luật môi trường, không chỉ bằng việc xây dựng một đơn vị diễn giả và thực thi pháp luật môi trường, mà còn bằng việc lãnh đạo những người còn lại trong ngành luật thông qua các hệ thống pháp quyền đáng tin cậy và thúc đẩy công lý môi trường.

Ông Lindborg đã đề xuất ba điểm thảo luận chính trong hội nghị. Thứ nhất, ông nhấn mạnh rằng rất nhiều thách thức luật môi trường mà các quốc gia Đông Nam Á đang phải đối mặt là kết quả của phát triển kinh tế không bền vững. Mặc dù những tiến bộ trong khu vực đã giúp cải thiện mức sống cho nhiều người, song chi phí môi trường đáng kể của sự tăng trưởng này cuối cùng có thể xói mòn mọi thành tựu kinh tế. Cụ thể, ông cũng nói tới những tác động ngày càng xấu của biến đổi khí hậu toàn cầu trên khía cạnh gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan trong khu vực, cũng như tác động của nó tới sản lượng nông nghiệp khu vực do những thay đổi trong lượng mưa. Trích dẫn một nghiên cứu của ADB, ông nói rằng biến đổi khí hậu tại Indônêxia, Thái Lan, Philippin và Việt Nam có thể làm thiệt hại tới 6% tổng thu nhập quốc nội hằng năm tới năm.¹ Hơn nữa, khu vực ASEAN đang đối mặt với tình trạng

¹ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). 2009. *Kinh tế học của biến đổi khí hậu tại Đông Nam Á: Đánh giá về khu vực (The Economics of Biến đổi Khí hậu in Southeast Asia: A Regional Review)*. Manila.

thiếu cam kết trong thực thi luật pháp môi trường quốc gia, như được minh chứng bởi thực tế rằng 75% trữ lượng cá của Đông Nam Á đang bị đe dọa do hoạt động đánh bắt cá trái phép, từ đó đe dọa sinh kế của 120 triệu người dân Đông Nam Á sống dựa vào các nguồn lực ven bờ. Ngoài ra, khu vực này tạo ra hàng tỷ đôla từ hoạt động buôn bán trái phép động thực vật hoang dã, đe dọa tới khoảng 40% các loài động vật và thực vật của khu vực.

Thứ hai, ông Lindbord đã nhấn mạnh sự hỗ trợ nhất quán của ADB dành cho các thể chế tư pháp liên quan tới những thách thức môi trường này. Ông lưu ý rằng ADB đã duy trì cam kết của mình về bền vững môi trường và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Trên thực tế, tăng trưởng bền vững về môi trường, cùng với tăng trưởng công bằng và hội nhập khu vực, là một trong ba mục tiêu chiến lược trong dài hạn của ADB như nêu trong Chiến lược 2020.² Mục tiêu này cũng được phản ánh trong Chính sách về quản lý nhà nước (1995) và Chính sách môi trường (2002) của ADB, được thay thế bằng Tuyên bố về Chính sách An toàn (2009) và Tuyên bố bảo đảm xã hội (2009), định hướng tất cả các hoạt động đầu tư của Ngân hàng trên khắp khu vực châu Á–Thái Bình Dương.³ Hơn nữa, ADB cũng hợp tác với một số quốc gia Đông Nam Á để xử trí các thách thức môi trường này. Ví dụ, ADB hỗ trợ Sáng kiến tam giác san hô, liên kết sáu quốc gia nhằm sử dụng hợp tác vùng để bảo vệ các nguồn lực kinh tế và môi trường trong vùng Tam giác san hô. Sáng kiến này bao gồm Ấn Độ, Malaixia, Philippin, Papua Niu Ghinê, Quần đảo Xôlômôn và Đông Timo, trong một khu vực còn được gọi là “Amazon của đại dương”. ADB cũng hỗ trợ hợp tác khu vực để bảo vệ đa dạng sinh học tại Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Tại Ấn Độ, ADB đã hợp tác với Bộ lâm nghiệp trong những vấn đề liên quan tới trồng rừng và khai thác gỗ trái phép. ADB cũng hỗ trợ Chương trình khôi phục và quản lý rạn san hô của Bộ các vấn đề hàng hải và ngư nghiệp của Ấn Độ, bao gồm hợp tác với các chính quyền địa phương, cảnh sát và hải quân để cấm việc đánh bắt cá trái phép, cùng các hoạt động khác. Cuối cùng, ADB đã hỗ trợ ngành tư pháp Philippin bằng cách cung cấp hơn 300 triệu USD cho chương trình đổi mới ngành tư pháp của quốc gia này, và hỗ trợ kỹ thuật xây dựng các Quy tắc tố tụng cho những vụ việc môi trường. Tất cả những chương trình riêng rẽ này của ADB về môi trường và tư pháp đã củng cố sự hỗ trợ của Ngân hàng đối với Mạng lưới thẩm phán châu Á về môi trường (AJNE), vốn được đề xuất trong khuôn khổ chương trình hỗ trợ kỹ thuật trị giá 1 triệu USD sau khi đạt được sự đồng thuận tại Hội nghị thẩm phán châu Á năm 2010.

Cuối cùng, ông Lindborg đã thảo luận những lĩnh vực có tiềm năng hợp tác giữa những đại biểu tham gia hội nghị bàn tròn. ADB nhìn nhận hội nghị bàn tròn này là một cơ hội quan trọng để hoàn thành tầm nhìn ban đầu của Chánh án Tumpa về việc mang lại cho các tòa án Đông Nam Á một cơ hội cụ thể để xác định những thách thức chung và đi tới một kế hoạch cho sự hợp tác giữa các tòa án nhằm giải quyết những thách thức môi trường chung. Tầm nhìn này không chỉ là một đóng góp quan trọng để giải quyết các thách thức môi trường trong khu vực, mà còn là một tiền lệ quan trọng để các khu vực khác đi đến những hành động trong công cuộc làm sạch thế giới toàn cầu.

² ADB. 2008. *Chiến lược 2020: Khung chiến lược dài hạn của Ngân hàng Phát triển Châu Á, 2008–2020 (Strategy 2020: The Long-Term Strategic Framework of the Asian Development Bank, 2008–2020)*. Manila.

³ ADB. 1995. *Quản trị nhà nước: Quản lý phát triển hiệu quả (Governance: Sound Development Management)*. Manila; ADB. 2002. *Chính sách môi trường (Environment Policy)*. Manila; ADB. 2009. *Tuyên bố chính sách bảo đảm (Safeguard Policy Statement)*. Manila.

Bakary Kante, giám đốc Vụ luật pháp và công ước môi trường của Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), trước hết bày tỏ sự cảm ơn đối với Chánh án Tumpa vì đã đề xuất ý tưởng cho hội nghị bàn tròn này, và tới Tòa án tối cao Ấn Độ và ADB vì đã chủ trì sự kiện này. Từ các cuộc đối thoại cấp tiểu vùng tới Hội nghị thẩm phán toàn cầu về phát triển bền vững và vai trò của luật pháp (được tổ chức trước thềm Hội nghị thượng đỉnh thế giới của Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững tại Johannesburg năm 2002), UNEP đã tham gia tích cực với các tòa án trên khắp thế giới trong rất nhiều lĩnh vực của luật pháp môi trường. TS. Kante nhấn mạnh vai trò của tòa án trong việc thúc đẩy thực thi pháp luật môi trường và đi đầu trong những quan điểm sáng tạo về cách thức theo đó luật pháp có thể thúc đẩy phát triển bền vững. Ông cũng nhận xét rằng, các quốc gia ASEAN nằm trong nhóm những nước giàu nhất trên thế giới xét trên khía cạnh nguồn nhân lực, rừng, đa dạng sinh học và nguồn tài nguyên biển, đồng thời các lãnh đạo của họ cũng hiểu rõ tầm quan trọng của việc đầu tư vào của cải này như một phần của phát triển và tiến bộ nhân loại. Ví dụ, phiên họp chuẩn bị đầu tiên cho Hội nghị thế giới về tư pháp, quản lý nhà nước và luật pháp cho sự bền vững về môi trường, được tổ chức tại Kuala Lumpur tháng 10 năm 2011, đã cho ra đời Tuyên bố Kuala Lumpur, bao gồm hướng dẫn về cách thức thúc đẩy các khía cạnh tư pháp và quản lý nhà nước trong bền vững môi trường. Trong phần này, TS. Kante đã ghi nhận vai trò then chốt của chính phủ và bộ máy tư pháp Malaixia trong việc thúc đẩy các mục tiêu của hội nghị thế giới.

TS. Kante kết luận bằng cách chỉ ra những thách thức đe dọa tới môi trường, bao gồm biến đổi khí hậu, phá rừng, mất đa dạng sinh học, buôn bán trái phép các loài hoang dã, suy giảm các nguồn tài nguyên ven bờ, và ô nhiễm dưới nhiều hình thức. Ông kêu gọi các thành viên cấp cao của các tòa án ASEAN (i) đi tới một tầm nhìn chung về hợp tác trong các vấn đề môi trường nhằm bảo đảm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, (ii) khuyến khích các tòa án tại những khu vực khác góp phần bảo vệ sự bền vững môi trường như là cơ sở cho sự thịnh vượng của nhân loại, (iii) khẳng định yêu cầu phải có những cải cách triệt để trong quản trị môi trường, và (iv) huy động cộng đồng quốc tế để có hành động ứng phó đầy đủ hơn trước những vấn đề môi trường ngày càng phức tạp.

Phát biểu Chủ đạo Thứ nhất

Harifin A. Tumpa, Chánh án Tòa án tối cao Ấn Độ, bắt đầu bằng việc ca ngợi hội nghị này là hết sức quan trọng để hỗ trợ cam kết của các chính phủ thúc đẩy phát triển bền vững như một mục tiêu chung. Các quốc gia Đông Nam Á đều đối mặt với những vấn đề môi trường giống nhau, bao gồm biến đổi khí hậu, phá rừng và khai thác gỗ trái phép, mất đa dạng sinh học, buôn bán trái phép loài hoang dã, tàn phá đại dương, đánh bắt cá không bền vững, ô nhiễm nước và không khí. Do vậy, cần có một khung chính sách rõ ràng, theo đó tất cả các quốc gia Đông Nam Á sẽ tham gia những biện pháp hợp tác chiến lược để giải quyết các vấn đề này.

Chánh án Tumpa khẳng định cam kết mạnh mẽ của Tòa án tối cao Ấn Độ trong việc bảo đảm phát triển kinh tế bền vững của Ấn Độ thông qua tăng cường nguồn nhân lực thực thi pháp luật môi trường, đặc biệt là các thẩm phán, những người được trang bị tốt hơn để xử lý các vụ việc môi trường. Từ năm 1999, khoảng 800 thẩm phán đã tham dự các chương trình đào tạo về luật môi trường và tăng cường kỹ năng chuyên biệt. Các thẩm phán đã trải qua chương trình đào tạo này được coi là thẩm phán có chứng nhận về xét xử môi trường.

Tuy nhiên, hệ thống chứng nhận của Ấn Độ rất khác so với các tòa môi trường hoặc các ban môi trường tại nhiều nước láng giềng, như Ôxtrâyli, Niu Dillan và Philippiin ở chỗ thay vì có các tòa án mới được thiết lập hoặc chỉ định như các tòa môi trường đặc biệt, các thẩm phán của những tòa án dân sự hoặc hình sự chung hiện thời hoặc của các tòa hành chính cấp bang được đào tạo cụ thể để xét xử các vấn đề môi trường. Ông kết thúc bằng cách thừa nhận thực tế rằng hệ thống chứng nhận của Ấn Độ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Tuy nhiên, ông hy vọng hội nghị bàn tròn này sẽ là một diễn đàn để tập hợp ý kiến đóng góp của các thẩm phán cấp cao từ những nước khác, cũng như là nơi để tất cả các thẩm phán tham gia học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm về những nỗ lực của họ trong việc duy trì công lý môi trường.

Giới thiệu các Đại biểu

Lúc này, một thành viên của mỗi đoàn đại biểu sẽ giới thiệu bản thân và các thành viên khác trong đoàn.

Đông Nam Á: Hiện trạng Môi trường *Cứu lấy kho báu thiên nhiên của ASEAN (video)*

Một video, với nhan đề *Cứu lấy kho báu thiên nhiên của ASEAN* đã được trình chiếu cho các đại biểu. Video đã cho thấy sự đa dạng sinh học phong phú của Đông Nam Á, yêu cầu bảo vệ sự đa dạng sinh học này, và hiện trạng u ám của nó do những hậu quả bắt nguồn từ sự lựa chọn của con người khi sử dụng tài nguyên thiên và thiếu khôn ngoan khi đưa vào hệ sinh thái những loài ngoại lai xâm lấn, cùng những nguyên nhân khác. Bên cạnh mất an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, quản lý các khu bảo tồn, thiếu ngân sách, và các vấn đề hỗ trợ nghiêm trọng khác, mất đa dạng sinh học nằm trong số những nguy cơ lớn nhất đe dọa người dân Đông Nam Á.

Để đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của người dân với nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng bị thu hẹp, các quốc gia thành viên ASEAN đã bắt đầu phối hợp để bảo vệ đa dạng sinh học theo nhiều cách thức, bao gồm tham gia ký kết những văn kiện quốc tế khác nhau, gồm cả Công ước về đa dạng sinh học; trở thành thành viên của một số chương trình bảo tồn; và thiết lập mạng lưới các khu bảo tồn riêng của mình. Sự công nhận trách nhiệm chung trong bảo vệ đa dạng sinh học của khu vực đã dẫn tới việc thành lập Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học khu vực ASEAN, làm cầu nối những nỗ lực bảo tồn giữa chính phủ các nước ASEAN và giữa ASEAN với Liên minh châu Âu. Trung tâm khu vực này đã thúc đẩy việc áp dụng những tiêu chuẩn chung, các thông lệ hiệu quả nhất, và các chính sách phù hợp trong mọi vấn đề của quản lý đa dạng sinh học, giúp phục hồi ý tưởng về các công viên di sản ASEAN để tạo ra nhận thức lớn hơn, sự đánh giá đúng, và bảo tồn di sản thiên nhiên giàu có của khu vực.

Trong Hội nghị bộ trưởng ASEAN không chính thức lần thứ chín tổ chức ngày 27 tháng 9 năm 2005, Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN đã được đề xuất thành lập như là sự kế thừa Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học khu vực ASEAN. Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN góp phần (i) tăng cường những nỗ lực phối hợp của khu vực, (ii) củng cố năng lực của các quốc gia thành viên ASEAN và các bên hữu quan về đa dạng sinh học (iii) xây dựng các

chương trình và định hình chính sách, (iv) xây dựng năng lực thể chế và nhân sự, (v) quản lý thông tin đa dạng sinh học, và (vi) nâng cao nhận thức của công chúng và giới lãnh đạo về các giá trị của đa dạng sinh học và các cơ chế tài chính bền vững dựa trên nguyên tắc chia sẻ công bằng và bền vững đa dạng sinh học ASEAN vì lợi ích chung về kinh tế, xã hội và môi trường của các quốc gia thành viên.

Mặc dù các quốc gia ASEAN đã bắt đầu phối hợp để bảo tồn đa dạng sinh học giàu có của khu vực, vẫn còn rất nhiều việc cần phải làm và sự hỗ trợ của mỗi người đều là quý báu trong nỗ lực này.

Tổng quan: Hình dung 2020: Công lý, Quản trị Nhà nước và Pháp quyền vì sự Bền vững Môi trường

Kala Mulqueeny, luật sư cấp cao tại Văn phòng Tư vấn luật ADB, bắt đầu bằng việc trình bày cơ sở bắt nguồn từ Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á 2010 và ADB đã bắt đầu công việc này ra sao theo yêu cầu của Tòa án tối cao Ấn Độ về việc hỗ trợ kỹ thuật để (i) thiết lập hệ thống chứng nhận thẩm phán về môi trường, và (ii) tìm hiểu rõ hơn về cách thức các tòa án tại những nơi khác trên thế giới xử trí các vấn đề môi trường. Năm 2010, ADB đã mời 110 thẩm phán và quan chức môi trường từ khắp châu Á tới Manila tham dự Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á. Bà cho rằng hội nghị bàn tròn này là sự mở rộng tự nhiên của hội nghị chuyên đề năm 2010, do chánh án của Tòa án tối cao Ấn Độ đã mời các chánh án ASEAN tới Jakarta để tham dự hội nghị bàn tròn lần thứ nhất các chánh án và thành viên cấp cao của tòa án để thảo luận những thách thức môi trường chung.

Tiếp đó, TS. Mulqueeny đã phân tích nội dung thảo luận của hội nghị bàn tròn:

- (i) những thách thức đối với môi trường và luật môi trường ở Đông Nam Á, bao gồm
 - (a) biến đổi khí hậu;
 - (b) phá rừng và khai thác gỗ trái phép;
 - (c) đa dạng sinh học và buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã;
 - (d) tàn phá đại dương, đánh bắt cá trái phép, và ô nhiễm biển;
 - (e) quy hoạch và đánh giá tác động môi trường;
 - (f) ô nhiễm nước ngọt, lũ lụt và khí hậu; và
 - (g) đô thị hóa và ô nhiễm không khí; và
- (ii) những thách thức đối với tòa án nói riêng.

Bà cũng kêu gọi các đại biểu suy nghĩ về vai trò của tòa án, đặc biệt trong việc định hình luật môi trường và các biện pháp để tăng cường năng lực của tòa án trong phán quyết các vụ việc môi trường. Các phiên họp cũng được dựa trên những chủ đề xuất phát từ nội dung thảo luận trong Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á, bao gồm thẩm quyền song song của tòa án về môi trường, vị thế pháp lý, gánh nặng bằng chứng và nguyên tắc phòng ngừa,

bằng chứng khoa học và chuyên môn, thiệt hại, các biện pháp khắc phục, hình phạt và chế tài, hồ sơ tòa án về các vụ việc môi trường, và thực thi pháp luật môi trường.

TS. Mulqueeny đã nhấn mạnh thách thức của việc tăng cường năng lực và duy trì sự liên chính của tòa án trong chuỗi thực thi pháp luật môi trường bằng cách kêu gọi các đại biểu suy ngẫm về cách thức bảo đảm các tòa sơ thẩm có đủ năng lực để giúp người nghèo có thể tiếp cận công lý môi trường. Bà kết thúc với việc khẳng định hội nghị bàn tròn này là một cơ hội để đạt được tầm nhìn chung về môi trường - một tuyên bố hoặc kế hoạch hành động cụ thể và một phương tiện để tất cả mọi người có thể hợp tác trong việc giải quyết những thách thức môi trường.

Phát biểu Giới thiệu của từng Trưởng đoàn

Ở phần này, cả Paulus E. Lotulung, phó chánh án Tòa án tối cao Indônêxia kiêm chủ tọa phiên họp sáng, và TS. Mulqueeny đều đã khuyến khích các đại biểu nhận xét về đoạn video trình chiếu và/hoặc phần trình bày tổng quan của TS. Mulqueeny, chia sẻ những nhận xét của bản thân họ về hiện trạng môi trường, hệ thống diễn giải và áp dụng luật pháp môi trường ở nước mình, và phát biểu về những nội dung họ muốn thảo luận trong hội nghị bàn tròn.

Philíppin

Đọc phát biểu của Chánh án Corona, **Presbitero J. Velasco Jr.**, phó chánh án Tòa án tối cao Philíppin đã lưu ý rằng Tòa án tối cao Philíppin đã đáp ứng lời kêu gọi dỡ bỏ những rào cản trong hệ thống tư pháp và tăng cường tiếp cận tòa án để bảo đảm hiệu quả của việc thực thi pháp luật môi trường. Trên thực tế, ngành tư pháp Philíppin đã chỉ định 117 tòa môi trường để nghe, xét xử và phán quyết các vụ việc môi trường, trong đó có 137 vụ đang bị treo. Tòa án tối cao Philíppin đã ban hành Các quy tắc tố tụng cho các vụ việc môi trường, có hiệu lực vào tháng 4 năm 2010. Trái ngược với tiêu chuẩn thông thường là “không có tổn thất, không có kiện cáo” hoặc “có tổn thất trên thực tế” trong các tòa án tại Hoa Kỳ, các quy tắc này đã áp dụng quy định về vị thế pháp lý tự do được đưa ra đầu tiên trong phán quyết bước ngoặt Oposa kiện Factoran (G.R. số 10108, 30 tháng 7 năm 1993) cho phép bố mẹ được kiện thay mặt con cái và các thế hệ chưa ra đời. Những quy tắc này cũng bao gồm quy định về các vụ kiện của công dân, quyết định tán thành, lệnh bảo vệ môi trường, *lệnh tự nhiên* (writ of *kalikasan*), *lệnh yêu cầu thực thi của tòa* (writ of continuing *mandamus*), chống lại các vụ kiện chiến lược nhằm cản trở sự tham gia của công chúng, và nguyên tắc phòng ngừa. Để các thẩm phán, công tố viên, và cán bộ các cơ quan bán tư pháp quen thuộc với những quy tắc này, tòa án tối cao đã tiến hành một chương trình đào tạo xây dựng năng lực đa lĩnh vực và sáng tạo trên phạm vi toàn quốc.

Indônêxia

Chánh án Justice Tumpa đã chia sẻ kinh nghiệm của Tòa án Indônêxia trong lĩnh vực luật môi trường bằng cách nêu ra các ví dụ về pháp luật môi trường của Indônêxia, các phán quyết bước ngoặt, các vụ kiện tập thể chống lại quan chức chính phủ vì quản lý kém tài nguyên thiên nhiên dẫn tới những sự kiện không may như sạt lở đất và tổn thất nặng nề về tài sản, và các hành động đền bù liên quan tới ô nhiễm công nghiệp và luật môi trường. Ông nhấn mạnh nhu cầu phải có các thẩm phán được chứng nhận, được đào tạo chuyên môn về luật môi trường, để xét xử và phán quyết các vụ việc môi trường đòi hỏi trình bày

các bằng chứng khoa học và sự hiểu biết về những khái niệm đặc biệt hoặc các nguyên tắc pháp lý. Nghị định của Chánh án số 134 năm 2011 đã thành lập Chương trình tòa án xanh về chứng nhận các thẩm phán để xét xử các vụ việc môi trường.

Việt Nam

Ông **Đặng Xuân Đào**, chánh án Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam, đã nêu một vài ví dụ về luật pháp và các vấn đề môi trường của Việt Nam mà các tòa án Việt Nam gặp phải khi xét xử các vụ việc môi trường. Nhấn mạnh một vụ kiện tập thể gần đây, trong đó các bên đã đi tới thỏa thuận trung gian hòa giải liên quan tới xác định tổn thất của các nguyên đơn và mức đền bù thích hợp cho họ, Chánh án Đào giải thích rằng ngành tư pháp Việt Nam phải đối mặt với một số vấn đề, bao gồm đánh giá đúng đắn tổn thất và đền bù liên quan tới môi trường, thu thập bằng chứng, và đào tạo thẩm phán.

Xingapo

Philip Nalliah Pillai, thẩm phán Tòa án tối cao Xingapo, đã thảo luận về cách thức theo đó hiến pháp và hệ thống thông luật độc đáo của Xingapo, vốn rất giống với Malaixia, đã định hình cấu trúc và chức năng của ngành tư pháp. Ông nói rằng để hiểu rõ hơn việc xây dựng năng lực cho các tòa án ASEAN, trước tiên phải hiểu rõ hệ thống pháp lý và tòa án của từng nước hoạt động như thế nào. Ông kết thúc bằng phát biểu rằng do quy mô nhỏ, nên Xingapo kiểm soát biên giới của mình khá tốt, từ đó tránh được việc trở thành đầu mối của các hoạt động buôn bán trái phép các loài bị đe dọa.

Lúc này, **Associate Justice Velasco** bổ sung rằng hiến pháp, tòa án, hệ thống trừng phạt, và cộng đồng của mỗi quốc gia là những bộ phận cơ bản của bộ máy thực thi pháp luật. Các nước ASEAN đã có đầy đủ luật pháp về môi trường, do vậy vấn đề thực sự nằm ở chỗ làm sao để thực thi hiệu quả pháp luật. Tiếp đó, ông đã mô tả việc thực thi pháp luật môi trường trong bối cảnh Philippin, và chỉ ra một số vấn đề cơ bản cần xem xét, ví dụ như

- (i) thiếu cán bộ thực thi pháp luật, do vậy cần sự hỗ trợ của các cán bộ tại thôn bản (barangay) - những người nắm rõ nhất nếu có bất kỳ vi phạm nào về luật môi trường;
- (ii) nhu cầu đối với các công tố viên “sạch”, những người không chỉ tận tụy với việc xóa bỏ hành động buôn bán trái phép các loài bị đe dọa và gỗ, mà còn có năng lực thu thập bằng chứng đúng đắn để tạo thuận lợi cho việc giải quyết nhanh chóng các vụ việc môi trường;
- (iii) thực thi lỏng lẻo pháp luật môi trường và luật tập quán, điều khiến cho Philippin trở thành một điểm dừng chân hấp dẫn của các hoạt động thương mại trái phép; và
- (iv) hợp tác quốc tế trong việc cắt giảm nhu cầu đối với các loài bị đe dọa và gỗ ăn cắp, từ đó làm giảm nguồn cung.

Malaixia

Tan Sri Arifin Zakaria, chánh án Tòa án tối cao Malaixia, nói rằng tòa án Malaixia nhìn nhận vấn đề này thuộc phạm vi giáo dục nhiều hơn; rằng cần phải làm cho mọi người - đặc biệt là người dân sống ở vùng sâu vùng xa - hiểu rõ các vấn đề môi trường để đóng một vai trò tích cực trong bảo vệ và bảo tồn môi trường. Thật may, đã có những dân tộc bản địa tại Sabah

và Sarawak bắt đầu chiến đấu bảo vệ các quyền theo tập quán bản xứ và quyền đối với sinh kế của họ. Ngày càng có yêu cầu cấp thiết phải trao quyền cho những dân tộc này để trước hết là khởi kiện và đòi quyền đối với đất đai thuộc sở hữu của họ theo luật. Mặt khác, việc cân bằng nhu cầu của đô thị với nhu cầu bảo tồn môi trường là một vấn đề đối với các nhà hoạch định chính sách.

Một điểm thú vị là Chánh án Zakaria chỉ ra rằng nghĩa vụ bảo tồn môi trường phải được các nước phát triển chung vai gánh vác, để thiên nhiên trở thành di sản quốc tế; và mục đích khi một người vi phạm cái đã bị coi là tội phạm môi trường cần phải được xem xét khi quyết định liệu người đó có bị khởi tố hay không. Điều này đặc biệt cần thiết, xét tới thực tế rằng một người dân tộc bản địa chặt cây để đáp ứng nhu cầu cá nhân về lương thực hoặc nơi trú ẩn sẽ không phá hủy toàn bộ khu vực. Điều đáng buồn là theo quan điểm của tòa án, thiếu trầm trọng bằng chứng để có thể khởi tố những người thực sự phạm tội đối với môi trường. Chỉ có những công nhân nghèo bị bắt và trừng phạt, và họ từ chối tiết lộ danh tính của người thuê họ, tức là những kẻ chủ mưu việc này.

Chánh án Zakaria kết thúc bằng cách chia sẻ một quảng cáo chống lại việc buôn bán trái phép các loài hoang dã tại Malaixia: “Không còn người mua, không còn giết chóc”. Như các đại biểu khác đã chia sẻ, chính nhu cầu đã dẫn đến việc giết chóc các loài hoang dã. Tiếp đó, ông cảm ơn Tòa án tối cao Ấn Độ và ADB vì lời mời tham gia hội nghị và bày tỏ cam kết cải tiến những nỗ lực của tòa án để bảo vệ môi trường.

Tiếp đó, TS. Mulqueeney đã nhắc lại vai trò của tòa án trong chuỗi thực thi pháp luật, tóm tắt những nội dung đã thảo luận từ trước tới nay và kêu gọi các ý kiến khác. Chánh án Zakaria sau đó bổ sung rằng các vi phạm môi trường ở một quốc gia có những hàm ý và hệ lụy đối với các quốc gia khác. Do vậy, tác động to lớn của những vi phạm này cần được cân nhắc trong hình phạt áp dụng.

Thái Lan

Winai Ruangsri, thẩm phán nghiên cứu cấp cao của Tòa án tối cao Thái Lan, đã chia sẻ về hai diễn biến trong hệ thống tư pháp Thái Lan: (i) giải quyết vấn đề thẩm quyền xét xử trùng lặp giữa các tòa hành chính và tòa công lý Thái Lan; và (ii) mở rộng vị thế pháp lý để khởi kiện các vụ việc môi trường, dù vấn đề nảy sinh hiện nay là mở rộng ở mức độ nào để tránh tình trạng tràn ngập các vụ việc môi trường. Sau đó, ông nhắc tới những điều kiện tiên quyết để khởi kiện các vụ việc môi trường của hệ thống tòa án Ôxtrâyliya như những hướng dẫn cho Tòa án tối cao Thái Lan soạn thảo quy tắc tố tụng mới về vị thế pháp lý. Ví dụ, nguyên đơn muốn khởi kiện lên tòa phải có “bàn tay sạch” (hoặc không có vi phạm) và có lập luận pháp lý vững chắc.

Maneewon Phromnoi, thẩm phán Tòa hành chính tối cao Thái Lan, thông báo về việc thành lập các ban môi trường mới trực thuộc các tòa hành chính vào tháng 8 năm 2011 để xét xử và phán quyết riêng về các vụ việc môi trường. Hiện tại, Tòa hành chính tối cao Thái Lan đang dự định xây dựng các quy tắc tố tụng đặc biệt để đẩy nhanh việc xét xử các vụ việc môi trường, và cho phép đệ trình các vụ kiện tập thể và/hoặc các vụ kiện thay mặt.

Lúc này, Chánh án Đặng Xuân Đào thông báo với các đại biểu rằng hệ thống tòa án Việt Nam được tổ chức theo mô hình dưới Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam là các tòa án tỉnh/

thành và quận/huyện; các tòa án quân sự; và các tòa hành chính, kinh tế và lao động. Mỗi tòa án đều phải áp dụng các quy tắc tố tụng phù hợp, và công dân có thể đệ đơn kiện theo thẩm quyền xét xử tranh chấp của từng tòa án.

Các tòa dân sự và kinh tế xét xử các vụ việc môi trường với tòa án kinh tế thực thi thẩm quyền xét xử khi bị đơn là một doanh nghiệp; các trường hợp còn lại thì tòa dân sự sẽ thực thi thẩm quyền xét xử. Xung đột liên quan tới việc tòa án nào sẽ thực thi thẩm quyền xét xử một vụ việc cụ thể sẽ được chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Khampha Sengdara, phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào thông báo rằng hiện tại nước này chưa có một tòa án môi trường riêng biệt. Vấn đề tòa án nào có thẩm quyền xét xử một vụ việc môi trường cụ thể được giải quyết bằng cách xác định mức độ tác động, khối lượng tổn thất, và giới hạn thẩm quyền xét xử các vụ việc của thẩm phán.

Campuchia

Kim Sathavy, thẩm phán Tòa án tối cao Campuchia, cũng xác định thực thi pháp luật môi trường là vấn đề của tòa án khi giải quyết những thách thức môi trường. Tại Campuchia, Tòa công lý thực thi thẩm quyền xét xử chung đối với các vụ việc dân sự, hình sự, thương mại, hành chính và lao động. Như vậy, vấn đề rất quan trọng là phải có các thẩm phán có chuyên môn trong nhiều lĩnh vực luật pháp. Thẩm phán Sathavy kết luận bằng việc thông báo với các đại biểu về viện đào tạo của Campuchia, nơi đào tạo các thẩm phán và công tố viên.

Hợp tác Khu vực ASEAN về Môi trường

Ilyas Asaad, thứ trưởng phụ trách truyền thông và sự tham gia của công chúng về môi trường, Bộ môi trường Ấn Độ, đã trình bày tổng quan hợp tác của ASEAN về môi trường. Ông Asaad đưa ra rất nhiều số liệu chứng tỏ ASEAN là một trong những khu vực có sinh thái đa dạng nhất của thế giới. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế và dân số nhanh, cùng với những bất bình đẳng xã hội tồn tại trên khắp khu vực, đã dẫn tới việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên không bền vững và tạo ra cho sự xuất hiện những vấn đề môi trường chung hoặc xuyên biên giới, bao gồm: (i) ô nhiễm không khí, nước và đất; (ii) suy thoái môi trường đô thị; (iii) ô nhiễm khói mù xuyên biên giới; và (iv) cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đa dạng sinh học.

Để thúc đẩy phát triển bền vững và hợp tác khu vực, từ năm 1977, các nước thành viên ASEAN đã phối hợp với nhau và tập trung vào mười lĩnh vực ưu tiên có tầm quan trọng khu vực, như được phản ánh trong Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng văn hóa-xã hội ASEAN, được các nhà lãnh đạo ASEAN thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 14, tháng 3 năm 2009 ở Thái Lan. Kế hoạch này—cùng với Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng an ninh-chính trị ASEAN, Kế hoạch tổng thể về Cộng đồng kinh tế ASEAN, và các Kế hoạch làm việc về Sáng kiến hội nhập ASEAN—đóng vai trò là kế hoạch hướng tới sự thành lập cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Cụ thể, các lĩnh vực ưu tiên hợp tác của ASEAN như đề cập ở trên bao gồm:

- (i) Giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu và quản lý, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xuyên biên giới.
- (ii) Quản lý và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xuyên biên giới, bao gồm ô nhiễm khói mù xuyên biên giới và vận chuyển phế thải độc hại xuyên biên giới, thông qua việc thiết lập các cơ chế thông tin truyền thông và xây dựng một danh mục trực tuyến các nguồn lực cứu hỏa sẵn có trong trường hợp khẩn cấp, và thành lập Ủy ban chuyên gia ASEAN về đánh giá và điều phối hỏa hoạn và khói mù để triển khai khi có khủng hoảng đe dọa, cùng các trường hợp khác.
- (iii) Thúc đẩy phát triển bền vững thông qua giáo dục về môi trường và sự tham của công chúng, phù hợp với Kế hoạch hành động giáo dục môi trường ASEAN, 2000-2005, được sửa đổi bởi Kế hoạch hành động giáo dục môi trường ASEAN, 2008-2012. Đáng chú ý, các kế hoạch hành động này đáp ứng bốn mục đích: (a) giáo dục chính thống, (b) giáo dục phi chính thống, (c) xây dựng năng lực, và (d) thiết lập mạng lưới và quan hệ đối tác. Trong giai đoạn ban đầu thực hiện kế hoạch hành động giáo dục, cần tập trung vào (a) thiết lập một mạng lưới các trường học xanh hoặc trường học sinh thái ASEAN; (b) tiến hành một chương trình đào tạo giáo dục môi trường ASEAN vì phát triển bền vững cho các nhóm đối tượng trọng điểm như quan chức chính phủ, thành viên nghị viện và các quan chức dân cử khác, các chuyên gia về thông tin - truyền thông, thanh niên và phụ nữ; (c) thúc đẩy và quản lý Cơ sở dữ liệu thống kê giáo dục môi trường ASEAN như một diễn đàn trung tâm để trao đổi, phổ biến thông tin về môi trường và học tập; (d) xây dựng một mạng lưới tuổi trẻ ASEAN vì môi trường bền vững; và (e) thành lập một chương trình tuổi trẻ hành động vì phát triển bền vững.
- (iv) Tăng cường công nghệ hiệu quả về môi trường thông qua việc sử dụng các quy trình và công nghệ sản xuất thân thiện hơn với môi trường, thành lập mạng lưới các công nghệ hiệu quả về môi trường ASEAN như một diễn đàn để chia sẻ kinh nghiệm và thông tin.
- (v) Thúc đẩy các tiêu chuẩn chất lượng cuộc sống tại các thành phố và đô thị ASEAN thông qua Sáng kiến ASEAN về các thành phố bền vững môi trường, tập trung vào việc giải quyết các thách thức môi trường đô thị, và Chương trình thành phố kiểu mẫu bền vững môi trường ASEAN, công nhận những nỗ lực tiêu biểu để duy trì các thành phố xanh, sạch và đáng sống.
- (vi) Hải hòa các chính sách và cơ sở dữ liệu môi trường trong phạm vi Nhóm công tác ASEAN về các thỏa thuận môi trường đa phương và việc xuất bản thường kỳ các báo cáo tình hình môi trường ASEAN và Báo cáo của ASEAN tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững.
- (vii) Thúc đẩy việc sử dụng bền vững môi trường biển và ven bờ với việc thông qua (a) Tiêu chí chất lượng nước biển cho khu vực ASEAN, quy định các thông số để bảo vệ đời sống sinh vật biển và sức khỏe con người; và (b) Tiêu chí ASEAN cho các khu bảo tồn biển quốc gia và Tiêu chí ASEAN về các khu di sản biển, cả hai đều bao gồm các tiêu chuẩn cho việc lựa chọn và quản lý phù hợp các khu bảo tồn và khu di sản biển mới và/hoặc hiện có. ASEAN cũng đã thông qua và công bố Sổ tay giám sát và hướng dẫn quản lý chất lượng nước biển ASEAN như tài liệu định hướng để phối hợp các chính sách quản lý chất lượng nước biển và các phương thức giám sát trong từng nước và giữa các nước.

- (viii) Thúc đẩy quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học với việc thành lập Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN và Chương trình vườn di sản ASEAN để kết nối các nỗ lực bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và tạo ra nhận thức pháp lý—cũng như sự tự hào và đánh giá cao—đối với di sản thiên nhiên phong phú của ASEAN, cùng các yếu tố khác.
- (ix) Thúc đẩy sự bền vững của các nguồn nước ngọt với việc thành lập Nhóm công tác ASEAN về quản lý tài nguyên nước và các chiến lược khác để bảo tồn nguồn tài nguyên nước.
- (x) Ứng phó với biến đổi khí hậu và xử trí những tác động của nó thông qua việc thành lập Diễn đàn ASEAN về biến đổi khí hậu ở châu Á như một diễn đàn tham vấn để thúc đẩy các nỗ lực của khu vực trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phát biểu Chủ đạo Thứ hai

Giáo sư Dr. Emil Salim, người đứng đầu Ủy ban cố vấn cho tổng thống Indônêxia đồng thời cũng là một chuyên gia phát triển bền vững, đã có bài phát biểu chủ đạo thứ hai về những thách thức phổ biến trong pháp luật môi trường tại Đông Nam Á và vai trò của tòa án trong việc xử lý những thách thức này, đặc biệt là biến đổi khí hậu. Phần ghi chép bài phát biểu của ông hiện chưa có.

Phiên họp 1

Thách thức chung đối với các quan tòa ASEAN: Những thách thức chủ yếu về pháp lý và bằng chứng trong phán quyết các vụ việc môi trường

Mas Achmad Santosa, thành viên Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (hay còn gọi là Nhóm đặc trách của Tổng thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp), chuyên gia về quản trị và luật môi trường và cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách xã hội về tư pháp, pháp lý và nhân quyền của Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc—Indônêxia, là người điều khiển phiên họp này. Ông định hình phiên họp bằng cách trước hết nhắc tới những thách thức về pháp lý và bằng chứng trong xét xử các vụ việc môi trường, như được xác định trong Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á 2010: (i) vị thế pháp lý hoặc quyền khởi kiện, hay *quyền trình bày trước tòa (locus standi)*; (ii) bằng chứng chuyên môn; (iii) đánh giá tổn thất môi trường; (iv) chế tài và hình phạt; (v) thực thi các phán quyết của tòa án; và (vi) phương thức giải quyết tranh chấp môi trường ngoài tòa án (EADR).

Tiếp đó, ông Santosa lưu ý ba thách thức cơ bản trong việc thu thập bằng chứng chuyên môn: (i) khó khăn trong việc đánh giá hai bằng chứng chuyên môn mâu thuẫn nhau; (ii) chi phí cao của việc thu thập bằng chứng chuyên môn; và (iii) thiếu chuyên gia trong rất nhiều lĩnh vực kỹ thuật. Để xử lý những thách thức này, ông đề xuất các tòa án cần

- (i) yêu cầu các chuyên gia thảo luận vụ việc nhằm mục đích tạo ra một cuộc đối thoại khách quan về các điểm mâu thuẫn và đơn giản hóa vấn đề,
- (ii) dự thảo hướng dẫn nội bộ về việc đánh giá đúng đắn dẫn uy tín của các chuyên gia nhằm hỗ trợ thẩm phán tập trung vào chuyên môn của họ,
- (iii) đề cử một ủy ban độc lập gồm các chuyên gia để nghiên cứu vụ việc và đưa ra khuyến nghị cho tòa án,
- (iv) chuẩn bị một danh sách các chuyên gia từ các viện khoa học và kỹ thuật của chính phủ mà có thể được yêu cầu đảm nhiệm vị trí chuyên gia tại tòa,
- (v) tập hợp và lên ý tưởng về những loại câu hỏi mà chuyên gia có thể bị hỏi,
- (vi) làm việc cùng với cộng đồng khoa học và học thuật để có thể đề nghị các nhà khoa học và nhà nghiên cứu đảm nhiệm vai trò chuyên gia tại tòa,
- (vii) đưa các nội dung khoa học và kỹ thuật liên quan tới môi trường thành một phần trong hoạt động đào tạo phát triển chuyên môn thường xuyên của các thẩm phán, và
- (viii) bổ nhiệm các chuyên gia kỹ thuật của tòa, những người sẽ tư vấn cho tòa án về các vấn đề kỹ thuật.

Ông Santosa cũng nêu lên một số điểm còn thiếu trong việc sử dụng cơ chế EADR. Ví dụ, ông lưu ý rằng EADR chưa được sử dụng đúng mức như một phương tiện để giải quyết các tranh chấp môi trường. Có rất ít các nhà hòa giải giàu kỹ năng và các phương tiện để tiến hành một phiên EADR bên trong hoặc bên ngoài tòa án, và thiếu động cơ để các bên mạnh hơn chấp nhận hòa giải. Sức mạnh thương lượng không đồng đều giữa các bên tranh chấp cũng khiến việc hòa giải không thành công. Để giải quyết các vấn đề này, ông đề xuất sử dụng các nhà hòa giải và/hoặc hỗ trợ viên EADR trung lập, được đào tạo và có kinh nghiệm

phù hợp trong việc giải quyết các tranh chấp môi trường và nhạy bén trước bất kỳ sự bất cân bằng quyền lực nào giữa các bên tranh chấp, và trang bị cho các tòa án những phương tiện cần thiết để cho phép họ tiến hành hoạt động EADR có sự hỗ trợ của tòa hoặc tiếp cận các dịch vụ EADR bên ngoài với đầy đủ nguồn lực.

Những tổn hại do ô nhiễm môi trường không những thường xuyên bị ẩn giấu và mang tính tích tụ, mà tác động của chúng còn chậm bộc lộ, khiến cho nhiệm vụ xác định các nguy cơ và tổn hại của ô nhiễm môi trường thêm phức tạp. Tệ hơn, hầu hết các khu vực tài phán chưa có quy định về biện pháp khắc phục đối với môi trường hoặc các biện pháp pháp lý để xử trí các vấn đề môi trường.

Để định hướng cho các đại biểu, ông Santosa đã nêu ra những câu hỏi sau:

- (i) Những thách thức và thành công chủ yếu nào mà tòa án tại những nước khác nhau đã trải qua để đi tới việc xét xử về môi trường hiệu quả?
- (ii) Các nước xử trí vấn đề vị thế pháp lý như thế nào?
- (iii) Những thách thức nào mà các tòa án gặp phải khi sử dụng bằng chứng chuyên môn và khoa học?
- (iv) Những biện pháp nào bảo đảm các tòa án có thể tiếp cận các chuyên gia công bằng?
- (v) Những biện pháp khắc phục nào, gồm cả biện pháp khắc phục đặc biệt về môi trường, hiện có và có thể được sử dụng cho những vụ việc môi trường tại các khu vực tài phán khác nhau?
- (vi) Có những thách thức nào đối với việc thực thi các phán quyết của tòa án về môi trường?
- (vii) Những thách thức và thành công chủ yếu nào mà tòa án tại những nước khác nhau đã trải qua đối với EADR? Các tòa án ASEAN có thể sử dụng EADR hiệu quả nhất bằng cách nào?

Ông Santosa kết luận bằng cách khuyên các nhà hoạch định chính sách thông qua các đạo luật mới, quy định về các biện pháp khắc phục phù hợp để quản lý các tổn hại về môi trường và trao cho thẩm phán sự linh hoạt lớn hơn để áp đặt những biện pháp khắc phục trong các tranh chấp môi trường, và đòi hỏi các thẩm phán sáng tạo khi đưa ra các biện pháp khắc phục.

Phiên họp 2

Thách thức luật môi trường ASEAN số 1: Phá rừng và khai thác gỗ trái phép

Tint Lwin Thuang, giám đốc điều hành RECOFTC—Trung tâm con người và rừng, bắt đầu bằng việc trình chiếu một đoạn video cho thấy việc khai thác rừng thiếu trách nhiệm đang đe dọa nghiêm trọng các khu rừng trên thế giới, cũng như tới các loài động, thực vật hoang dã và người dân sống phụ thuộc vào rừng. Chủ yếu do nhu cầu khai hoang để trồng trọt và chăn nuôi, phá rừng đã góp phần đáng kể vào tình trạng mất đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và cháy rừng. Các khu rừng được quản lý kém cũng là nguyên nhân dẫn tới sự gia tăng xung đột về nhiên liệu và đời sống hoang dã; suy thoái các lưu vực, sông, suối và đất đai; cũng như tác động tiêu cực đối với các cộng đồng địa phương do mất sinh kế, tái định cư

bắt buộc, sạt lở đất và lũ lụt. Khai thác gỗ trái phép cũng làm các chính phủ mất đi nguồn thu thuế khoảng 10–15 tỷ USD mỗi năm. Chỉ tính riêng ở Hoa Kỳ, ngành công nghiệp gỗ đã mất hơn 1 tỷ USD mỗi năm do tình trạng khai thác gỗ trái phép ở nước ngoài.

Tiếp đó, TS. Thaung đã cập nhật thông tin cho các đại biểu về hiện trạng rừng của thế giới, các yếu tố góp phần vào tình trạng phá rừng đang tiếp diễn tại ASEAN, và hậu quả của tình trạng chặt phá rừng này, đặc biệt đối với biến đổi khí hậu. Trong các hoạt động lâm nghiệp trái phép, khai thác gỗ trái phép được coi là nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng phá rừng nhanh tại ASEAN, và sự phổ biến của nó là do năm yếu tố chính: (i) khung chính sách và pháp lý còn nhiều kẽ hở, (ii) năng lực thực thi pháp luật thấp, (iii) không có đủ dữ liệu về nguồn tài nguyên rừng và các hoạt động trái phép, (iv) tham nhũng ở cả khu vực nhà nước và tư nhân, và (v) nhu cầu cao đối với gỗ giá rẻ. Đáng kể là, sự gia tăng nhu cầu thành lập doanh nghiệp kinh doanh cũng làm gia tăng nhiều chỉ số tham nhũng. Các nền kinh tế Campuchia, Ấn Độ, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Lào), Malaisia và Mianma phụ thuộc vào rừng, còn Xingapo, Thái Lan và Việt Nam cũng được biết tới là các trung tâm chế tác gỗ cho các nước phát triển hơn. Điều này, kết hợp với thực tế là các nước ASEAN có những thể chế chính trị rất khác nhau, đặt ra nhiều thách thức hơn nữa cho các tòa án ASEAN, đặc biệt tại những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn.

Dẫn chứng những thông lệ hiệu quả nhất để cải tiến việc tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực rừng,⁴ TS. Thaung đã liệt kê bốn yếu tố chiến lược để tuân thủ pháp luật hiệu quả hơn. Thứ nhất, những nguyên nhân dẫn tới các hoạt động lâm nghiệp trái phép cần phải được đánh giá thận trọng để giải quyết căn nguyên của việc phá rừng. Thứ hai, các hành động khắc phục phải được ưu tiên. Thứ ba, tác động của những biện pháp khắc phục cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng trên khía cạnh sự linh hoạt về kinh tế và sự chấp thuận về mặt xã hội. Cuối cùng, sự tham gia mạnh mẽ của các bên liên quan cần được khuyến khích và duy trì để bảo đảm sự thành công của các biện pháp khắc phục được áp dụng. Nói cách khác, có thể thúc đẩy và tăng cường tuân thủ luật pháp bằng cách cải tiến mức độ dữ liệu có sẵn; củng cố năng lực thực thi pháp luật, sự minh bạch và các nỗ lực phòng chống tham nhũng; và hoàn thiện khung chính sách và pháp lý.

Hiển nhiên, các thể chế pháp lý của ASEAN, đặc biệt là đội ngũ cán bộ tòa án, có thể đi đầu trong nỗ lực giảm tình trạng phá rừng do việc khai thác gỗ trái phép và các hoạt động lâm nghiệp trái phép khác thông qua đổi mới, hợp tác, và sử dụng một phương pháp tiếp cận toàn diện. Cụ thể, họ có thể (i) cải thiện khung pháp lý quốc gia để tạo ra sự minh bạch hơn, đơn giản hơn và bảo đảm sự tham gia của người dân trong việc sửa đổi khung chính sách và pháp lý chưa hoàn thiện; (ii) nêu gương về đạo đức và hành vi đúng đắn cho những cơ quan liên quan, như các đơn vị thực thi luật pháp hoặc cơ quan chức năng địa phương khác; và (iii) thúc đẩy trao đổi thông tin với các bên hữu quan khác và vận động cho các thể chế đáp ứng nhanh nhạy, có khả năng ứng phó với thay đổi tình hình. Tất nhiên, các tòa án phải không chịu sự kiểm soát từ bên ngoài khi xử lý các hoạt động lâm nghiệp trái phép và có thể được cập nhật thông tin về những yếu tố tác động tới sự phát triển kinh tế, động lực chính trị và công bằng xã hội của quốc gia mình. Quan trọng nhất, thông qua việc thiết lập mạng lưới, xây dựng năng lực và duy trì ý thức cao về đạo đức và tiêu chuẩn nghề nghiệp, các cán bộ tòa án có thể đứng trên tuyến đầu trong công cuộc ngăn chặn các hoạt động lâm nghiệp trái phép.

⁴ Tổ chức Lương thực và nông nghiệp. 2005. Tài liệu lâm nghiệp số 145. *Những thông lệ hiệu quả nhất để cải thiện việc tuân thủ luật pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp. (Best Practices for Improving Law Compliance in the Forestry Sector)*. Rome.

Lúc này, các đại biểu từ Ấn Độ, Lào và Malaixia được mời chia sẻ kinh nghiệm trong việc thực thi pháp luật lâm nghiệp, vai trò của luật pháp, và những thách thức mà tòa án của họ phải đối mặt khi xét xử các vụ việc này.

Ấn Độ

Thẩm phán Sarwoko, thẩm phán Tòa án tối cao Ấn Độ, trình bày triển vọng thực thi pháp luật liên quan tới phá rừng và các hoạt động khai thác gỗ trái phép ở Ấn Độ. Trước tiên, Thẩm phán Sarwoko đã mô tả hiện trạng rừng của Ấn Độ, nhấn mạnh rằng Ấn Độ có tổng diện tích đất đai khoảng 187.787 triệu héc-ta (ha), trong đó diện tích cây trồng chiếm 132.399 triệu ha. Tốc độ phá rừng trung bình có sự biến động lớn—từ 1,87 triệu ha mỗi năm trong giai đoạn 1985–1987, tăng vọt lên 3,51 triệu ha mỗi năm trong giai đoạn 1997–2000, sau đó giảm xuống còn 1,08 triệu ha mỗi năm trong giai đoạn 2000–2005, và lại tăng lên tới 1,17 triệu ha mỗi năm trong giai đoạn 2003–2006. Dựa trên các số liệu này, trung bình mỗi năm diện tích rừng bị tàn phá của Ấn Độ ước tính khoảng 1,125 triệu ha. Trích dẫn số liệu của Bộ lâm nghiệp Ấn Độ, Tổ chức theo dõi rừng Ấn Độ (Forest Watch Ấn Độ), và Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), Thẩm phán Sarwoko đã nêu lên bốn nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng phá rừng ở Ấn Độ: chuyển đổi đất rừng theo quy hoạch và không theo quy hoạch, khai thác gỗ trái phép, cháy rừng, và mở rộng đất nông nghiệp. Đáng buồn là việc khai thác gỗ trái phép làm tăng tình trạng xuống cấp rừng, do các cánh rừng bị xuống cấp dễ phát quang hơn, trong khi các vụ cháy rừng thường là do cố ý.

Tiếp đó, Thẩm phán Sarkowo đã xác định những yếu tố chính làm gia tăng tình trạng phá rừng và khai thác gỗ trái phép tại Ấn Độ. Trước hết, yếu tố mang tính cấu trúc - hay nói cách khác là định hướng tăng trưởng kinh tế của chính phủ - đã dẫn tới việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên. Thứ hai, có bất cập rất lớn trong pháp luật nội dung của Ấn Độ, với sự chồng chéo lẫn nhau và có thể được diễn giải theo những cách khác nhau (ví dụ, không có sự phân biệt rõ ràng giữa khái niệm “rừng” và “gỗ hợp pháp”). Thứ ba, cần có sự cải thiện mạnh mẽ trong việc tăng cường năng lực và nhận thức của các quan chức thực thi pháp luật, cũng như khuyến khích sự hợp tác giữa các cơ quan chính phủ. Cuối cùng, văn hóa thực thi pháp luật và quản lý rừng cần phải được cải tiến.

Thứ ba, Thẩm phán Sarwoko đã cung cấp thông tin về hiện trạng thực thi pháp luật về rừng tại Ấn Độ. Ông cho biết, theo báo cáo hằng năm của Văn phòng Tổng chương lý, năm 2009, có 92 vụ khai thác gỗ trái phép đã bị kết án sau khi xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, trong số 205 phán quyết được đưa ra trong giai đoạn 2005–2008, chỉ có 17,2% liên quan tới những kẻ chủ mưu hoạt động trái phép này. Hơn nữa, 137 phán quyết trong số này là trắng án, 44 án phạt ít hơn một năm, 14 án phạt tù từ 1 tới 2 năm, và chỉ có 10 án phạt tù dài hơn 2 năm. Những con số này cho thấy các biện pháp thực thi pháp luật về rừng hiện thời có tính răn đe thấp như thế nào.

Trích dẫn một số vụ án về rừng, Thẩm phán Sarwoko nhấn mạnh rằng các tòa án Ấn Độ đã học được cách (i) áp dụng học thuyết trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, được giảng dạy trong các khóa đào tạo về pháp luật môi trường và thực thi pháp luật cho các thẩm phán do Tòa án tối cao tiến hành, phối hợp cùng Trung tâm luật môi trường Ấn Độ; và (ii) sử dụng bằng chứng khoa học. Họ cũng đã nhận ra rằng, một phần cơ bản trong vấn nạn phá rừng là gắn với tham nhũng. Thiếu hiểu biết về cách thức xử trí đúng đắn các vụ việc môi trường và rừng cũng làm suy yếu hệ thống tư pháp hình sự.

Thẩm phán Sarwoko kết luận phần trình bày bằng việc thảo luận quan niệm của ông rằng thẩm phán có thể ngăn ngừa và xử trí các vụ việc phá rừng và khai thác gỗ trái phép thông qua vai trò là (i) người bảo vệ công lý, thiết lập sự bảo đảm về pháp lý trong các vụ việc này; (ii) tác nhân cải cách pháp lý, thực thi chủ nghĩa tích cực tư pháp khi đưa ra những phán quyết giúp giải quyết tình trạng mập mờ trong các luật và quy phạm nội dung; và (iii) một phần của các cộng đồng pháp lý Đông Nam Á, thúc đẩy hợp tác trong xét xử các vụ việc phá rừng.

Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Ngài Khampha Sengdara, phó chánh án Tòa án nhân dân tối cao của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, bắt đầu bằng việc mô tả điều kiện địa lý của Lào và nhấn mạnh rằng thủy điện và gỗ là nguồn tài nguyên thiên chủ đạo của Lào. Tiếp đó, ông nêu rõ rằng khai thác gỗ, định canh định cư, thông lệ quản lý rừng, và dịch chuyển phương thức canh tác là những nguyên nhân chính của tình trạng phá rừng tại Đông Nam Á. Tác động bất lợi của việc khai thác gỗ trái phép càng trầm trọng thêm do thực tế rằng khai thác gỗ trái phép sinh lợi lớn hơn so với khai thác hợp pháp, còn các cơ chế giám sát và thực thi pháp luật yếu kém về rừng không thể ngăn chặn được tình trạng khai thác gỗ trái phép tăng lên.

Phó Chánh án Sengdara nhận xét rằng phá rừng và ô nhiễm gồm có ba loại: ô nhiễm cộng đồng, ô nhiễm nông nghiệp, và ô nhiễm công nghiệp. Về vấn đề này, ông nói rằng luật pháp môi trường mạnh mẽ đóng vai trò then chốt để giải quyết các vấn đề phá rừng và ô nhiễm, cùng với những yếu tố khác.

Malaixia

Ngài YAA Tan Sri Arifin Zakaria, chánh án Tòa án tối cao Malaixia, đã trình bày những số liệu thống kê về diện tích rừng ở Malaixia, sau đó thảo luận Đạo luật rừng quốc gia Malaixia (1984) - văn kiện pháp lý chính quy định các vấn đề liên quan tới rừng, bao gồm các quy định về Hiến pháp và phân loại rừng bảo tồn vĩnh viễn. Nhấn mạnh nhu cầu bảo tồn tài nguyên rừng, Chánh án Zakaria tiếp đó đã thảo luận các hiệp ước và công ước môi trường quốc tế mà Malaixia là một bên ký kết. Các hiệp định này bao gồm Diễn đàn Liên Hợp Quốc về rừng, Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC), Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (hay Công ước Ramsar về các vùng đất ngập nước), và Hiệp định buôn bán gỗ quốc tế. Ông cũng thảo luận nhiều luật môi trường trong nước khác nhau liên quan tới quản lý và bảo tồn rừng. Luật pháp hiện thời nhằm mục đích trừng phạt và răn đe các hành vi vi phạm về rừng bao gồm phá rừng, giả mạo tài liệu, khai thác gỗ trái phép, vi phạm các khu vực bảo hộ, ăn trộm sản vật rừng ở quy mô nhỏ, đào vàng và/hoặc khai thác mỏ, và các hoạt động của nhà máy không được cấp phép. Phá rừng ở Malaixia được cho là do nhu cầu phát triển công nghiệp và nông nghiệp, chuyển dịch phương thức canh tác, cháy rừng, và khai thác gỗ (hợp pháp và bất hợp pháp).

Tiếp đó, Chánh án Zakaria đã phác họa xu hướng ngày càng giảm số vụ khai thác gỗ trái phép tại bán đảo Malaixia do nỗ lực bắt giữ những kẻ chặt trộm gỗ và cải thiện pháp luật của chính phủ gia tăng, cùng các yếu tố khác. Tuy nhiên, Malaixia vẫn phải đối mặt với vô vàn thách thức trong việc thực thi pháp luật về rừng:

- (i) Khó khảo sát thường xuyên diện tích rừng rộng lớn của Malaixia.

- (ii) Cán bộ thi hành pháp luật không có mối quan hệ tốt với các cộng đồng địa phương, khiến họ không thể huy động sự hỗ trợ và tham gia của cộng đồng với vai trò nhân chứng trong các vụ việc môi trường.
- (iii) Năng lực, kỷ luật và tính liêm chính cần thiết trong thực thi pháp luật vẫn có thể bị tranh cãi.
- (iv) Người vi phạm có phương thức hoạt động được lên kế hoạch, sắp xếp và thương mại hóa tốt.
- (v) Thiếu đội ngũ cán bộ quản lý rừng được đào tạo bài bản.
- (vi) Cấu trúc chính quyền liên bang–bang phức tạp của Malaixia khiến cho khung pháp lý về quản lý môi trường trở nên phức tạp hơn, với mỗi bang được trao quyền ban hành luật pháp riêng về sử dụng đất, quản lý tài nguyên thiên nhiên và rừng, và họ không muốn nhường quyền kiểm soát các vấn đề liên quan tới đất đai, mỏ, và rừng cho chính phủ liên bang cũng như không muốn áp dụng luật pháp liên bang.
- (vii) Nhân dạng của các tội phạm thực sự, đặc biệt là những kẻ chủ mưu, vẫn chưa được biết đến.

Chánh án Zakaria cũng thảo luận rất nhiều bước được tiến hành để phát hiện việc khai thác gỗ trái phép, gồm cả các nỗ lực phối hợp giữa các cơ quan để nâng cao nhận thức của công chúng, giám sát việc tuân thủ và điều tra các ngành công nghiệp gỗ, tuần tra tích cực hơn tại các khu rừng, kiểm tra giấy phép, và công bố các vụ việc khai thác gỗ trái phép cùng hoạt động lâm nghiệp trái phép khác. Ông kết luận bằng cách nêu ra những sáng kiến đã được tiến hành để giảm và ngăn chặn các hoạt động khai thác gỗ trái phép. Chúng bao gồm (i) sửa đổi sắp tới đối với Đạo luật rừng quốc gia (1984), đã từng được sửa đổi lần đầu tiên năm 1993, để quy định hình phạt cao hơn đối với các vi phạm; (ii) các hoạt động giám sát và báo cáo thường xuyên; (iii) sử dụng công nghệ viễn thám và các hệ thống thông tin địa lý để dò tìm và giám sát các hoạt động xâm lấn rừng; (iv) xây dựng và thực thi Kế hoạch hành động quốc gia chống khai thác gỗ trái phép, 2011-2015; (v) thành lập Vụ pháp lý và khởi tố mới và củng cố Vụ thực thi pháp luật về rừng hiện tại thuộc Bộ lâm nghiệp bán đảo Malaixia; (vi) xác định những điểm nóng có khả năng diễn ra các hoạt động khai thác gỗ trái phép trên toàn bộ bán đảo Malaixia; và (vii) giám sát các hoạt động lâm nghiệp bởi cảnh sát và các lực lượng vũ trang, cùng các nỗ lực để giảm tình trạng khai thác gỗ trái phép, xâm lấn rừng, và ăn trộm gỗ.

Phiên họp 3

Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 2: Đa dạng Sinh học và Buôn bán Trái phép Động, Thực vật Hoang dã

Clarissa C. Arida, giám đốc Ban phát triển và thực thi chương trình thuộc Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN, đã thảo luận tình hình buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã và những nguyên nhân chính dẫn tới mất đa dạng sinh học tại Đông Nam Á, cụ thể là biến đổi khí hậu, khai thác mỏ quy mô lớn, tăng dân số, nghèo khổ, ô nhiễm, và khai thác quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Bà đồng điều khiển phiên họp cùng với Azrina Abdullah, nguyên tư vấn xã hội cấp cao của Ban quản lý tài nguyên môi trường và giám đốc khu vực của Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã TRAFFIC—Đông Nam Á.

Bà Arida nói rằng các loài động, thực vật hoang dã từ các cánh rừng nhiệt đới còn lại trong khu vực bị buôn bán trái phép đã cung cấp cho thị trường toàn cầu giá trị ước tính 10 tỷ–20 tỷ USD mỗi năm. Ấn Độ, Malaixia và Mianma được xem là những mục tiêu chủ yếu, với những kẻ buôn lậu thường bị bắt gặp tận dụng các tuyến đường giao thông qua Thái Lan và Việt Nam. Bà Arida nói rằng các sản phẩm hoang dã này được sử dụng cho rất nhiều mục đích khác nhau, gồm lương thực, thuốc, quần áo, túi, giày dép, và đồ trang sức. Bà nhận xét rằng bên cạnh việc khai thác quá mức các loài động vật và thực vật, tình trạng hủy diệt môi trường sống phổ biến, đưa vào các loài ngoại lai xâm lấn, ô nhiễm và biến đổi khí hậu đang đe dọa ít nhất 2.517 loài trong số 47.915 loài trong khu vực, theo đánh giá của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN). Năm 2008, TRAFFIC quốc tế báo cáo rằng Campuchia, Ấn Độ, Lào và Việt Nam đã chứng kiến sự sụt giảm mạnh mẽ số cá thể của các loài có giá trị thương mại cao như hổ, voi, tê giác, tê tê, bò sát nước ngọt, rùa, và phong lan hoang dã cùng các loài cây khác. Tình trạng mất đa dạng sinh học này làm suy yếu khả năng cung cấp nguồn dược liệu cho con người của tự nhiên, đặc biệt là cho 500 triệu người dân ở Đông Nam Á đang dựa vào đa dạng sinh học để có được nguồn lương thực, thuốc men và nơi trú ngụ.

Trong một nhận xét tích cực, bà Arida nói rằng các quốc gia ASEAN đang bắt đầu tăng cường sự hợp tác giữa các cơ quan và hợp tác quốc tế về thực thi pháp luật để giải quyết vấn đề buôn bán trái phép các loài hoang dã, bao gồm việc lồng ghép các quy định trong Công ước Liên Hợp Quốc về đa dạng sinh học và các hiệp định môi trường đa phương khác như một phần của luật pháp trong nước. Bà đã chỉ rõ ASEAN-WEN như một trong những thể chế khu vực then chốt đi đầu trong nỗ lực ứng phó của khu vực Đông Nam Á để xử trí thương mại ngầm xuyên quốc gia đối với các loài được bảo vệ. Bên cạnh ASEAN-WEN, Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ, Quỹ FREELAND, TRAFFIC quốc tế, và Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN đã hỗ trợ việc đào tạo, tăng cường năng lực thường xuyên cho các cá nhân và thể chế - gồm cả cảnh sát, hải quan và các cơ quan môi trường - tham gia cuộc chiến chống lại việc buôn bán trái phép các loài hoang dã ở cấp quốc gia. Bà cũng thông báo rằng ASEAN đã cam kết quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trong khu vực, và đã tiến hành một số sáng kiến xuyên biên giới: (i) Sáng kiến Trái tim Borneo, (ii) Khu bảo tồn di sản quần đảo rùa, (iii) Chương trình khu vực sinh thái biển Sulu-Sulawesi, (iv) Sáng kiến hành lang đa dạng sinh học tiểu vùng Mêkông mở rộng, (v) Sáng kiến tam giác san hô về đánh bắt cá ở rạn san hô và an ninh lương thực, (vi) 30 khu bảo tồn di sản ASEAN được công bố, và (vii) ASEAN-WEN.

Bà Arida cũng xác định những lĩnh vực then chốt khác mà các quốc gia thành viên ASEAN đã xử trí, song vẫn cần những nỗ lực mạnh mẽ hơn, bao gồm

- (i) cải thiện các khu vực và hệ sinh thái trọng yếu;
- (ii) đưa đa dạng sinh học vào dòng chủ lưu của các quá trình phát triển quốc gia;
- (iii) gắn kết quản lý đa dạng sinh học với những nỗ lực ứng phó biến đổi khí hậu;
- (iv) dựa trên các nỗ lực và cam kết chính trị hiện thời để thiết kế các hành động trong tương lai;
- (v) thừa nhận mối liên hệ giữa sự xuống cấp của hệ sinh thái với tình trạng nghèo khổ ở nông thôn, ví dụ để bảo vệ và khôi phục ngành ngư nghiệp;
- (vi) tăng cường hiểu biết và đánh giá định tính về đa dạng sinh học và các hệ sinh thái, ví dụ như sử dụng phương thức chi trả cho giá trị dịch vụ hệ sinh thái, và kinh tế học về các hệ sinh thái và đa dạng sinh học;

- (vii) bảo vệ và khôi phục các ngành ngư nghiệp;
- (viii) sử dụng các chỉ số khoa học một cách có hệ thống;
- (ix) tăng cường năng lực đánh giá hệ sinh thái và quản lý sự tương tác giữa các loài, môi trường sống, và tiêu dùng của con người.
- (x) hỗ trợ việc chuyển đổi các vấn đề, nguy cơ hiện tại và mới nảy sinh, và kinh nghiệm thành các chính sách hợp lý, khả thi đối với địa phương ở tất cả các cấp;
- (xi) hỗ trợ xây dựng các kế hoạch quản lý môi trường và đa dạng sinh học, tuyên truyền phù hợp về các kế hoạch này cho tất cả các bên liên quan; và
- (xii) khuyến khích sử dụng cơ sở khoa học phù hợp cho các kế hoạch và biện pháp bảo tồn.

Trên hết, các nước thành viên ASEAN cần tăng cường những nỗ lực thực thi pháp luật bằng cách tích cực thu hút sự tham gia của tất cả khu vực công—from các nhà hoạch định chính sách tới những người dân ở nông thôn—để xử trí những tác nhân dẫn tới sự mất đa dạng sinh học như đã nêu trên, phục hồi các dịch vụ hệ sinh thái, và nuôi dưỡng đời sống lành mạnh cho con người.

Bà Arida khuyến khích các đại biểu suy nghĩ thêm về các vấn đề và thách thức chủ yếu đối với đa dạng sinh học, thu hút sự tham gia của các bên liên quan, tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý môi trường, và công nhận các dịch vụ hệ sinh thái và giá trị kinh tế của đa dạng sinh học, bao gồm sự gắn kết giữa thông tin trên cơ sở khoa học với chính sách và bằng chứng pháp lý.

Mặt khác, bà Abdullah bắt đầu bằng việc thảo luận với các đại biểu về khái niệm buôn bán các loài hoang dã, tầm quan trọng của nó, và tình hình buôn bán các loài hoang dã tại Đông Nam Á. Đáng lưu ý, khu vực này là một điểm nóng về buôn bán các loài hoang dã, đóng vai trò là nơi sản xuất, tiêu thụ, và trung chuyển. Hoạt động buôn bán này bị thúc đẩy bởi nhu cầu của con người về lương thực, thuốc đông y, quần áo, vật nuôi, đồ sưu tầm, vật trưng bày, đồ trang trí, các đồ xa xỉ, thịt động vật hoang dã, và gỗ. Thương mại hợp pháp các loài hoang dã có giá trị khoảng 10 tỷ USD, trong khi hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã đạt giá trị gấp khoảng bốn lần. Một tỷ lệ lớn của hoạt động buôn bán các loài hoang dã—cả hợp pháp và bất hợp pháp—là xuyên biên giới và thuộc phạm vi của CITES. Khu vực Đông Nam Á là nơi có nhiều thách thức nhất trong việc quản lý hoạt động buôn bán các loài hoang dã, đặc biệt khi xét tới tính đa dạng sinh học và mạng lưới giao thông dễ tiếp cận, tạo thuận lợi cho việc buôn bán trái phép qua biên giới. Những hình phạt nhẹ mà thẩm phán đưa ra cho các kẻ buôn lậu trong khuôn khổ luật pháp hiện hành về loài hoang dã, nhận thức hạn chế về tác động của hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã, sự giàu có ngày càng tăng mà đi kèm với nó là nhu cầu buôn bán các loài hoang dã đã khiến cho tình hình ngày càng trầm trọng.

Bà Abdullah đã nêu ra một số thách thức đối với việc thực thi pháp luật hiệu quả: tình trạng thiếu nguồn lực tài chính và nhân sự, tham nhũng; ý chí chính trị và luật pháp không đầy đủ; buôn bán động, thực vật hoang dã trên mạng; nhận thức yếu kém của bộ máy tư pháp; và buôn bán động, thực vật hoang dã xuyên quốc gia. Hợp tác khu vực và khả năng ưu tiên xem xét giải quyết vấn đề buôn bán động hoang dã bất hợp pháp vẫn bỏ ngõ. Mặc dù mười quốc gia thành viên ASEAN đều là bên ký kết Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), chưa một nước nào nghiêm túc xem xét vấn đề buôn bán trái

phép các loài hoang dã, bất chấp việc thành lập ASEAN-WEN. Trên thực tế, buôn bán các loài hoang dã thậm chí không phải là ưu tiên trong Kế hoạch tổng thể ASEAN (ASEAN Blueprint), 2009–2015, mặc dù các vi phạm môi trường xuyên biên giới—như xả thải trái phép các chất độc hại và ô nhiễm không khí do đốt rác trái phép—đã được đề cập. Đối với bà Abdullah, điều cấp thiết là các quốc gia phải nhận ra mối quan hệ giữa một bên là việc buôn bán trái phép các loài hoang dã và bên kia là những tổn thất kinh tế to lớn và sự đe dọa tới sức khỏe con người và môi trường cũng như an ninh khu vực. Hơn nữa, cần bảo đảm sự hỗ trợ và cam kết của các nhà hoạch định chính sách ASEAN, gồm cả ngành tòa án, trong cuộc chiến chống lại hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã. Cụ thể, vai trò của các thẩm phán và công tố viên ASEAN phải được tăng cường, và họ cần thừa nhận rằng buôn bán trái phép các loài động, thực vật hoang dã là một tội nghiêm trọng (mặc dù có vẻ như không có nạn nhân) và áp đặt những hình phạt phù hợp để ngăn ngừa các vi phạm tiếp diễn sau này. Về cơ bản, việc hiểu thấu đáo tính nghiêm trọng của hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã cần được ưu tiên như một phần trong việc xây dựng năng lực cho các tòa án.

Trong một nỗ lực nhằm lan tỏa các thông điệp của mình, bà Abdullah cũng trình chiếu hai đoạn video ngắn: (i) Tội phạm môi trường: Hành tinh của chúng ta, vấn đề của chúng ta, nhấn mạnh thực tế rằng tội phạm môi trường là một hoạt động tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, gây ra bởi con người chống lại con người và có rất nhiều hệ lụy, bao gồm gia tăng xung đột và đau khổ, tăng cường biến đổi khí hậu, và sự tuyệt chủng; và (ii) một video khác về Jackie Chan với cương vị người ủng hộ bảo vệ động, thực vật hoang dã và nhắc nhở người xem rằng buôn bán các loài hoang dã bị thúc đẩy bởi nhu cầu, do vậy “khi không có người mua, cũng không còn giết chóc”.

Thái Lan

Kidngarm Kongtrakul Li, thẩm phán nghiên cứu hỗ trợ của Tòa án tối cao Thái Lan, đã trình bày tổng quan về hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã tại Thái Lan. Các nỗ lực của chính phủ nhằm bảo vệ các loài hoang dã bao gồm: (i) luật pháp phù hợp, ví dụ như Đạo luật bảo vệ và bảo tồn các loài hoang dã năm 1992, quy định trừng phạt hoạt động thương mại và buôn lậu động, thực vật hoang dã, cũng như việc sở hữu, săn bắn, hoặc nỗ lực nhằm săn bắn, làm hại và/hoặc vận chuyển động, thực vật hoang dã mà không có giấy phép; (ii) 44 khu bảo tồn đời sống hoang dã; (iii) 54 khu bảo tồn động, thực vật hoang dã; (iv) 49 điểm kiểm soát các loài hoang dã trên khắp các cửa ngõ quốc gia; (v) 18 trạm chăm sóc động, thực vật hoang dã để nuôi dưỡng các loài động vật hoang dã bị bỏ rơi; (vi) 18 trạm tuyên truyền bảo tồn động, thực vật hoang dã để phổ biến thông tin cho thanh thiếu niên và cộng đồng nhằm tăng cường nhận thức về bảo tồn động, thực vật hoang dã; và (vii) ba trung tâm nghiên cứu các loài hoang dã nhằm nghiên cứu về các loài động, thực vật hoang dã trong môi trường sống tự nhiên của chúng. Những tác nhân chính làm suy giảm các loài hoang dã ở Thái Lan bao gồm hành động không chủ tâm, săn bắn tội phạm, xâm lấn diện tích đất rừng, sử dụng hóa chất và thuốc trừ sâu, và lợi nhuận.

Thẩm phán Li lưu ý rằng có hai cách thức để đối phó với vấn đề buôn bán động, thực vật hoang dã—thực thi pháp luật và phòng ngừa tội phạm. Bà nói rằng, án phạt tối đa, đặc biệt mức phạt tiền, theo quy định của đạo luật bảo tồn các loài hoang dã ra đời cách đây hàng thập niên là quá thấp, và hiển nhiên không thể răn đe việc phạm tội đối với các loài hoang dã, vốn mang lại lợi nhuận vô cùng to lớn cho những kẻ vi phạm. Kẽ hở trong luật pháp - cho phép những người có giấy phép được sở hữu động, thực vật hoang dã và thịt động vật hoang dã trong một số trường hợp - đã tạo sự miễn trừ cho những kẻ vi phạm bằng cách che giấu các loài hoang dã bị cấm bằng các loài được cấp phép. Trong một lưu ý khác, Thẩm phán Li cũng

nhận xét rằng các bản án mà tòa đưa ra cũng có sự khác biệt nhỏ giữa các vùng miền do đặc trưng vùng miền, hoàn cảnh cá nhân của bị cáo, và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm trừ xung quanh hành vi phạm tội. Tuy nhiên, Hướng dẫn kết án (hoặc Yee-Tok) do Tòa án tối cao ban hành có thể (i) giúp các thẩm phán thực thi thẩm quyền tùy ý và đưa ra những phán quyết nhất quán hơn trên toàn quốc; và (ii) ngăn ngừa các vi phạm về môi trường trong tương lai, mặc dù cho tới hiện nay, không có nhiều vụ việc buôn bán trái phép động, thực vật hoang dã bị khiếu nại lên Tòa án tối cao. Bà cũng tin rằng việc thành lập các ban môi trường tại tất cả các cấp tòa án giúp tăng cường năng lực của thẩm phán để xử lý các vụ việc môi trường, và do vậy, bảo đảm rằng các khía cạnh cụ thể hoặc kỹ thuật của một vụ việc sẽ được cân nhắc thận trọng. Bên cạnh đó, Tòa án công lý Thái Lan tiến hành đào tạo cho các thẩm phán về xét xử các vụ việc môi trường, cung cấp cho họ những kiến thức cần thiết về các vấn đề cụ thể. Do các công tố viên cũng đóng vai trò then chốt trong bộ máy thực thi pháp luật, họ cũng phải có kiến thức khoa học rộng về những vấn đề như DNA, giám định pháp y, xác định mẫu vật, và các nhân chứng chuyên gia để có thể kết án thành công những kẻ vi phạm và hoàn thành nghĩa vụ của họ là chứng minh tội của bị cáo trong một vụ án hình sự.

Thẩm phán Li kết thúc phần trình bày bằng cách khuyến nghị (i) thông qua một đạo luật mới hoặc sửa đổi luật hiện hành để đưa vào các hình phạt cao hơn, đặc biệt là phạt tiền, khiến cho việc tham gia các hoạt động buôn bán trái phép động thực vật hoang dã khó hơn, nguy hiểm hơn và ít mang lại lợi ích hơn, nhằm giảm động cơ và cơ hội phạm tội của những kẻ vi phạm tiềm năng; (ii) ưu tiên việc phòng chống tội phạm đối với các loài hoang dã giống như phòng chống ma túy và các tội phạm có tổ chức khác bằng cách gia tăng nguồn nhân lực và tài chính của các cơ quan chức năng để thực thi pháp luật có hiệu quả; (iii) thiết lập khung pháp lý có hiệu quả; và (iv) tăng cường nhận thức của công chúng về vấn đề buôn bán động, thực vật hoang dã. Bà cũng nói rằng mặc dù tòa án nằm ở cuối chuỗi thực thi pháp luật, song sự hợp tác của tất cả các bên hữu quan là cần thiết để đạt được mục tiêu bảo tồn các loài động, thực vật hoang dã.

Mianma

Ngài Mya Thein, thẩm phán Tòa án tối cao Liên bang Mianma, đã thảo luận luật pháp quốc gia của Mianma về buôn bán trái phép các loài hoang dã và những thách thức mà ngành tòa án phải đối mặt khi thực thi pháp luật. Trước tiên, Thẩm phán Mya Thein thông tin cho các đại biểu về những đặc điểm địa lý tự nhiên của Mianma, nhiệt độ và khí hậu, và các khu bảo tồn đa dạng sinh học là môi trường sống của rất nhiều loài động vật và thực vật hoang dã đặc hữu. Nguồn tài nguyên hoang dã của quốc gia được quản lý tập trung thông qua bốn cơ chế chủ yếu:

- (i) Dự án Công viên quốc gia bảo tồn thiên nhiên, do UNDP và Chính phủ Mianma đồng khởi xướng.
- (ii) Ban bảo tồn đời sống hoang dã và tự nhiên chịu trách nhiệm đối với các khu bảo hộ và bảo tồn thiên nhiên. Có tất cả 36 khu bảo tồn, trong đó có sáu nơi được công nhận là công viên di sản ASEAN, và ba nơi là các khu bảo tồn đời sống hoang dã:
 - (a) Khu bảo tồn đời sống hoang dã hồ Indawgyi, chủ yếu dành cho các loài thực vật trường xuân, động vật có vú, chim chóc, các loài lưỡng cư, bươm và các loài cá;
 - (b) Khu bảo tồn đời sống hoang dã hồ Inlay, dành cho các loài chim, ốc sên, cá và cây thuốc;
 - (c) Khu bảo tồn đời sống hoang dã Meinmahla Kyun gồm các loài cây ngập mặn đóng vai trò là nơi trú ẩn cho các loài cá sấu cửa sông, chim và bươm, cây thuốc, động vật có vú, cá, tôm hùm, cua, rắn, rùa và cá heo.

- (iii) Ủy ban quốc gia về các vấn đề môi trường được thành lập năm 1990 để điều phối các vấn đề môi trường giữa các bộ ngành, xây dựng Chính sách môi trường quốc gia và liên lạc với các quốc gia bên ngoài cũng như các tổ chức phi chính phủ về những quan ngại môi trường.
- (iv) Năm 1994, Luật bảo vệ đời sống hoang dã, thực vật hoang dã và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên—quy định việc bảo vệ động vật và thực vật hoang dã, môi trường sống của chúng và các hệ sinh thái đại diện—đã được ban hành. Các hình thức vi phạm khác nhau đối với luật này và các quy định hiện hành có thể bị xử phạt tiền hoặc phạt tù có thời hạn tùy theo mức độ nghiêm trọng của vi phạm, cùng với việc tịch thu các loài hoang dã liên quan, cũng như các phương tiện, tàu thuyền, động vật, và các máy móc hoặc công cụ khác liên quan tới hành vi vi phạm.

Thẩm phán Mya Thein cũng thảo luận các chiến lược thực thi pháp luật của Mianma để kiểm soát việc buôn bán động vật hoang dã. Nhóm đặc trách thực thi pháp luật về đời sống hoang dã quốc gia, bao gồm một số tổ chức chính phủ mà đứng đầu là Cục lâm nghiệp, đã được thành lập để hỗ trợ các biện pháp nhằm giảm hoạt động buôn bán động vật hoang dã trái phép ở trong nước và xuyên biên giới. Tương tự, Cơ quan quản lý CITES của quốc gia đã phối hợp với Bộ thương mại, Cục hải quan và Cơ quan cảnh sát quốc gia để tăng cường các quy định về buôn bán các loài hoang dã.

Ở cấp độ quốc tế, Mianma đã tham gia CITES và là một thành viên của ASEAN-WEN; đã tiến hành Điều tra cá thể hổ quốc gia năm 1991, Điều tra động vật có xương sống năm 1999, Điều tra cá thể voi quốc gia năm 2005, và Điều tra cá loài bò sát năm 2008-2010; thành lập Khu bảo tồn hổ Jukaung; tham gia Chương trình hợp tác Mianma - Nhật Bản về nghiên cứu và kiểm đếm các loài thực vật hữu ích tại Mianma năm 2008, với sự hợp tác của Vườn thực vật Makino.

Để kết thúc, Thẩm phán Mya Thein đã liên hệ những thách thức mà ngành tòa án Mianma đang phải đối mặt trong việc thực thi pháp luật môi trường, gồm cả việc áp dụng các chế tài phù hợp, đệ trình bằng chứng, và xử lý ý kiến chuyên gia. Ông kết luận rằng một hệ thống tư pháp hình sự hiệu quả và hợp tác quốc tế là những yếu tố then chốt trong cuộc chiến chống lại hoạt động buôn bán trái phép động vật, thực vật hoang dã.

Việt Nam

Đặng Xuân Đào, chánh án Tòa kinh tế thuộc Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam, đã nói về tình hình đa dạng sinh học và buôn bán các loài hoang dã tại Việt Nam. Thẩm phán Đào mô tả Việt Nam là một trong những quốc gia đa dạng sinh học nhất trên thế giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, số lượng các loài động vật và thực vật của quốc gia theo phân loại “bị đe dọa” hoặc “nguy cấp” ngày càng tăng. Điều này chủ yếu do tình trạng mất hoặc phân tán môi trường sống, khai thác gỗ trái phép, buôn bán trái phép các loài hoang dã, và ô nhiễm môi trường.

Thẩm phán Đào nói rằng Việt Nam đã tiến hành một số hoạt động bảo tồn, ví dụ như thiết lập một hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên, công viên và khu bảo tồn cảnh quan, cùng với những nỗ lực bảo tồn như thành lập các khu rừng thực nghiệm, vườn cây thuốc, và ngân hàng giống cây trồng. Hơn nữa, sau khi Việt Nam tham gia ký kết CITES, các hoạt động bảo tồn động vật, thực vật hoang dã của quốc gia đã chuyển từ chỗ chủ yếu tập trung vào phòng chống việc săn bắt và khai thác trái phép tài nguyên thiên nhiên sang quản lý phù hợp các

hoạt động nuôi và nhân giống. Tuy nhiên, dù có những nỗ lực này, việc buôn bán trái phép các loài hoang dã ở Việt Nam vẫn rất phổ biến. Trong giai đoạn 2006–2011, 456 vụ việc vi phạm các quy định về bảo vệ những loài động vật hoang dã quý hiếm và một vụ vi phạm quy định bảo vệ đặc biệt của các khu bảo tồn thiên nhiên đã bị đưa ra xét xử trước tòa.

Thẩm phán Đào cũng thảo luận ba điểm yếu cơ bản trong chính sách buôn bán động vật hoang dã của Việt Nam: (i) chính sách chỉ tập trung vào bảo vệ các loài hoang dã và thực thi luật pháp, trong khi cũng cần quy định việc sử dụng hợp pháp các loài hoang dã; (ii) chính sách thiếu sự tham vấn và sự tham gia phù hợp của các bên hữu quan; và (iii) cơ chế khởi tố và trừng phạt cần phải được cập nhật. Tiếp đó, ông đã khuyến nghị cải thiện chính sách để bảo đảm hiệu quả, khả năng áp dụng, và tính toàn diện của chính sách; tăng cường hơn nữa các hoạt động nuôi và nhân giống; nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề; và thúc đẩy hợp tác khu vực và quốc tế để giải quyết tình trạng buôn bán trái phép các loài hoang dã.

Phiên họp 4

Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 3: Tàn phá Đại dương, Đánh bắt cá Trái phép và Ô nhiễm biển

Cùng với Antonio Oposa, chủ tịch Quỹ luật tự nhiên và là người được nhận giải thưởng Magsaysay, Nazir Foad, giám đốc bảo tồn của Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên Ấn-Đông, đã điều khiển phiên họp này và bắt đầu bằng việc lưu ý các đại biểu rằng khu vực này là nơi có Tam giác san hô - vùng tam giác với diện tích gần 6 triệu km², thuộc vùng biển nhiệt đới của Ấn-Đông, Malaixia, Papua Niu Ghinê, Philippin, quần đảo Xô-lô-môn, và Timor-Leste. Còn được gọi là “Amazon của đại dương”, đây là vùng biển đa dạng sinh học nhất trên trái đất, chiếm 75% rạn san hô của toàn cầu với hơn 3.000 loài cá rạn. Sáng kiến mạng lưới tam giác san hô của Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên gồm có năm nước: Ấn-Đông, Malaixia, Papua Niu Ghinê, Philippin và quần đảo Xô-lô-môn, và phối hợp chặt chẽ với các quốc gia láng giềng, nơi các tuyến thương mại và di cư của các loài đòi hỏi phải có hành động hợp tác xuyên biên giới toàn diện hơn.

Ông Foad nói rằng một số thách thức mà vùng Tam giác san hô phải đối mặt bao gồm đánh bắt cá trái phép, không được báo cáo và không được quản lý tại các vùng đặc quyền kinh tế và lãnh hải quốc tế; khai thác quá mức do sự gia tăng nhu cầu đối với hải sản của người tiêu dùng; thực thi pháp luật không đầy đủ; phá vỡ sự toàn vẹn và/hoặc hủy diệt hệ sinh thái; và các chính sách không có sự phối hợp giữa chính quyền địa phương với chính phủ quốc gia và giữa các quốc gia. Do tính chất di cư của rất nhiều loài sinh vật biển, nên vấn đề khai thác nguồn cá hiện nhiên vượt ra ngoài phạm vi tài phán quốc gia. Do vậy, để giải quyết bất kỳ vấn đề nào liên quan tới bảo vệ nguồn cá, các quốc gia buộc phải cam kết hợp tác quốc tế cùng nhau và tham gia vào hành động xuyên quốc gia rộng hơn. Để kết luận, ông Foad khuyến khích các quốc gia thành viên ASEAN đi tới một luật hoặc chính sách tương tự như Đạo luật Lacey, một luật bảo tồn được thông qua tại Hoa Kỳ năm 1900, trong đó hình sự hóa hoạt động thương mại liên quan tới các loài hoang dã, cá và thực vật bị chiếm giữ trái phép. Ông đề nghị các quốc gia thành viên cân nhắc ba nguyên nhân giải thích tại sao hợp tác khu vực lại đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết vấn đề này: (i) đánh bắt cá trái phép, không được báo cáo và không được quản lý, cùng việc khai thác quá mức tài nguyên biển đang đe dọa an ninh lương thực và phát triển kinh tế; (ii) các ngư trường phải được các quốc gia coi là tài sản

chung, cần được quản lý và cùng khai thác; và (iii) hợp tác khu vực mạnh mẽ giữa các nước ASEAN sẽ giúp tăng cường khả năng ảnh hưởng tới thị trường và các chính sách quốc tế.

Ông Oposa, người điều khiển thứ hai của phiên họp, bắt đầu bằng việc giải thích khái niệm môi trường như là về sự sống và các nguồn của sự sống—đất, không khí và nước. Ông nhấn mạnh rằng Quần đảo Mã Lai—bao gồm phần lớn Indônêxia, Malaixia và Philippin, đôi khi còn được gọi là Tam giác đa dạng sinh học Đông Ấn—là nơi tập trung nguồn của cải của đại dương, với Philippin là trung tâm của khu vực đa dạng sinh học này. Vịnh Manila, nơi nằm ở tâm điểm của đa dạng sinh học biển trên trái đất, đã bị ô nhiễm do thiếu ý chí chính trị để duy trì và thậm chí là tăng cường nguồn tài nguyên biển, cho tới tận sau khi Tòa án tối cao ra lệnh làm sạch nó. Ông cũng đưa ra những đoạn tin tức về việc bắt giữ khối lượng lớn thuốc nổ, chất nổ, và các vật dụng đánh bắt cá trái phép khác, cũng như những hình ảnh và tin tức về những kẻ vi phạm bị bắt giữ và kết án. Điều này nhằm nhấn mạnh rằng việc thực thi luật pháp phải nhanh chóng, nghiêm khắc và công khai, và cần khuyến khích sử dụng những hình phạt sáng tạo, ví dụ như biến những người đánh bắt cá trái phép thành người bảo vệ và giám sát nguồn cá.

Ông Oposa nhấn mạnh rằng các chính phủ chỉ đang lo cứu chữa các triệu chứng mà không giải quyết vấn đề về cách con người nhận thức thế giới. Thay vào đó, con người cần phải có sự chuyển đổi mô hình, chính sách và luật pháp, thừa nhận rằng môi trường không chỉ là về các loài chim muông hay cây cỏ, mà còn về sự sống và các nguồn sống. Khi con người hiểu được điều đó, họ sẽ làm mọi điều trong quyền hạn của mình để bảo vệ và khôi phục môi trường. Ông cũng yêu cầu các đại biểu thay đổi mô hình phát triển kinh tế của quốc gia và chấm dứt việc chỉ đơn thuần tiêu dùng nguồn tài nguyên hữu hạn của thế giới. Thay vì coi các nước công nghiệp hóa là các quốc gia đã phát triển, cần xem họ là những nước tiêu thụ nhiều - hoặc quá mức - tài nguyên, trong khi các nước đang phát triển là các quốc gia tiêu thụ thấp. Ông kết luận bằng cách khuyến khích mọi người suy ngẫm ý tưởng rằng những điều đáng làm không nhất thiết phải hoàn thành trong thời gian một đời người; mọi người có thể đi trên con đường hướng tới lý tưởng của mình và chỉ cần tận hưởng cuộc hành trình, ngay cả khi họ chưa đạt tới đích và hoàn thành lý tưởng của mình.

Indônêxia

Takdir Rahmadi, thẩm phán Tòa án tối cao Indônêxia, đã trình bày về hiện trạng phá hủy bờ biển và ô nhiễm biển tại Indônêxia. Ông bắt đầu bằng cách tóm tắt cho các đại biểu về những công cụ quản lý liên quan tới bảo vệ môi trường biển. Ông thừa nhận rằng mặc dù ô nhiễm biển và phá hủy bờ biển là một vấn đề nghiêm trọng tại Indônêxia, song có rất ít vụ việc liên quan tới điều này được đưa ra tòa. Ông nói rằng tình hình này có thể là do những khó khăn không thể khắc phục trong việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa các hành vi gây ô nhiễm bị nghi ngờ và thiệt hại thực tế. Rất nhiều hoạt động gây ô nhiễm cũng gắn với các ngành công nghiệp đóng góp vào nguồn thu của bang. Do vậy, trong rất nhiều vụ việc ô nhiễm biển này, cần phải cân bằng giữa các lợi ích kinh tế - tài chính và các lợi ích sinh thái.

Thẩm phán Rahmadi cũng thảo luận cấu trúc tòa án của Indônêxia, vốn không có một hạng mục riêng dành cho các vụ việc môi trường, và không có một ban chuyên biệt - cho dù ở các tòa sơ thẩm hoặc Tòa tối cao - chỉ xử lý các vụ việc môi trường nói chung. Tuy nhiên, Indônêxia đã đạt được một số thành công trong việc thực thi luật ngư nghiệp do dễ chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành động gây ô nhiễm và thiệt hại gây ra. Trên thực tế, theo Luật ngư nghiệp số 31/2004 (2004), chính phủ thành lập các tòa ngư nghiệp chuyên biệt tại bắc Jakarta, Medan (bắc Sumatra), Pontianak (tây Kalimantan), Bitung (bắc Sulawesi), Tual (Maluku), Tanjung Pinang, và

Ranai. Các tòa chuyên môn trực thuộc tòa án hình sự và dân sự chung này được trao quyền xét xử các vụ việc liên quan tới những vi phạm quy định hình sự nêu trong Luật ngư nghiệp. Tới năm 2011, các tòa ngư nghiệp này đã xét xử và phán quyết 47 vụ việc.

Trong thời gian hỏi–đáp, TS. Mulqueeny đã hỏi các đại biểu, đặc biệt là những đại biểu từ Philippin, về kinh nghiệm trong việc xử lý vấn đề đánh bắt cá trái phép, không bền vững và liên quan tới nhiều khu vực tài phán. Tán thành nhận xét của ông Oposa về vấn đề ngoại giao, Phó Chánh án Velasco trả lời rằng mặc dù việc tịch thu tàu là một chế tài mà các tòa án Philippin có thể áp dụng đối với những ngư dân đánh bắt cá trái phép, song thường thì cơ quan chức năng chỉ đơn thuần thả những ngư dân đánh bắt trái phép bị bắt giữ mà không có bất kỳ hình phạt gì do việc sử dụng các kênh ngoại giao. Ví dụ, đại sứ của các nước đàm phán với bộ trưởng tư pháp để thả các đối tượng này. Phó Chánh án Velasco bổ sung thêm rằng Philippin thiếu đội tàu tuần tra nhanh và hiệu quả để bắt giữ những kẻ vi phạm, cũng như một cấu trúc chính quyền có sự phối hợp đóng vai trò răn đe hiệu quả các hành vi vi phạm luật môi trường trong tương lai. Cơ quan lập pháp cần thông qua những luật mới hoặc sửa đổi các luật hiện hành để áp đặt những hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các vi phạm và không cho phép án treo, miễn tội, tạm tha theo cam kết, và thỏa thuận lời khai. Mặt khác, ngành hành pháp phải lãnh đạo các cán bộ thực thi pháp luật và thành lập một nhóm đặc biệt không thể mua chuộc để nhằm vào các tập đoàn vi phạm luật pháp môi trường. Cuối cùng, tòa án cần bảo đảm rằng các thẩm phán đang áp dụng đúng dẫn các quy tắc tố tụng và đẩy nhanh việc xét xử và phán quyết.

TS. Mulqueeny thừa nhận quan ngại của Phó Chánh án Velasco rằng thực thi luật pháp môi trường hiệu quả là mối quan tâm của tất cả các nhánh trong chính quyền. Tuy nhiên, bà nhấn mạnh rằng mặc dù đây là vấn đề con gà và quả trứng, song sự tham gia tích cực của ngành tư pháp trong nỗ lực này là hết sức cần thiết trong bối cảnh có rất ít người vi phạm pháp luật môi trường bị kết án. Tiếp đó, bà gợi ý ngành tư pháp vẫn có thể khẳng định vai trò lãnh đạo trong một số lĩnh vực nhất định, mặc dù có sự hạn chế quyền hạn của nhánh này theo như cơ cấu tổ chức của chính phủ. Thực tế, như GS. TS. Salim đã nói, phán quyền mạnh mẽ là cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững.

Phiên họp 5

Cải cách Tư pháp để Đáp ứng những Thách thức Môi trường: Thể chế hóa Chuyên môn về Môi trường Thông qua Chuyên môn hóa và các Tòa án Môi trường

Wanhua Yang, cán bộ chịu trách nhiệm về Luật môi trường tại Văn phòng châu Á–Thái Bình Dương của UNEP đã thảo luận nhu cầu phát triển chuyên môn hóa tư pháp để xử trí những thách thức môi trường khác nhau, gồm sự gia tăng các vụ kiện tụng về môi trường và tính phức tạp của các vấn đề đòi hỏi chuyên môn về khoa học môi trường và am hiểu luật pháp môi trường quốc tế và trong nước. Trên khắp thế giới, có hơn 380 tòa án môi trường và/hoặc các toà xét xử hoặc ban môi trường thuộc tòa án, trong đó châu Á–Thái Bình Dương đang dẫn đầu xét trên khía cạnh sự đổi mới và năng động của tòa án. TS. Yang đã định hình phiên họp bằng cách yêu cầu các đại biểu, đặc biệt các diễn giả đến từ Philippin, Indônêxia và Thái Lan, chia sẻ kinh nghiệm trong việc thể chế hóa chuyên môn môi trường, những thách thức họ gặp phải và làm thế nào để xử trí chúng, những bài học rút ra từ kinh nghiệm quốc gia, và lời khuyên dành cho các nước khác đang mong muốn thực thi đổi mới tư pháp.

Philippines

Presbitero J. Velasco Jr., phó chánh án Tòa án tối cao Philippines, đã mô tả hệ thống tòa án môi trường tại Philippines. Tin rằng việc thành lập và/hoặc lựa chọn các tòa môi trường là cần thiết để đạt được sự thành thạo trong xét xử các vụ việc môi trường, ngày 28 tháng 1 năm 2008, Tòa án tối cao Philippines đã chỉ định 33 tòa sơ thẩm thành phố (tòa án cấp 1) và thẩm phán, cùng với 84 tòa sơ thẩm cấp vùng (tòa án cấp 2) và thẩm phán đảm nhiệm chức năng tòa án xanh hay tòa môi trường. Như vậy, tổng cộng 117 tòa sơ thẩm hiện thời của Philippines đã được dành riêng để xét xử các vụ việc dân sự, hình sự và hành động dân sự đặc biệt liên quan tới 24 luật môi trường và 14 luật lệ và quy định liên quan hoặc hơn.

Ông nói rằng hệ thống tòa án xanh được đặc trưng bởi ba khía cạnh nổi bật: xây dựng năng lực, quản lý tiến trình vụ án, và giám sát vụ án. Tòa án tối cao lựa chọn các thẩm phán tòa án xanh, những người sau đó sẽ phải được đào tạo thêm và bồi dưỡng năng lực về rất nhiều vấn đề và luật pháp môi trường, được thực hiện bởi Học viện tư pháp Philippines—một thể chế đào tạo trực thuộc Tòa án tối cao. Để đẩy nhanh việc xét xử các vụ việc môi trường và do vậy giới hạn thời gian xét xử các vụ án đơn giản là sáu tháng và các vụ án phức tạp là một năm, các thẩm phán tòa môi trường cũng được yêu cầu tuân thủ chiến lược quản lý tiến trình vụ án. Cụ thể, các thẩm phán này phải chuẩn bị một báo cáo hàng tháng về tình hình các vụ án đang xử lý và nộp lên người quản lý Tòa án tối cao. Nếu người quản lý nhận thấy việc giải quyết một vụ án bị chậm trễ không hợp lý, một giám sát viên tư pháp tại tòa môi trường sẽ nêu vấn đề này với thẩm phán và khuyến nghị các biện pháp sửa chữa. Để tăng cường bảo đảm các vụ việc môi trường được xét xử đúng thời hạn, các giai đoạn khác nhau của quá trình xét xử cũng được quy định thời gian cụ thể.

Phó Chánh án Velasco cũng lưu ý rằng vào ngày 29 tháng 4 năm 2010, Tòa án tối cao Philippines đã ban hành Các quy tắc tố tụng đối với những vụ việc môi trường để (i) bảo vệ và thúc đẩy quyền có một hệ sinh thái lành mạnh và cân bằng của người dân Philippines theo hiến pháp; (ii) cung cấp một quy trình đơn giản, nhanh chóng và không tốn kém để thực thi các quyền môi trường; (iii) giới thiệu và áp dụng những đổi mới và thông lệ hiệu quả nhất; và (iv) cho phép các tòa án yêu cầu sự tuân thủ đối với những phán quyết và mệnh lệnh của mình trong các vụ việc môi trường.

Theo các quy tắc này, một số điểm đổi mới tố tụng quan trọng đã được đưa vào và áp dụng. Thứ nhất, các quy tắc này đã giải phóng khái niệm *quyền được trình bày trước tòa (locus standi)*, hoặc vị thế pháp lý, để khởi kiện các vụ việc môi trường. Giờ đây, mọi người dân Philippines đều có thể khởi kiện nhân danh người khác, bao gồm người thiểu số, các thế hệ chưa ra đời, và thậm chí cả động vật, để yêu cầu thực thi các quyền hoặc nghĩa vụ theo luật pháp môi trường. Trên thực tế, có một vụ việc đang được xét xử tại Philippines, trong đó một số người dân Philippines đã khởi kiện một vụ án môi trường thay mặt cho cá heo, cá mập và cá voi. Các vụ khiếu kiện của công dân, hoặc vụ kiện trong đó tất cả các công dân bị ảnh hưởng bởi một hành vi có khả năng gây tổn hại tới môi trường hoặc có các quyền môi trường tương tự như các quyền mà những nguyên đơn đang tìm cách thực thi trong một vụ kiện đang xét xử, được khuyến khích tham gia vụ kiện để bảo vệ các quyền của họ. Theo cách này, nguyên đơn phải đăng tải một tài liệu hoặc tóm tắt về vụ việc trên báo được phát hành rộng rãi, mời mọi người cùng tham gia.

Thứ hai, các quy tắc đã sắp xếp hợp lý quá trình kiện tụng bằng cách (i) cấm đệ trình một số loại kiến nghị; (ii) yêu cầu phần kiến nghị và trả lời phải được chứng thực để ngăn ngừa việc

các bên đưa ra luận điệu sai trong biên bản bào chữa do sợ bị kết tội khai man trước tòa; (iii) yêu cầu các bản khai có tuyên thệ dưới hình thức câu hỏi và trả lời phải được đính kèm với các biên bản bào chữa phù hợp để rút ngắn phiên tòa; (iv) sử dụng tối đa các buổi họp trước phiên xét xử để yêu cầu các bên trình bày rõ ràng vụ việc, từ đó có đánh giá sơ bộ trực tiếp về vụ việc của mỗi bên; và (v) đưa ra quy định thẩm vấn nhân chứng trong một ngày.

Thứ ba, các quy tắc đã chính thống hóa *lệnh yêu cầu thực thi* (writ of continuing *mandamus*)—lệnh do tòa ban hành trong một vụ án môi trường yêu cầu một cơ quan hoặc tổ chức thuộc chính phủ hoặc cán bộ cơ quan đó phải tiến hành một hoặc một chuỗi hành động như quy định trong phán quyết cuối cùng, và có hiệu lực cho tới tận khi phán quyết đã được thực thi hoàn toàn.

Thứ tư, các quy tắc cũng đã đưa ra *lệnh tự nhiên* (writ of *kalikasan*)—lệnh áp dụng cho một người hoặc thực thể mà quyền có một hệ sinh thái cân bằng và lành mạnh theo hiến pháp của họ bị xâm phạm hoặc đe dọa, và mức độ tổn thất môi trường liên quan có thể làm tổn hại tới đời sống, sức khỏe, hoặc tài sản của dân cư ở từ hai thành phố hoặc tỉnh trở lên.

Cuối cùng, các quy tắc đã trình bày lại nguyên tắc phòng ngừa như một hình thức hoặc ứng dụng của cách tiếp cận phòng ngừa, vốn được sử dụng cùng với hai cách tiếp cận khác trong giải quyết vấn đề: (i) cách tiếp cận cứu chữa, nhằm đảo ngược hoặc đền bù cho thiệt hại đã gây ra; và (ii) cách tiếp cận ngăn chặn, nhằm ngăn ngừa các nguy cơ đã biết trở thành hiện thực với các tổn thất thực tế. Mặt khác, cách tiếp cận phòng ngừa áp dụng những biện pháp để bảo đảm an toàn môi trường, ngay cả khi sự xuất hiện tổn thất là không chắc chắn hoặc không thể thiết lập cơ sở về mặt khoa học.

Phó Chánh án Velasco kết thúc bằng cách lưu ý các đại biểu rằng mặc dù Philíppin có thể có các thẩm phán tòa môi trường tốt và các quy tắc tố tụng hiệu quả để xét xử những vụ việc môi trường, song tất cả các trụ cột của hệ thống tư pháp hình sự vẫn cần hỗ trợ để có thể xét xử nhanh chóng và hiệu quả các vụ việc môi trường.

Indônêxia

Paulus E. Lotulung, phó chánh án Tòa án tối cao Indônêxia, đã thảo luận về hệ thống chứng nhận tư pháp tại Indônêxia. Ông bắt đầu với việc giải thích cấu trúc của tòa án và bối cảnh lịch sử. Các vụ việc môi trường có thể thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án chung đối với những vụ việc dân sự và hình sự, hoặc thuộc phạm vi xét xử của các tòa hành chính đối với những vụ việc đã được phán quyết bởi nhánh hành pháp. Trong mỗi hệ thống xét xử này đều có tập hợp các công tố viên, cách thức tổ chức và tuyển dụng thẩm phán của riêng mình; những khác biệt này cản trở việc thành lập các ban môi trường hoặc tòa xét xử về môi trường. Do vậy, hệ thống tòa án Indônêxia đã nghĩ tới việc thành lập một chương trình chứng nhận tư pháp về các vụ việc môi trường cho mỗi tòa án.

Phó Chánh án Lotulung bổ sung rằng việc xét xử các vụ việc môi trường đòi hỏi những kỹ năng tư pháp đặc biệt. Để đạt hiệu quả, thẩm phán hoặc quan tòa xử lý vụ việc phải (i) chứng tỏ sự hiểu biết sâu sắc về các chuẩn mực pháp lý môi trường quốc gia và quốc tế; (ii) vận dụng luật pháp như một công cụ trong giải quyết các vụ việc môi trường; (iii) thể hiện các kỹ năng xây dựng luật pháp (*rechtsvinding*), hay chủ nghĩa tích cực tư pháp, trong khi đạt tới công lý môi trường; và (iv) áp dụng luật tố tụng đối với các vụ việc môi trường trong quá trình xét xử và phán quyết. Do những đòi hỏi cụ thể này, tòa án Indônêxia gần đây đã

thông qua hệ thống chứng nhận giải quyết các vụ việc môi trường, theo đó tất cả các vụ việc môi trường phải được giải quyết bởi ban thẩm phán với chủ tọa là một thẩm phán được chứng nhận, người đã trải qua một quá trình tuyển chọn và đào tạo khắt khe.

Phó Chánh án Lotulung đã mô tả hệ thống chứng nhận về tư pháp môi trường như một hệ thống tích hợp nhằm bảo đảm rằng các thẩm phán tại tòa sơ thẩm và phúc thẩm có đủ năng lực giải quyết các vụ việc môi trường. Mục đích của hệ thống chứng nhận là để liên tục nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng tư pháp của các thẩm phán về bảo vệ môi trường. Nó bắt đầu bằng việc tuyển dụng và kết thúc bằng việc giám sát và đánh giá. Hệ thống này đòi hỏi sự tham gia của tất cả các đơn vị công tác của Tòa án tối cao Indônêxia, bao gồm nhóm nhân sự, nhóm đào tạo, trung tâm đào tạo tư pháp, và cơ quan đào tạo và giám sát tư pháp.

Phó Chánh án Lotulung cũng nói rằng quy trình tuyển chọn được dựa trên bốn nguyên tắc chủ đạo: minh bạch, liêm chính, kinh nghiệm và sự tham gia của công chúng. Thứ nhất, quy trình này được minh bạch thông qua việc tuyển dụng công khai, đăng ký công khai, và thông báo rộng rãi. Thứ hai, tính liêm chính được nhấn mạnh bằng việc các ứng viên thẩm phán trình một bản xác nhận từ cơ quan giám sát của tòa chứng thực rằng các thẩm phán này không có được sự ưu ái nào. Thứ ba, chỉ các thẩm phán đã qua đào tạo trước đó hoặc những người có thể chứng tỏ hồ sơ đẹp trong việc xét xử các vụ việc môi trường mới đủ tiêu chuẩn được chứng nhận. Cuối cùng, công chúng có thể kiện bất kỳ ứng viên nào bị nghi ngờ có hành vi trái đạo đức.

Phó Chánh án Lotulung thông báo với các đại biểu rằng do Indônêxia là một quốc gia rộng lớn và có 7.000 thẩm phán, nên có thể xảy ra trường hợp không có thẩm phán được chứng nhận để chủ trì ban thẩm phán khi xét xử và phán quyết một vụ việc môi trường. Trong trường hợp này, một thẩm phán lưu động (*detasering*) có thể được bổ nhiệm. Hơn nữa, các thẩm phán có chứng nhận thường xuyên được theo dõi và đánh giá theo các quy trình của Tòa án tối cao. Những người xuất sắc sẽ được thưởng công bằng việc có nhiều cơ hội tham gia các hội thảo quốc gia và quốc tế, các khóa bồi dưỡng và nghiên cứu so sánh. Ông kết thúc bằng việc bày tỏ hy vọng rằng thế hệ các thẩm phán mới tại Indônêxia sẽ có năng lực, nhận thức và tận tụy, và nghiêm túc yêu cầu các thẩm phán mới của Indônêxia - nằm trong số các đại biểu có mặt - bảo vệ môi trường thân yêu của mình.

Thái Lan

Winai Ruangsri, thẩm phán nghiên cứu cấp cao của Tòa án tối cao Thái Lan, đã nói về những nỗ lực của Tòa án tối cao trong việc thực thi và thúc đẩy pháp luật môi trường, cũng như các dự định của tòa án và những điều chưa làm được. Thẩm phán Ruangsri đã tóm tắt bối cảnh lịch sử của việc thành lập các ban môi trường tại Thái Lan, đặc biệt là quan hệ hợp tác giữa ngành tư pháp Thái Lan với ngành tư pháp tại các nước khác (nhất là Ôxtrâyliá, Ấn Độ và Philippin), đánh giá của các ban môi trường về thẩm phán cũng như năng lực giải quyết các vụ việc và tranh chấp môi trường của tòa án. Nghiên cứu những điểm yếu của hệ thống tư pháp trong xét xử về môi trường và bản chất của các vụ việc môi trường, ngành tư pháp Thái Lan đã xây dựng một kế hoạch tập trung vào ba điểm chính: (i) tổ chức các tòa môi trường mang tính chiến lược; (ii) tăng cường năng lực cho các thẩm phán, gồm cả tiến hành đào tạo tư pháp với sự hợp tác của các nước khác; và (iii) trao quyền cho thẩm phán để xét xử các vụ việc môi trường bằng cách cải tiến các quy tắc và thông lệ tố tụng trong xét xử về môi trường. Do vậy, Thái Lan hiện có một hệ thống tòa môi trường đặc biệt, với một số tòa sơ thẩm hoặc tòa án cấp một chuyên biệt, ban môi trường (hay hàng ghế xanh) tại mỗi tòa phúc thẩm, và

ban môi trường ở cấp Tòa án tối cao. Đáng lưu ý, Thái Lan thực thi cách tiếp cận từ trên xuống (hoặc từ trong ra ngoài), theo đó ban môi trường của Tòa án tối cao có nhiệm vụ tăng cường nhận thức về các vụ việc môi trường cho các tòa án cấp dưới và điều chỉnh vai trò của họ để phù hợp với việc xét xử về môi trường. Mặc dù Thái Lan có một hệ thống thông luật, song nước này áp dụng học thuyết tiền lệ tư pháp từ hệ thống thông luật của Anh.

Theo Thẩm phán Ruangsri, việc định nghĩa phạm vi chính xác của một vụ án môi trường luôn là nhiệm vụ hết sức khó khăn tại Thái Lan. Theo Quy định của Chủ tịch Tòa án tối cao số 30 BE.2547 (AD.2004), một vụ án môi trường là bất kỳ vụ việc dân sự hoặc hình sự nào liên quan tới các quy định hoặc vi phạm đối với pháp luật môi trường, ngay cả khi vấn đề pháp lý cần xét xử liên quan tới các quy định pháp luật không thuộc môi trường hoặc các quy định luật pháp chung. Trong hoạt động thực tiễn, ban môi trường xét xử các vụ việc hình sự mà chủ yếu liên quan tới thiệt hại môi trường, ví dụ như khai thác gỗ trái phép, đánh bắt cá trái phép, hoặc vi phạm các quy định về săn bắt.

Kết luận, Thẩm phán Ruangsri nhấn mạnh rằng mỗi hệ thống tòa án phải lựa chọn cách thức thiết lập cơ cấu tòa môi trường, các quy tắc tố tụng, hoặc chương trình đào tạo tư pháp phù hợp với bối cảnh và điều kiện cụ thể của từng nước.

Trong thời gian hỏi–đáp, Chánh án Jakaria phát biểu rằng (i) việc xử lý nhanh chóng các vụ án môi trường là một phương thức hiệu quả để gửi tới công chúng thông điệp rằng các tòa án ASEAN hoàn toàn nghiêm túc trong vấn đề bảo vệ môi trường, và (ii) việc không còn nơi nào trên thế giới an toàn trước lũ lụt cho thấy rằng hợp tác quốc tế để giải quyết những thách thức môi trường giờ đây là một mệnh lệnh.

Mặt khác, Chánh án Đào lưu ý rằng Việt Nam chưa có một tòa môi trường riêng biệt hoặc đào tạo tư pháp về môi trường. Mặc dù vậy, Việt Nam không gặp phải khó khăn đáng kể trong việc chỉ định các thẩm phán xét xử và phán quyết các vụ việc môi trường. Chánh án của từng tòa án cụ thể thành lập một ban xét xử đặc biệt, trong đó phải bao gồm một thẩm phán đã được đào tạo tại Học viện tư pháp và có kinh nghiệm trong xét xử về môi trường, để giải quyết các vụ việc môi trường. Khó khăn chính của tòa án là chỉ định các hội thẩm nhân dân có nhận thức rõ về các vấn đề môi trường.

Kết thúc phiên họp, TS. Yang tóm tắt những nội dung đã được thảo luận, lợi ích của việc chuyên môn hóa tư pháp, và những sáng kiến khác trong lĩnh vực xét xử về môi trường nói riêng. Thật may là mặc dù các tòa án ASEAN phải đối mặt với rất nhiều thách thức, song rất nhiều tòa án đã đưa ra và thực hiện những sáng kiến đáng khen ngợi.

Phiên họp 6

Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 4: Quy hoạch Phát triển và Đánh giá Tác động Môi trường

Patricia Moore, chuyên gia luật quốc tế và nguyên giám đốc Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á) của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế, cùng với Rosa Vivien Ratnawati, giám đốc Cơ quan môi trường Tenggara Nusa và Bali thuộc Bộ môi trường Indônêxia đã điều khiển phiên họp này.

Bà Moore trình bày tổng quan về những nỗ lực của ASEAN nhằm giải quyết các vấn đề môi trường, đặc biệt liên quan tới việc thực hiện đánh giá tác động môi trường (EIA), và định hình các vấn đề trên khía cạnh (i) tính thỏa đáng về mặt pháp lý của hệ thống quản lý quốc gia của từng nước khi so với các thông lệ hiệu quả nhất tương ứng; (ii) tính thỏa đáng về mặt tổ tụng của hệ thống này; và (iii) tính thỏa đáng về mặt nội dung. Ví dụ, luật pháp hoặc các chính sách môi trường hiện thời, chẳng hạn như thủ tục về EIA được quy định trong Thỏa thuận Mêkông, không đưa ra các quy trình và thủ tục toàn diện để tiến hành EIA. Việc triển khai và đệ trình EIA có thể rất chậm trễ và không đầy đủ, với những tác động đáng kể và/hoặc tích tụ của các dự án đề xuất bị lơ đãng, giảm thiểu, và/hoặc phân tích không đúng.

Cụ thể hơn, bà Moore đã trích dẫn Tuyên bố về Chính sách An toàn của ADB (2009), trong đó nêu chi tiết những thông lệ hữu hiệu nhất để tiến hành EIA nhằm (i) tránh các tác động bất lợi khi có thể; và (ii) giảm thiểu tối đa, hạn chế, và/hoặc đền bù cho những tác động này khi không thể tránh được. Trích dẫn tuyên bố của ADB, bà nhấn mạnh rằng một dự án đề xuất cần phải được rà soát càng sớm càng tốt và trước khi đưa ra những quyết định quan trọng. Hơn nữa, bắt buộc phải xác định tất cả các hậu quả và nguy cơ có thể xảy ra nếu dự án được triển khai, và sử dụng một đánh giá tác động môi trường chiến lược khi phù hợp. Ngay cả nguy cơ đối với các nguồn lực hệ sinh thái, ví dụ mất đa dạng sinh học, cũng như các vấn đề kinh tế - xã hội và những tác động toàn cầu vượt khỏi phạm vi biên giới quốc gia cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Tiếp theo, bà Ratnawati đã thảo luận về kinh nghiệm của Ấn Độ trong việc tiến hành các EIA theo như Đạo luật số 32, năm 2009 và so sánh quá trình này với việc quản lý thường xuyên. Quá trình này bắt đầu bằng việc xác định những vấn đề tiềm tàng mà một dự án đề xuất có thể mang lại. Tiếp đó, nghiên cứu cần nêu rõ việc sử dụng các nguồn lực có sẵn, kiểm soát các kết quả tiềm năng, bảo tồn các nguồn tài nguyên, bảo trì dự án, và hoạt động thanh kiểm tra và thực thi cuối cùng. Nếu Bộ môi trường phát hiện có vi phạm nào đối với các luật lệ và quy định về môi trường, Bộ sẽ đòi hỏi thực thi luật pháp bằng cách khởi kiện. Bà cũng giải thích cơ chế bảo vệ và quản lý môi trường của Ấn Độ, theo đó Bộ môi trường tiến hành kiểm kê tài nguyên môi trường trước khi cấp phép và hình thành các chính sách và kế hoạch. Tiếp theo là đánh giá môi trường chiến lược và sau đó là bảo tồn. Cuối cùng, bà trích dẫn một số vụ án có liên quan tại Ấn Độ để minh họa cho những vấn đề gặp phải khi thực hiện EIA, bao gồm (i) các quyết định không nhất quán, dẫn tới việc không hiểu rõ liệu quyết định trong EIA là một quyết định hành chính hay chỉ là một khuyến nghị mà có thể tranh cãi hoặc thách thức; (ii) tính không thể thực thi của các quyết định EIA; và (iii) các tiêu chí không rõ ràng để xác định những doanh nghiệp nào phải tiến hành EIA, và EIA cần bao quát tới mức nào. Thật không may, mặc dù Đạo luật số 32 dường như là một văn bản pháp luật toàn diện, song vẫn chưa làm rõ cách thức thực thi nó một cách đúng đắn cho Bộ môi trường.

Malaixia

Yang Arif Tan Sri Abdull Hamid Embong, thẩm phán Tòa án liên bang Malaixia, đã trình bày bối cảnh lịch sử dẫn tới việc EIA trở thành một yêu cầu pháp lý tại Malaixia theo Đạo luật chất lượng môi trường. Sau khi đơn giản hóa khái niệm về EIA thông qua cách đảo ngược thứ tự các từ thành “đánh giá tác động đối với môi trường”, Thẩm phán Embong đã giải thích rằng các EIA hiện được tiến hành để (i) ngăn ngừa các vấn đề môi trường; (ii) bảo đảm rằng tất cả các vấn đề môi trường đều được tiên liệu và xử trí ở giai đoạn sớm; và (iii) tránh những sai lầm đắt giá trong khi thực hiện dự án. Để minh họa, ông đã kể về việc ba khu nhà ở của người dân trong thành phố đã bị sập và có thiệt hại về sinh mạng khi một hoạt động phát triển được tiến hành trên đỉnh ngọn đồi, chặt cây cối trong rừng, dẫn tới xói mòn và lở đất diện rộng trong mùa mưa.

Thẩm phán Embong đã giải thích thêm về thủ tục tiến hành EIA theo như Khoản 34(A) của Đạo luật chất lượng môi trường. Trước tiên, bộ trưởng quy định về các hoạt động mà có thể gây tác động đáng kể tới môi trường. Theo yêu cầu về EIA, có tất cả 19 hoạt động được quy định.⁵ Thứ hai, bất kỳ ai dự định tiến hành các hoạt động được quy định này đều phải trình một báo cáo EIA về hoạt động này cho tổng cục trưởng trước khi nó được phê duyệt. Cuối cùng, tổng cục trưởng, sau khi tiến hành việc nghiên cứu cần thiết, sẽ phê duyệt hoặc bác bỏ báo cáo này và thông báo cho người dự định tiến hành hoạt động được quy định, cũng như các cơ quan phê duyệt liên quan, về quyết định của mình. Hoạt động đề xuất chỉ có thể được tiến hành sau khi tổng cục trưởng phê duyệt báo cáo. Chỉ những người có đủ năng lực, đã đăng ký với Cục môi trường theo Cơ chế đăng ký tư vấn EIA mới được phép tiến hành các EIA. Hơn nữa, EIA có thể ở mức sơ bộ hoặc chi tiết, sự khác nhau chủ yếu ở chỗ EIA chi tiết giúp tạo ra nhận thức của công chúng vì công chúng có thể nhận xét báo cáo này. Thẩm phán Embong kết luận bằng cách trình bày rất nhiều vấn đề mà Malaixia phải đối mặt liên quan tới việc triển khai và thực thi EIA theo luật, cũng như số lượng và loại hình các báo cáo EIA mà Cục môi trường nhận được trong giai đoạn 2001–2010.

Thái Lan

Maneewon Phromnoi, thẩm phán Tòa án hành chính tối cao Thái Lan, trước hết thông báo với các đại biểu về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia của Thái Lan, với mục tiêu đề ra là đạt được sự phát triển về kinh tế - xã hội, đưa Thái Lan trở thành nước công nghiệp và cải thiện phúc lợi của người dân. Giống như hầu hết các quốc gia khác, phát triển có giá của nó, và Thái Lan đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề môi trường khác nhau, thúc đẩy nước này triển khai một chương trình về EIA.

Đạo luật tăng cường và bảo tồn chất lượng môi trường quốc gia B.E. 2535 (1992) - luật bảo vệ môi trường chính yếu của Thái Lan - đã quy định việc tiến hành EIA. Theo đó, EIA là bắt buộc đối với các dự án phát triển chủ đạo được đề xuất mà có thể có tác động đáng kể tới môi trường cùng các cá nhân và cộng đồng liên quan. Những dự án này có thể yêu cầu sự phê duyệt của Nội các hoặc không. Hiện tại, có 34 loại dự án đòi hỏi sự phê duyệt của Nội các, bao gồm xây dựng đập hoặc hồ chứa nước, nhà máy điện, cảng hàng không thương mại, khách sạn hoặc khu nghỉ dưỡng, các hệ thống vận tải hành khách cao tốc, đường cao tốc, khai thác mỏ, các cơ sở công nghiệp, cảng và hải cảng thương mại.

Sau khi giải thích khái niệm EIA, Thẩm phán Phromnoi đã trích dẫn một số vụ án hành chính có liên quan. Thứ nhất, trong vụ Xử lý rác Khon Khaen (Phán quyết của Tòa hành chính tối cao số 244/2553), Tòa hành chính tối cao Thái Lan đã tuyên bố rằng việc xây dựng một hệ thống xử lý rác không đòi hỏi phải tiến hành EIA trước. Cụm từ “theo quy định của luật pháp” trong Khoản 56, đoạn 2 Hiến pháp Thái Lan B.E. 2540 (1997) có nghĩa rằng cơ quan lập pháp trước hết phải thông qua một đạo luật liên quan tới EIA trước khi có thể thực thi quy định được nói tới. Thứ hai, trong vụ Sakom (Phán quyết của Tòa hành chính tối cao số 630/2551), tòa đã phán quyết rằng các đạo luật hiện hành đòi hỏi phải thực hiện EIA trước khi tiến hành bất kỳ hoạt động xây dựng tại nguồn nước, do vậy yêu cầu Cục hàng hải tiến hành EIA đối với việc xây dựng đê chắn sóng và gửi báo cáo lên Cơ quan quy hoạch và chính sách tài nguyên và môi trường trong vòng 60 ngày kể từ ngày ra phán quyết tối hậu. Cuối cùng, trong vụ Đảo Samui—Cấp phép khai thác mỏ (Phán quyết của Tòa hành chính tối cao số 333/2549), tòa đã yêu cầu Bộ công nghiệp thu

⁵ Các hoạt động này bao gồm nông nghiệp, thoát nước và thủy lợi, khai thác khoáng sản, sản xuất và truyền tải điện, ngư nghiệp, thu hồi đất, phát triển khu nghỉ dưỡng và giải trí, lâm nghiệp, cơ sở hạ tầng, công nghiệp, cấp nước, cảng, nhà ở, đường sắt, xử lý và vứt bỏ chất thải, sân bay, giao thông, khai thác mỏ đá, và xăng dầu.

hồi giấy phép khai thác mỏ được đưa ra trước đó tại một khu vực của đảo Samui sau khi báo cáo EIA cho thấy rằng việc khai thác mỏ có thể làm tổn hại vĩnh viễn khu vực đồi núi và có tác động bất lợi tới môi trường xung quanh cũng như ngành du lịch.

Thẩm phán Phromnoi kết luận bằng một số phê phán đối với EIA. Trước hết, mặc dù EIA rất quan trọng trong quản lý môi trường, nhưng mất rất nhiều thời gian để thu thập thông tin, đạt được sự đồng thuận tại từng phiên tham vấn công chúng, và/hoặc giải quyết các xung đột. Thứ hai, sự tham gia hiệu quả của công chúng bị cản trở bởi thực tế rằng thành viên của các cộng đồng bị ảnh hưởng thường chỉ được báo trước về các phiên tham vấn cộng đồng trong một thời gian rất ngắn, do vậy không có sự chuẩn bị hoặc không hiểu rõ những tác động bất lợi tiềm tàng nếu triển khai một dự án đề xuất. Thứ ba, việc thiếu nguồn lực tài chính và nhân sự cũng làm hạn chế EIA. Đối với Thẩm phán Phromnoi, xét cho cùng, dù Thái Lan có một cơ cấu EIA toàn diện, song việc thực thi không hiệu quả pháp luật và quy định hiện hành đã khiến quy trình EIA không thể giúp ích cho việc cải thiện các điều kiện môi trường.

Phiên họp 7

Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 5: Nước ngọt, Ô nhiễm, Lũ lụt và Khí hậu

Thomas Robert Panella, chuyên gia chính về tài nguyên nước tại Cơ quan đại diện thường trú Ấn Độ của ADB, bắt đầu phần trình bày về những thách thức đặt ra liên quan tới sông Citarum, con sông dài nhất và lớn nhất tại tỉnh Tây Java, và các nguồn nước khác với những số liệu thống kê và nhân khẩu học của sông Citarum và các cộng đồng lân cận. Dựa trên các dữ liệu này, ông đã nêu cụ thể bảy thách thức lớn: (i) tăng dân số và đô thị hóa; (ii) sự sạt lở, xói mòn và lắng đọng trầm tích tại lưu vực sông; (iii) lũ lụt và các thảm họa liên quan tới nước; (iv) khai thác nước ngầm quá mức; (v) ô nhiễm nước gồm chất thải công nghiệp, sinh hoạt, hữu cơ và rác thải; (vi) sạt lở ven bờ; và (vii) phân bố nước, cơ sở hạ tầng, và biến đổi khí hậu.

TS. Panella đề xuất một số giải pháp cho các vấn đề này. Thứ nhất, vấn đề sạt lở, xói mòn và lắng đọng trầm tích tại lưu vực sông có thể được giải quyết bằng (i) cải thiện quy hoạch không gian, quy định phân vùng, và thực thi pháp luật; (ii) bảo tồn, cải tạo đất, và tái trồng rừng; và (iii) các thông lệ canh tác bền vững và cung cấp nguồn sinh kế thay thế. Thứ hai, tình trạng lũ lụt nghiêm trọng và diễn ra thường xuyên có thể được kiểm soát thông qua các kênh mương thoát nước. Thứ ba, tình trạng khai thác nước ngầm quá mức có thể được giảm bớt bằng (i) cải tiến quy định, cấp phép và thực thi pháp luật liên quan tới nước ngầm; (ii) định giá nước ngầm; (iii) bổ sung tầng nước ngầm; và (iv) tăng cường các nguồn cấp nước trên bề mặt đất, đặc biệt cho mục đích công nghiệp. Thứ tư, ô nhiễm nước thải công nghiệp và sinh hoạt có thể được giải quyết thông qua (i) cải tiến quy định, cấp phép và thực thi các tiêu chuẩn chất lượng nước; (ii) cải thiện việc giám sát; (iii) xây dựng các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp; (iv) cung cấp các cơ sở vệ sinh; và (v) công nghệ xử lý nước với chi phí thấp. Ô nhiễm nước thải hữu cơ có thể được giải quyết bằng (i) sản xuất phân bón hữu cơ để cung cấp cho các nông trang ở hạ lưu, (ii) sản xuất khí biogas, và (iii) cải thiện việc quản lý rác thải; còn ô nhiễm rác thải có thể được quản lý thông qua (i) cải tiến quy định quản lý rác thải, phân vùng và thực thi, (ii) các cơ sở và dịch vụ thu gom rác thải, (iii) các cơ sở tái chế, tái sử dụng, và giảm bớt (3R), và (iv) thay đổi hành vi. Cuối cùng, tình trạng sạt lở ven bờ có thể được giải quyết bằng cách (i) phục hồi rừng ngập mặn và cải

thiện các hệ sinh thái ven bờ, (ii) kiểm soát lũ lụt, và (iii) bảo vệ bờ biển thông qua hệ thống kè bờ và cơ sở hạ tầng ven biển.

TS. Panella kết thúc với phần thảo luận về việc vận hành các hồ chứa nước đặt tại ba nơi then chốt: (i) các đập Saguling, Citara và Juanda dọc theo sông Citarum, trong đó ông lưu ý sự cần thiết phải phối hợp chặt chẽ hơn và có các cơ chế kiểm soát lũ lụt và khô hạn mới; (ii) huyện Purwakarta; và (iii) huyện Karawang.

Philippines

Presbitero J. Velasco Jr., phó chánh án của Tòa án tối cao Philippines, đã trình bày cụ thể hơn về lệnh yêu cầu thực thi (writ of continuing *mandamus*) mà Tòa án tối cao Philippines đã đưa ra trong phán quyết bước ngoặt trong vụ Cơ quan quản lý phát triển đô thị Manila và những người khác kiện các công dân liên quan của Vịnh Manila và những người khác (G.R. số 171947-48, ngày 18 tháng 12 năm 2008)—một phán quyết mà chính bản thân ông đã chấp bút. Vụ việc này xuất phát từ vụ kiện của các công dân có liên quan của Vịnh Manila đối với một số cơ quan chính phủ, với cáo buộc là các cơ quan này đã không thực thi chức trách của mình trong việc duy trì Vịnh Manila ở tình trạng lý tưởng.⁶ Cả phiên xử sơ thẩm và Tòa phúc thẩm đều yêu cầu các cơ quan này làm sạch vịnh theo một kế hoạch hành động tăng cường. Tòa phúc thẩm, đến lượt mình, đã chuyển vụ việc lên Tòa án tối cao, hỏi về tính phù hợp của một lệnh yêu cầu thực thi (*mandamus*) để buộc các cơ quan này phải thực hiện chức trách của mình. Phiên toàn thể của Tòa án tối cao đã phán quyết không những giữ nguyên quyết định của các tòa cấp dưới, mà còn yêu cầu triển khai một hệ thống giám sát hiệu quả để bảo đảm việc tuân thủ lịch trình được ấn định và phán quyết này, đạt được kết quả là làm sạch, phục hồi, bảo vệ và bảo tồn Vịnh Manila.

Cụ thể, Tòa án tối cao đã đưa ra những mệnh lệnh sau:

- (i) Bộ tài nguyên và môi trường cần thực hiện đầy đủ Kế hoạch hoạt động của cơ quan này phục vụ Chiến lược bờ biển Vịnh Manila về cải tạo, phục hồi và bảo tồn vùng vịnh sớm nhất có thể.
- (ii) Bộ nội vụ và chính quyền địa phương cần chỉ đạo tất cả các cơ quan chính quyền địa phương tại Bataan, Bulacan, Cavite, Laguna, Đô thị Manila, Pampanga và Rizal tiến hành khảo sát thực địa hai bên bờ của hệ thống sông và các kênh mương chảy ra Vịnh Manila trong khu vực mình phụ trách, xác định liệu những nơi giáp ranh với vịnh đã có các công trình xử lý nước thải hoặc bể tự hoại vệ sinh theo quy định hay chưa, yêu cầu các đơn vị và hộ gia đình chưa tuân thủ phải lắp đặt các công trình cần thiết để ngăn nước thải chảy vào các hệ thống sông, kênh mương và cuối cùng đổ ra Vịnh Manila.
- (iii) Cơ quan quản lý công trình nước và hệ thống thoát nước đô thị cần xây dựng và bảo dưỡng các công trình xử lý nước thải cần thiết tại Cavite, Đô thị Manila, và Rizal sớm nhất có thể.

⁶ Các cơ quan này bao gồm Cơ quan phát triển Đô thị Manila; Bộ tài nguyên và môi trường; Bộ giáo dục, văn hóa và thể thao (hiện là Bộ giáo dục); Bộ y tế; Bộ nông nghiệp; Bộ công chính và đường cao tốc; Bộ ngân sách và quản lý; Đội tuần tra bờ biển Philippines; Lực lượng cảnh sát biển quốc gia Philippines; Bộ nội vụ và chính quyền địa phương; và Cơ quan Quản lý Công trình Nước và Hệ thống Thoát nước Đô thị.

- (iv) Cơ quan quản lý cấp thoát nước địa phương cần cung cấp, lắp đặt, vận hành và bảo trì các công trình thoát nước và vệ sinh và hệ thống cống rãnh hiệu quả và an toàn tại Bataan, Bulacan, Cative, Laguna và Pampanga sớm nhất có thể.
- (v) Bộ nông nghiệp cần cải thiện và bảo tồn hệ sinh vật biển trong Vịnh Manila và hỗ trợ các cơ quan chính quyền địa phương tại Bataan, Bulacan, Cative, Laguna, Đô thị Manila, Pampanga và Rizal phát triển ngư nghiệp và nguồn tài nguyên biển tại Vịnh Manila thông qua những phương thức đã được công nhận.
- (vi) Đội tuần tra bờ biển Philippin và cảnh sát biển quốc gia cần phối hợp và bắt giữ những người vi phạm pháp luật, nhằm mục đích ngăn chặn tình trạng ô nhiễm biển trong Vịnh Manila.
- (vii) Cơ quan quản lý cảng biển Philippin cần nhanh chóng áp dụng những biện pháp để ngăn chặn việc xả thải ra Vịnh Manila từ các tàu thuyền đỗ tại cảng và bắt giữ những người vi phạm.
- (viii) Cơ quan phát triển Đô thị Manila cần phá dỡ tất cả các công trình xây dựng xâm lấn và vi phạm luật pháp hiện hành dọc theo các con sông cụ thể, kênh mương nối kết và cống thoát nước (*esteros*) tại Đô thị Manila; xây dựng, vận hành và bảo trì một bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh như quy định của Đạo luật cộng hòa số 9003 trong vòng một năm kể từ phán quyết này; góp phần vào việc bắt giữ và khởi tố các vụ án hình sự thỏa đáng đối với những kẻ vi phạm pháp luật hiện hành về ô nhiễm.
- (ix) Bộ công chính và đường cao tốc cần di dời tất cả các công trình xây dựng xâm lấn và vi phạm luật pháp hiện hành dọc theo các con sông cụ thể khác, kênh mương nối kết và cống thoát (*esteros*) thoát nước thải ra Vịnh Manila.
- (x) Trong thời hạn một năm kể từ phán quyết này, Bộ y tế cần xác định liệu các công ty xử lý bùn và bể tự hoại được cấp phép có đầy đủ trang thiết bị phù hợp cho việc xử lý và đổ bỏ bùn và chất thải từ các bể tự hoại hay không, nếu không thì phải quy định thiết lập các trang thiết bị cần thiết trong một khoảng thời gian thích hợp, và rút giấy phép hoạt động vệ sinh môi trường trong trường hợp không đáp ứng yêu cầu.
- (xi) Bộ giáo dục cần tích hợp các bài học về phòng chống ô nhiễm, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường và các chủ đề tương tự vào trong chương trình giảng dạy tại nhà trường ở tất cả các cấp học để khắc sâu trong học sinh, và thông qua đó là phụ huynh và bạn bè các em, về nghĩa vụ quan trọng của mỗi người nhằm đạt được và duy trì một hệ sinh thái cân bằng và lành mạnh tại Vịnh Manila và trên toàn bộ quần đảo Philippin.
- (xii) Bộ ngân sách và quản lý cần cân nhắc kế hoạch phân bổ đủ ngân sách theo như Đạo luật phân bổ ngân sách chung năm 2010 và các năm tiếp theo cho việc làm sạch, khôi phục và bảo tồn chất lượng nước của Vịnh Manila phù hợp với mục tiêu phát triển của quốc gia là đạt được tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn bảo vệ, bảo tồn và phục hồi lãnh hải quốc gia.

Thêm vào đó, lãnh đạo các cơ quan được yêu cầu đệ trình báo cáo tiến độ hằng quý về những hoạt động đã được tiến hành theo như phán quyết.

Kết luận, Phó Chánh án Velasco đã nhấn mạnh rằng lệnh yêu cầu thực thi mà Tòa án tối cao đưa ra trong vụ việc này không hạn chế về thời gian, mà có hiệu lực thi hành bất cứ khi nào cần thực hiện việc làm sạch, phục hồi và bảo tồn vịnh. Tuy nhiên, mặc dù một ủy ban đã

được thành lập để giám sát sự tuân thủ chức trách của các cơ quan, song cũng có rất nhiều khó khăn, gồm cả việc thuê cán bộ có năng lực để hình thành nhóm công tác kỹ thuật nhằm xác minh các báo cáo kết quả thực hiện và tiến hành thanh tra các hoạt động được quy định.

Thái Lan

Prapot Klaisuban, thẩm phán Tòa hành chính trung ương Thái Lan, trước hết giải thích rằng do sự gia tăng số lượng các vụ việc môi trường được đệ lên tòa như là hệ quả của phát triển đô thị và công nghiệp hóa ngày càng tăng, nên ngành tư pháp Thái Lan buộc phải thành lập một ban môi trường tại Tòa hành chính trung ương Thái Lan. Tiếp đó, ông đã khái quát các luật và quy định khác nhau tạo thành hệ thống luật pháp môi trường của Thái Lan, bao gồm Luật tăng cường và bảo tồn chất lượng môi trường quốc gia B.E. 2535 (1992), Luật bảo vệ và bảo tồn các loài hoang dã B.E. 2535, Luật y tế cộng đồng B.E. 2535, Luật nhà máy B.E. 2535, Luật thúc đẩy bảo tồn năng lượng B.E. 2535, và Luật bảo vệ sức khỏe của những người không hút thuốc B.E. 2535.

Thẩm phán Klaisuban nêu ra ví dụ về cách thức các tòa án Thái Lan phán quyết những vụ việc liên quan tới phá hoại nguồn nước ngọt và đánh bắt cá trái phép. Trong vụ Klity Creek, các làng liên quan cáo buộc Cơ quan kiểm soát ô nhiễm đã không thể buộc công ty mỏ phải chi trả, mặc dù công ty này đã xả nước thải vào nhánh sông Klity trong hơn 25 năm. Lần này, tòa án nhận thấy rằng cơ quan này trên thực tế đã không khẩn trương (i) yêu cầu công ty mỏ bồi thường tài chính cho những tổn thất môi trường mà nó đã gây ra, và (ii) thực thi chức trách của mình là phục hồi nhánh sông bị ô nhiễm. Do vậy, tòa đã tuyên cơ quan này phải trả cho các nguyên đơn 743.226 bath, là khoản chi phí của họ do mất các cơ hội sinh kế và quyền được sống trong một môi trường trong lành. Mặt khác, trong vụ Vùng nuôi trồng, các ngư dân địa phương liên quan đã kiện Cục ngư nghiệp và Bộ nông nghiệp và hợp tác xã vì đã ban hành các quy định cấm sử dụng một số loại công cụ đánh bắt cá tại một số vùng nhất định, từ đó hạn chế quyền sinh kế của người dân. Cuối cùng, tòa án phán quyết rằng các quy định này là “những biện pháp cần thiết” với lợi ích cho công chúng nói chung cao hơn thiệt hại đối với các ngư dân.

Kết luận, Thẩm phán Klaisuban đã thảo luận về cuộc khủng hoảng lũ lụt ở Thái Lan và đưa ra những bức ảnh để nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng của tình hình.

Phiên họp 8

Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 6: Đô thị hóa và Ô nhiễm Không khí

Simon Tay, chủ tịch Viện các vấn đề quốc tế của Xingapo, nhấn mạnh với các đại biểu rằng đô thị hóa nhanh chóng làm tăng các nguồn ô nhiễm không khí, gây ra tổn hại lớn hơn tới môi trường và các nguy cơ về sức khỏe. Tuy nhiên, làm thế nào để chứng minh nguồn ô nhiễm hoặc chi phí của tổn hại là một vấn đề phức tạp, và càng tồi tệ hơn nếu liên quan tới ô nhiễm khói mù xuyên biên giới. Vấn đề không chỉ là thẩm quyền xét xử, mà còn bao gồm bảo đảm việc tuân thủ, xác định bên có lợi ích thực sự, và tiến hành theo các quy tắc tổ tụng hiện hành. Ông kết luận bằng cách nêu lên rằng các chính phủ rõ ràng cần cân nhắc lựa chọn chính sách và công nghệ, xét trong bối cảnh mỗi công nghệ có những tác động rất khác nhau tới ô nhiễm không khí. Chủ nghĩa tích cực tư pháp có những lợi ích nhất định, song ông Tay nhắc nhở các thẩm phán cần thận trọng khi quyết định các chi phí liên quan tới chính sách và công nghệ.

Xingapo

Philip Nalliah Pillai, thẩm phán của Tòa án tối cao Xingapo, lưu ý rằng mặc dù tất cả các thẩm phán hiển nhiên thừa nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và bảo tồn cho các thế hệ tương lai, song các kế hoạch và hành động cụ thể để thúc đẩy bảo vệ môi trường đơn giản là chưa được thực hiện do rất nhiều nguyên nhân. Một số quốc gia đang phát triển có xu hướng áp dụng những biện pháp giúp thúc đẩy tăng trưởng mà không quan tâm tới tổn hại môi trường gây ra. Thứ hai, tham nhũng ở các cấp khác nhau trong chính quyền đã làm giảm hiệu quả của những ý định, luật lệ và chính sách tốt nhất. Nhiều cơ quan hành chính có năng lực yếu kém và không được trang bị đầy đủ để thực thi pháp luật môi trường hay thực thi hành động quyết định để bảo vệ môi trường và giải quyết các tình huống xung đột tiềm tàng; một số quốc gia có tình trạng quản lý nhà nước yếu kém, cho dù có những nguồn lực tốt nhất. Với tình trạng tòa án thiếu năng lực thể chế và nguồn lực để quản lý vi mô việc thực thi pháp luật, vai trò chính xác của các tòa án trong công cuộc quản lý môi trường vẫn là một vấn đề thiết yếu được giải quyết theo hai cách tiếp cận xung đột nhau - chủ nghĩa tích cực tư pháp và hạn chế tư pháp. Tuy nhiên, điều dường như rõ ràng hiện nay là luật pháp tốt không chắc đã được thực thi hiệu quả.

Tiếp đó, Thẩm phán Pillai đã chia sẻ về kinh nghiệm tăng trưởng của Xingapo. Trong thập niên 1970, Xingapo được mô tả là một “thành phố thế giới thứ ba điển hình”, không có nguồn tài nguyên thiên nhiên nào ngoài người dân và vị trí địa lý. Ý niệm này khiến Xingapo lo sợ rằng mình có thể biến mất bất kỳ lúc nào, và đã định hình cách tiếp cận của quốc gia đối với phát triển và môi trường. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian 2–3 thập niên, các nhà sáng lập Xingapo, gồm cả các công chức nhà nước ở thôn bản hoặc cấp cơ sở, đều là những người không bị tha hóa, được đào tạo và có năng lực xuất sắc. Thông qua ý chí chính trị mạnh mẽ và quản lý nhà nước tốt, họ đã biến nơi đây trở thành một thành phố toàn cầu bằng cách thực thi nghiêm khắc luật pháp, chính sách và quy định hiện hành. Như được minh chứng trong các quá trình quy hoạch và phê duyệt trước, cách tiếp cận chủ đạo của Xingapo trong sử dụng đất và phát triển luôn là phòng ngừa thay vì khắc phục, với việc giám sát liên tục và sửa chữa nhanh chóng mọi sai phạm. Hơn nữa, trong khi thu hút đầu tư nước ngoài, chính phủ đã quy định những chính sách môi trường hợp lý. Do vậy, thách thức của thế hệ người dân Xingapo hiện tại là liệu họ có thể tiếp tục di sản này của cha ông hay không, và bằng cách nào. Thật may mắn, thế hệ người dân Xingapo mới cũng cho thấy ý thức và sự quan tâm tương tự đối với môi trường, khi họ đối mặt với thách thức của việc quyết định có nên và bằng cách nào để có được cuộc sống tốt hơn cho mọi người, trong khi vẫn cân bằng sự đánh đổi giữa các lợi ích khác nhau về kinh tế và môi trường.

Campuchia

Kim Sathavy, thẩm phán Tòa án tối cao Campuchia, phát biểu về vấn đề phát triển đô thị nhanh chóng tại các nước đang phát triển. Bà nói rằng trong hơn 10 năm qua, Campuchia đã chứng kiến dân số đô thị gia tăng ngoạn mục cả do tăng dân số tự nhiên và di dân từ nông thôn ra thành thị. Bà lưu ý rằng hiện tượng này cũng diễn ra tại các thành phố lớn khác trong khu vực, gồm Bangkok, Jakarta, Kuala Lumpur và Manila. Tình trạng tăng dân số đô thị nhanh chóng và chưa có tiền lệ này đã cho thấy sự thiếu hụt cơ sở hạ tầng công cộng như đường sá, hệ thống giao thông công cộng, và công trình vệ sinh công cộng. Do vậy, có sự quá tải đối với mạng lưới đường bộ cũng như sự gia tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn và nước.

Nhấn mạnh thực tế rằng ô nhiễm không khí là không có biên giới, Thẩm phán Sathavy khuyến khích mọi người đóng góp giải pháp, và nêu ra các ví dụ về cách thức quản lý ô nhiễm không

khí hiện tại ở các nước khác. Ví dụ, một số thành phố lớn ở Bắc Âu đang thực hiện cơ chế mã hóa theo số, theo đó các xe mang biển số chẵn và biển số lẻ sẽ được lưu thông trên đường vào những ngày khác nhau. Các thành phố và quốc gia khác đang triển khai những phương thức giao thông thay thế và/hoặc cấm phương tiện tại một số nơi nhất định.

Trong bối cảnh này, đối với Thẩm phán Sathavy, các tòa án cần phải chủ động hơn nữa trong việc ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm không khí và sự xuống cấp môi trường. Họ cần phối hợp với các chính quyền địa phương và quốc gia để triển khai những chính sách hiệu quả nhằm giải quyết nguyên nhân sâu xa của các vấn đề này. Cụ thể, tòa án có trách nhiệm đặc biệt là giải quyết những xung đột giữa người gây ô nhiễm và các nạn nhân của họ, và áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải chi trả trong quá trình này. Song, xét tới rất nhiều yếu tố gây ra các vấn đề về môi trường, việc giải quyết các vấn đề này không bao giờ là đơn giản. Tăng cường phối hợp giữa tòa án và các cơ quan chính phủ liên quan khác là hết sức cần thiết để vận dụng quản lý đô thị, các quy định chính thức và luật pháp thích ứng nhằm triển khai các cách tiếp cận quản lý chất lượng không khí bền vững và hiệu quả. Trong tương lai, xung đột môi trường sẽ gia tăng và tòa án sẽ được kêu gọi giải quyết các xung đột này. Do vậy, các quan tòa cần phải duy trì tiếp cận những công nghệ mới và biện pháp khoa học hỗ trợ trong việc đo lường ô nhiễm không khí, xác định nguồn, và đánh giá tổn hại.

Thẩm phán Sathavy kết thúc bằng việc lưu ý về nền kinh tế mà nông nghiệp là chủ đạo của Campuchia và khung điều tiết, gồm cả luật pháp, đã được triển khai để giải quyết tình trạng dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu của quốc gia, và điều hòa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Chiến lược quốc gia hiện thời tích hợp các nhu cầu bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển kinh tế-xã hội, và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, với sự phối hợp cùng các quốc gia láng giềng.

Phiên họp 9

Thách thức chung Đối với các Quan tòa ASEAN: Các vấn đề Chủ yếu về Năng lực và Quản lý Nhà nước

Patricia Moore, chuyên gia luật quốc tế và nguyên giám đốc Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á) của Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế, đã định hình nội dung liên quan tới những vấn đề chủ yếu về năng lực và quản lý nhà nước của các tòa án ASEAN bằng cách nêu ra những vấn đề then chốt mà vẫn chưa được thảo luận:

- (i) Luật môi trường có thể được đưa vào trong quy trình đào tạo tư pháp như thế nào để xây dựng năng lực và kiến thức cơ bản về luật môi trường cho các tòa cấp dưới?
- (ii) Các vấn đề chung về quản trị nhà nước và tính liêm chính có thể được tích hợp vào chuỗi thực thi pháp luật môi trường như thế nào?
- (iii) Tòa án có thể làm gì để khuyến khích các công tố viên và luật sư đưa ra các vụ việc môi trường?
- (iv) Những sáng kiến chủ yếu nào giúp mở lối tiếp cận các thể chế tư pháp cho các tranh chấp môi trường?

- (v) Cần có các biện pháp đặc biệt nào để tăng cường tiếp cận công lý cho người nghèo, người yếu thế và người dân tộc bản địa?
- (vi) Bằng cách nào hệ thống tư pháp chính thống có thể công nhận việc giải quyết tranh chấp bằng các con đường phi chính thống nhằm tăng cường tiếp cận công lý?

Sau đó, một phần trình bày ngắn qua video của **Adalberto Carim Antonio**, thẩm phán xét xử của Tòa các vấn đề môi trường và nông nghiệp bang Amazonas đã được trình chiếu để nhấn mạnh kinh nghiệm của bang Amazonas trong việc xây dựng mô hình tòa môi trường. Thẩm phán Antonio bắt đầu bằng việc mô tả bối cảnh lịch sử của việc thành lập tòa môi trường ở trung tâm vùng Amazon. Năm 1997, khi đất nước trải qua một trong những biểu hiện khắc nghiệt nhất của hiện tượng El Nino (hạn hán nghiêm trọng kèm theo thiếu điện và hạn chế tầm nhìn do khói gây ra bởi việc đốt cây), Tòa án bang Amazonas đã nhận ra nhu cầu phải hoàn thành nhiệm vụ quy định trong hiến pháp là bảo vệ môi trường vì lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai. Tòa đã ủy nhiệm cho Thẩm phán Antonio, người đã cống hiến cả đời cho việc thực hiện luật môi trường, để thành lập một tòa môi trường ở trung tâm Amazon—một nhiệm vụ khiến cho ông vừa vui mừng vừa lo lắng. Mặc dù không có một mô hình nào để Thẩm phán Antonio có thể nghiên cứu và làm theo trong khi thực hiện nhiệm vụ, ông coi đó là một cơ hội để tìm ra phương thức giải quyết các vấn đề sinh thái. Quá trình của ông bao gồm hai bước chính để đạt được công lý môi trường trong khu vực:

- (i) Thẩm phán Antonio đã cố gắng để các cộng đồng địa phương làm quen và tiếp thu luật pháp môi trường Braxin thông qua các cuốn truyện tranh và tài liệu giáo dục khác, giúp cho cả thanh thiếu niên và người trưởng thành hiểu rõ vai trò quan trọng của việc thiết lập một tòa môi trường trong cộng đồng của họ. Bước ban đầu này là hết sức cần thiết xét tới thực tế hầu hết người dân cộng đồng luôn cho rằng mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên xung quanh họ là vô tận.
- (ii) Thẩm phán Antonio hiểu rằng hầu hết những người vi phạm pháp luật môi trường đều có một hình dung khác so với các loại tội phạm khác, tức là họ chỉ là những con người bình thường, tin tưởng rằng những gì họ làm có thể có lợi cho người khác. Do vậy, ông đã áp dụng các hình phạt thay thế cho những tội phạm bị kết án để họ có thể tái hòa nhập tốt hơn vào xã hội. Thay vì trả tiền phạt hoặc ngồi tù một thời hạn, những người phạm pháp có thể lựa chọn tham gia lao động công ích tại cộng đồng và/hoặc hỗ trợ về mặt tài chính cho những nỗ lực bảo vệ và bảo tồn môi trường, bên cạnh việc tham dự một lớp học buổi tối về môi trường bắt buộc - một khóa học buổi tối trong hai tuần và được cấp chứng nhận khi hoàn thành. Để được hưởng hình phạt thay thế này, người vi phạm phải đệ trình lên tòa bằng chứng kỹ thuật cho thấy họ có khả năng giảm thiểu hoặc giải quyết vấn đề môi trường mà họ đã gây ra. Để minh họa cho hiệu quả của việc sử dụng hình phạt thay thế, Thẩm phán Antonio đã trích dẫn vụ việc của (a) một công ty dầu mỏ lớn liên quan tới một vụ tràn dầu nghiêm trọng ở Amazon đã bị tòa yêu cầu phải làm sạch hiện trường, xây dựng một trường học, hệ thống cấp nước, cơ sở y tế, và trung tâm dịch vụ xã hội tại cộng đồng bị ảnh hưởng; và (b) một công ty xe buýt gây ô nhiễm tiếng ồn và không khí đã bị tòa yêu cầu chi trả và dán các áp phích quảng cáo về các hành vi vi phạm môi trường lên sau 500 xe buýt của công ty. Điều thú vị là thay vì trả tiền phạt hoặc ngồi tù, những người vi phạm sẵn sàng tài trợ cho việc xuất bản các ấn phẩm về luật môi trường và các tài liệu giáo dục môi trường khác, phục hồi các khu vực bị hư hại, xây dựng các trung tâm tái chế, và/hoặc đóng góp vào việc thành lập một trung tâm cải tạo cho các tội phạm môi trường.

Cuối cùng, Thẩm phán Antonio bày tỏ hy vọng rằng những gì ông đã làm tại bang Amazonas có thể truyền cảm hứng cho các thẩm phán khác tìm ra cách thức riêng của mình nhằm đưa luật pháp môi trường thâm nhập vào các cộng đồng địa phương, khiến các cộng đồng hiểu rõ tầm quan trọng của các luật này và vai trò của họ trong việc bảo vệ môi trường.

Thẩm phán Lotulung khuyến khích các đại biểu tham gia và chia sẻ kinh nghiệm. Ông chỉ ra rằng luật pháp đôi khi có thể lạc hậu so với tiến bộ xã hội, do vậy khi đó thẩm phán buộc phải xây dựng luật. Cũng có những trường hợp luật pháp tốt trở thành vô dụng do việc thực thi kém, và có lẽ tốt hơn là có luật kém nhưng thẩm phán tốt. Do vậy, vấn đề là lồng ghép hoạt động quản lý nhà nước chung vào toàn bộ chuỗi thực thi pháp luật môi trường. Cuối cùng, ông yêu cầu các đại biểu suy nghĩ về những cách thức nhằm tăng cường tiếp cận công lý cho người nghèo, người yếu thế và người dân tộc bản địa, đặc biệt xét tới thực tế rằng đây là những nhóm chịu tác động nặng nề nhất của sự xuống cấp môi trường.

Thẩm phán Pillai nêu ra thêm một số câu hỏi và nhắc tới ví dụ về chủ nghĩa tích cực tư pháp của tòa án Ấn Độ. Đáng lưu ý, Hiến pháp Ấn Độ quy định các vụ kiện vì lợi ích công, cho phép mọi người đều có thể tiếp cận Tòa án tối cao trong vấn đề pháp lý bất kỳ, cũng như quyền có không khí trong lành và nguồn nước sạch, cùng các yếu tố khác, làm cơ sở để tòa có căn cứ can thiệp. Thật không may, các nước khác không có quy định tương tự; họ chỉ đơn giản là không có cơ sở hoặc không đủ cơ sở cho sự can thiệp tư pháp. Đối với Thẩm phán Lotulung, các tòa hành chính sau đó có thể can thiệp nếu các quan chức công quyền hoặc cơ quan chính phủ từ chối thực thi chức trách được luật pháp quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán Phromnoi lưu ý rằng ngay cả khi các quan chức công quyền hoặc cơ quan chính phủ đang thực thi chức trách của mình, những tình huống ngoài dự kiến vẫn có thể khiến cho mọi việc vượt ra ngoài phạm vi kiểm soát của các cơ quan chính phủ.

Phiên họp 10

Hội nghị Thế giới của UNEP về Tư pháp, Quản lý Nhà nước và Luật pháp vì sự Bền vững Môi trường: Vai trò của Tòa án

Bakary Kante, giám đốc Vụ công ước và luật pháp môi trường của UNEP, thảo luận về Hội nghị Liên Hợp Quốc về phát triển bền vững, còn được gọi là Hội nghị Rio+20, Rio 2012, hoặc Hội nghị thượng đỉnh Trái đất 2012. Diễn ra tại Rio de Janeiro với Brazil là nước chủ nhà từ ngày 13 tới 22 tháng 6 năm 2012, Rio+20 là hội nghị quốc tế lần thứ ba về phát triển bền vững. Là sự tiếp nối của Hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường và phát triển và Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững năm 2002 tại Johannesburg, Rio+20 nhằm đạt được sự thống nhất của lãnh đạo các quốc gia và đại diện khắp các khu vực về một công cụ chính trị trọng điểm phục vụ xóa nghèo, thúc đẩy bình đẳng xã hội và bảo vệ môi trường, và nhằm thể chế hóa phát triển bền vững trên mọi mặt trận. Cụ thể, Rio+20 tập trung vào bảy lĩnh vực ưu tiên: việc làm phù hợp, năng lượng, các thành phố bền vững, an ninh lương thực và nông nghiệp bền vững, nước, đại dương, và ứng phó thảm họa.

Tiếp theo, TS. Kante giải thích về Hội nghị thế giới của UNEP về tư pháp, quản lý nhà nước và luật pháp vì sự bền vững môi trường, được dự kiến diễn ra từ ngày 17 tới 20 tháng 6 năm 2012 cùng với Hội nghị Rio+20. Hội nghị thế giới này có mục tiêu tập hợp các bộ trưởng tư

pháp, chánh công tố, tổng kiểm toán, chánh án và thẩm phán cấp cao cùng những người hành nghề luật khác nhằm thúc đẩy các mục tiêu của Rio+20 bằng cách xây dựng một tầm nhìn chung và các nguyên tắc về biến ý tưởng thành hành động và sử dụng tư pháp, luật và quản trị nhà nước như một công cụ để thúc đẩy phát triển bền vững.

Đáng lưu ý, Tuyên bố Kuala Lumpur, được đưa ra trong hội nghị trụ bị tại Kuala Lumpur trong hai ngày 12–13 tháng 10 năm 2011, và Tuyên bố Buenos Aires, là kết quả của hội nghị trụ bị tại Buenos Aires trong hai ngày 23–24 tháng 4 năm 2012, đã được khẳng định và nhắc tới trong Tuyên bố Rio+20 về tư pháp, quản trị nhà nước và luật pháp vì sự bền vững môi trường.

Phiên họp 11

Tầm nhìn ASEAN về Tư pháp, Quản lý Nhà nước và Pháp quyền vì Sự bền vững Môi trường do Các chánh án ASEAN Lãnh đạo

Widayatno Sastro Hardjono, phó chánh án về phát triển của Tòa án tối cao Indônêxia; **Mas Achmad Santosa**, thành viên Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (Nhóm đặc trách của Tổng thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp), chuyên gia về quản trị và luật môi trường và cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách về tư pháp, pháp lý và nhân quyền của Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc—Indônêxia; và **Kala Mulqueeny**, luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật của ADB đã điều khiển phiên họp này.

Một video về phần trình bày của **Antonio Herman Benjamin**, thẩm phán Tòa án tối cao Braxin, đã được trình chiếu để chuyển tải quan điểm của Braxin về vai trò của tòa án trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xóa nghèo, đồng thời bảo vệ môi trường. Thẩm phán Benjamin bắt đầu bằng việc thảo luận hai mô hình nhìn nhận vai trò của tòa án trong bảo vệ môi trường: tòa án là người quan sát và tòa án tích cực. Mô hình tòa án là người quan sát, mà Thẩm phán Benjamin phản đối, được dựa trên những cơ sở sau: (i) các vấn đề xung đột môi trường, vốn rất phức tạp và đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật, nên được giải quyết bởi quốc hội và ngành hành pháp, chứ không phải bởi ngành tư pháp, vốn không được trang bị đầy đủ để giải quyết những vấn đề này; (ii) các thẩm phán, vốn không do công chúng đề cử và do vậy là các đại diện nhà nước phi dân chủ, không nên đưa ra các quyết sách thay mặt cho xã hội; và (iii) các thẩm phán không có khả năng phân xử nhanh chóng các vụ việc môi trường. Mặt khác, mô hình tòa án tích cực trên hết và đầu tiên là dựa vào Hiến pháp, vốn quy định rõ ràng quyền của người dân được có một môi trường lành mạnh và an toàn và nghĩa vụ tương ứng của các thể chế nhà nước, gồm cả tòa án, để bảo vệ các quyền này, và hợp pháp hóa sự can thiệp của tòa án trong lĩnh vực này. Ngoài ra, thúc đẩy sự bền vững về sinh thái là một vai trò pháp lý mà thẩm phán phải đảm nhiệm.

Thẩm phán Benjamin cũng thảo luận những luận điểm chỉ trích khác nhau đối với việc thẩm phán xét xử các xung đột môi trường. Thứ nhất, bảo tồn môi trường với ý nghĩa là sự hạn chế quyền sở hữu tư nhân có thể được nhận thức là một sự xâm phạm bất hợp pháp của nhà nước, bất kể hiến pháp ủy nhiệm cho phép sự xâm phạm này. Thứ hai, các luật môi trường đảm nhiệm chức năng tái phân phối xét trên khía cạnh giá trị và lợi ích, do các luật này xác định tài sản của nhà nước và giới hạn các chức năng của chúng. Thứ ba, tiếp cận

công lý môi trường được gia tăng bởi các quy định pháp lý và quy tắc tố tụng giảm bớt yêu cầu về vị thế pháp lý (*quyền trình bày trước tòa*) để khởi kiện các vụ việc môi trường. Cuối cùng, khi các thẩm phán phán quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và bên thua kiện kháng án lên tòa phúc thẩm, các vấn đề địa phương được đưa lên tuyến trên và do vậy trở thành mối quan tâm của cả quốc gia.

Cuối cùng, mặc dù các thẩm phán rõ ràng là người đến sau trên vũ đài đấu tranh cho môi trường, Thẩm phán Benjamin nhận xét rằng vai trò của tòa án trên vũ đài này đã ngày càng mở rộng. Ông bày tỏ hy vọng có thể tham gia trực tiếp vào hội nghị bàn tròn chánh án và thẩm phán ASEAN lần tới nếu được mời, và hy vọng các đại biểu ASEAN có thể tham dự một trong những cuộc họp được tổ chức thường kỳ bởi các tòa án ở Mỹ Latinh.

Thảo luận về Dự thảo Tầm nhìn Chung

Trước khi kết thúc phiên họp, các đại biểu đã hoàn thiện và nhất trí về kế hoạch mà họ sẽ tuân thủ để tăng cường hợp tác khu vực nhằm thúc đẩy công lý môi trường tại Đông Nam Á—một Tầm nhìn chung về môi trường cho các tòa án ASEAN.

Sau khi thảo luận cụ thể hơn về cách diễn đạt của Tầm nhìn chung Jakarta, kế hoạch cho hội nghị bàn tròn tiếp theo, do Malaixia chủ trì, được ấn định vào tháng 12 năm 2012.

Phát biểu Bế mạc

Bakary Kante, giám đốc Vụ công ước và luật pháp môi trường của UNEP, lưu ý các đại biểu về nhiệm vụ to lớn của họ là thúc đẩy công lý môi trường. Năm tới, Hội nghị thượng đỉnh Rio+20 sẽ thảo luận ba vấn đề: (i) phát triển kinh tế; (ii) khung thể chế cho phát triển bền vững; và (iii) các vấn đề mới nổi lên, gồm cả những vấn đề có khả năng xuất hiện trong hai thập niên tới. TS. Kante nhấn mạnh rằng các đại biểu đã rất thận trọng trong hội nghị bàn tròn này, và cần có nhiều đột phá hơn nữa trong lĩnh vực thực thi luật pháp môi trường. Có thể dự kiến được rằng sẽ có nhiều vụ kiện tụng môi trường hơn nữa; việc thực hiện các chính sách liên quan tới biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, các công ước về hóa chất, và các vấn đề liên quan khác chắc chắn sẽ dẫn tới những vụ kiện tụng ở quy mô quốc gia, tiểu vùng và toàn khu vực. Thay mặt UNEP, TS. Kante nói rằng ông sẵn sàng hỗ trợ trong nỗ lực này.

Tiếp đó, **Tan Sri Arifin Zakaria**, chánh án Tòa án tối cao Malaixia, đã được yêu cầu hỗ trợ phát các kỷ niệm chương ghi nhận vai trò của ban tổ chức và các diễn giả chính.

Kala Mulqueeny, luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật của ADB, đã lưu ý các đại biểu về những thách thức phía trước và đánh giá cao kết luận của hội nghị về một tuyên bố tầm nhìn chung - một di sản của Chánh án Tumpa và một kế hoạch để đi lên. Hơn nữa, bà thông báo sự hỗ trợ của ADB cho hội nghị bàn tròn tiếp theo vào tháng 12 năm 2012 và cảm ơn Tòa án liên bang Malaixia vì đã tiếp nhận vai trò chủ nhà từ Tòa án tối cao Indônêxia.

Lúc này, **Tan Sri Arifin Zakaria**, chánh án Tòa án tối cao Malaixia, đã mời các đại biểu tới Malaixia vào năm sau.

TS. Mulqueeny cảm ơn Tòa án tối cao Indônêxia và Chánh án Tumpa vì đã đi đầu trong những nỗ lực giúp tổ chức hội nghị bàn tròn này; ban tổ chức, Sherielysse Bonifacio và đội của bà; các đối tác của họ, UNEP và TS. Bakary Kante; cũng như tất cả những người hỗ trợ họ.

Harifin A. Tumpa, chánh án Tòa án tối cao Indônêxia, cảm ơn mọi người, bao gồm Chánh án Zakaria, ADB và TS. Mulqueeny, UNEP và TS. Kante, cùng toàn thể tòa án Indônêxia, và thúc giục mọi người tăng cường công lý môi trường.

Phụ lục 1

Tài liệu Cơ sở

Hội nghị Bàn tròn Chánh án ASEAN về Môi trường: Hướng tới một Tầm nhìn về Môi trường cho ngành Tòa án ở Đông Nam Á

Tài liệu Cơ sở

*Được chuẩn bị làm Cơ sở cho Hội nghị Bàn tròn
Chánh án ASEAN về Môi trường*

Khách sạn Mandarin Oriental, Jakarta, ngày 6–7 tháng 12 năm 2011

Kala Mulqueeny, luật sư cấp cao, và Sherielysse Bonifacio,
tư vấn nghiên cứu pháp lý, Ngân hàng Phát triển Châu Á

TÓM TẮT

Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về môi trường lần thứ nhất hướng tới việc xem xét những thách thức về môi trường và luật môi trường chung mà các quốc gia Đông Nam Á đang cùng đối mặt, cũng như thách thức tương ứng đối với các tòa án Đông Nam Á. Tài liệu này nhằm đưa ra tổng quan về các thách thức và vấn đề then chốt này, cung cấp cơ sở để các đại biểu hiểu được những thách thức và tận dụng hội nghị bàn tròn như một cơ hội nhằm giải quyết những thách thức này và bắt đầu xem xét các giải pháp mang tính hợp tác.

Rất nhiều nhà bình luận và người hành nghề luật đã công nhận vai trò then chốt của tòa án đối với công lý môi trường và phát triển bền vững.

Các chánh án và cán bộ cấp cao của tòa án lãnh đạo ngành luật trong khu vực tài phán của mình trong việc định hình cách thức diễn giải chuẩn mực các khung pháp lý và điều tiết. Họ cũng ban hành các quy tắc và hướng dẫn cho tòa án cấp dưới, từ đó tác động tới các ưu tiên của tòa cấp dưới, và thường có vai trò trong đào tạo tư pháp. Như vậy, ảnh hưởng của họ là trực tiếp và gián tiếp. Tất cả những ảnh hưởng này không chỉ tác động tới các tòa án, mà còn tới cả cách thức hoạt động của hệ thống pháp lý, và cách thức theo đó các luật sư của ngành - như luật sư về môi trường, nước và năng lượng - hiểu rõ các khuôn khổ pháp

lý và điều tiết cũng như cách thức thực thi chúng. Hơn nữa, điều này có tác động tới đầu tư tư nhân trong những lĩnh vực có liên quan.¹

Tại hội nghị bàn tròn, các đại biểu được yêu cầu xem xét những mục tiêu hợp tác trong tương lai và lợi ích của việc duy trì hội nghị bàn tròn chánh án ASEAN. Ý tưởng là nhất trí về một tầm nhìn chung cho các bước tiếp theo.

¹ K. Mulqueeny, S. Bonifacio, và J. Espenilla, 2010. Các thẩm phán châu Á, tòa án xanh, và tiếp cận công lý môi trường: Một mạng lưới các thẩm phán châu Á về môi trường (Asian Judges, Green Courts, and Access to Environmental Justice: An Asian Judges Network on the Environment). *Journal of Court Innovation*. Đông 2010. New York: PACE University.

Hội nghị Bàn tròn Chánh án ASEAN về Môi trường: Hướng tới một Tầm nhìn về Môi trường cho ngành Tòa án ở Đông Nam Á

Tài liệu Cơ sở

Được chuẩn bị làm Cơ sở cho Hội nghị Bàn tròn Chánh án ASEAN về Môi trường

Khách sạn Mandarin Oriental, Jakarta, ngày 6–7 tháng 12 năm 2011

**Kala Mulqueeny, luật sư cấp cao, và Sherielysse Bonifacio,
tư vấn nghiên cứu pháp lý, Ngân hàng Phát triển Châu Á²**

Đông Nam Á tập trung nhiều vùng có đa dạng sinh học cao nhất thế giới. Nó chiếm tới 5% diện tích rừng thế giới,³ 20% đa dạng sinh học của thế giới,⁴ 34% rạn san hô,⁵ và tạo ra 17% tổng lượng cá của thế giới. Khu vực này có 52.000 km² rừng ngập mặn và 25 triệu ha đất than bùn, chiếm tới 60% diện tích đất than bùn nhiệt đới của thế giới.⁶ Các cánh rừng ở Đông Nam Á là rừng mưa lâu năm nhất trên trái đất, và có sự đa dạng sinh học phong phú hơn cả rừng mưa ở châu Phi hay Amazon.⁷

Trong những năm gần đây, Đông Nam Á đã chứng kiến sự cải thiện mức sống của người dân. Tuy nhiên, 78 triệu người dân Đông Nam Á vẫn thiếu tiếp cận nguồn nước máy,⁸ trong khi 187 triệu người thiếu tiếp cận công trình vệ sinh (chú thích 8), và 160 triệu người không được tiếp cận năng lượng;⁹ 93 triệu người sống dưới mức nghèo khổ là 1,25 USD/ngày.¹⁰ Thêm vào đó, Đông Nam Á, giống như phần còn lại của châu Á, đã trải qua sự biến đổi môi

² Các quan điểm được thể hiện trong tài liệu này là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm và chính sách của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng như Ban Thống đốc Ngân hàng và các Chính phủ mà họ đại diện. ADB không bảo đảm độ chính xác của các dữ liệu trong tài liệu này và không nhận trách nhiệm về bất kỳ hệ quả gì từ việc sử dụng chúng. Việc sử dụng từ “quốc gia” không hàm ý bất kỳ nhận định gì của các tác giả hoặc ADB về tư cách pháp lý hoặc tư cách khác của các vùng lãnh thổ bất kỳ. Các tác giả rất cảm ơn Wanhua Yang vì đóng góp cho Phần C.i.; Patricia Moore vì góp ý của bà cho phần Quy hoạch phát triển và đánh giá tác động môi trường; và Jacqueline Lam vì sự hỗ trợ nghiên cứu xuất sắc, gồm cả việc soạn thảo bảng biểu.

³ <http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/COUNTRIES/EASTASIAPACIFICEXT/EXTEAPREGTOPENVIRONMENT/0,,contentMDK:21093295~pagePK:34004173~piPK:34003707~theSitePK:502886,00.html>

⁴ Xem http://e-news.aseanbiodiversity.org/acb_eweb_feb09/index.htm

⁵ Xem <http://www.climateshifts.org/?p=5111>

⁶ Ban Thư ký Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), 2009. *Báo cáo hiện trạng môi trường ASEAN lần thứ tư (Fourth ASEAN State of the Environment Report)*. Jakarta. Có sẵn tại <http://www.aseansec.org/publications/SoER4-Sum.pdf>

⁷ Xem http://www.blueplanetbiomes.org/se_asian_rnfrst.htm

⁸ Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF)–Tổ chức y tế thế giới (WHO). 2008. *Tổng quan về nước sạch và vệ sinh ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương (A Snapshot of Drinking Water and Sanitation in Southeast Asia and Pacific)*. Có sẵn tại http://www.wssinfo.org/fileadmin/user_upload/resources/1251452757-A_Snapshot_of_Drinking_Water_in_SEA_Pacific_Final.pdf

⁹ Xem <http://talkenergy.wordpress.com/2011/07/09/rural-electrification-in-southeast-asia/>

¹⁰ ADB. 2009. *Kinh tế học của biến đổi khí hậu tại Đông Nam Á: Đánh giá khu vực (The Economics of Biến đổi Khí hậu in Southeast Asia: A Regional Review)*. Manila. Có sẵn tại <http://www.adb.org/Documents/Books/Economics-Climate-Change-SEA/PDF/Economics-Climate-Change.pdf>

trường mạnh mẽ trong vòng 30–40 năm qua, đe dọa đảo ngược những thành tựu kinh tế đã đạt được. Những thách thức môi trường chủ yếu hiện nay của khu vực là biến đổi khí hậu, phá rừng và khai thác gỗ trái phép; mất đa dạng sinh học và buôn bán trái phép các loài hoang dã; tàn phá đại dương và đánh bắt cá trái phép và không bền vững; đô thị hóa và các vấn đề liên quan gồm ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước, thiếu nước sạch và lũ lụt; quy hoạch phát triển bờ biển mà không có đánh giá tác động môi trường thỏa đáng. Những lĩnh vực này cho thấy tầm quan trọng của các khung pháp lý và quản lý phù hợp cũng như thực thi luật pháp trong toàn bộ chuỗi thực thi pháp luật môi trường.

Các quốc gia Đông Nam Á bắt đầu thông qua khung chính sách và quản lý về môi trường từ thời điểm Hội nghị Stockholm về môi trường sống của con người năm 1972.¹¹ Với sự hỗ trợ của Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP), năm 1977 các nước thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã xây dựng Chương trình môi trường ASEAN lần thứ nhất, được thông qua bởi Nhóm chuyên gia ASEAN về môi trường trong năm tiếp theo. Năm 1989, nhóm này được nâng cấp thành Hội nghị quan chức cấp cao ASEAN về môi trường, diễn ra hằng năm để đánh giá hoạt động của các nhóm công tác về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, môi trường biển và ven bờ, và các hiệp định môi trường đa phương, cũng như nhóm đặc trách kỹ thuật về khói mù tiểu vùng.¹²

Động lực để thông qua các khung chính sách và điều tiết môi trường được tiếp tục sau Hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường và phát triển năm 1992 và Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu năm 1992. Năm 1997, các nước thành viên ASEAN đã thông qua Tầm nhìn 2020, kêu gọi “thiết lập đầy đủ các cơ chế phát triển bền vững để bảo đảm việc bảo vệ môi trường khu vực, tính bền vững của các nguồn tài nguyên và chất lượng đời sống cao cho người dân của khu vực.”¹³

Gần đây hơn, động lực để các quốc gia Đông Nam Á thông qua luật pháp và chính sách quốc gia mới về môi trường đã gia tăng, với làn sóng cải cách quản lý mới đây tại châu Á, dẫn tới việc rất nhiều quốc gia thông qua các khung quản lý về năng lượng tái sinh và hiệu quả năng lượng (xem chú thích 12).

Tuy nhiên, biến đổi môi trường ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu vẫn tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu. Những thay đổi này dường như bị làm trầm trọng thêm bởi biến đổi khí hậu, khiến cho rất nhiều thách thức môi trường không được bao quát đầy đủ trong các khung chính sách và quản lý hiện thời. Và ngay cả khi những thách thức môi trường đã được đề cập trong khuôn khổ pháp lý hiện thời, chúng cũng thường không được cụ thể hóa trong các quy định và văn bản hướng dẫn thực thi. Ngay cả nếu các quốc gia Đông Nam Á đã có khung pháp lý và quản lý thỏa đáng, thì việc triển khai hiệu quả, thực thi và tuân thủ cũng thường xuyên mang lại những thách thức.

Tuân thủ và thực thi hiệu quả luật pháp môi trường đòi hỏi toàn bộ chuỗi thực thi pháp luật môi trường phải làm việc và phối hợp với nhau. Các cán bộ thực thi pháp luật về môi trường, rừng và biển, cảnh sát và điều tra viên phải phát hiện và bắt giữ những tội phạm môi trường

¹¹ Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. 1972. *Báo cáo về Hội nghị Liên Hợp Quốc về môi trường sống của con người*. Stockholm.

¹² Xem chú thích 1.

¹³ Xem <http://www.asean.org/news/item/asean-vision-2020>

và vi phạm pháp luật. Công tố viên và các luật sư bảo vệ lợi ích công (khi cần thiết) cần có khả năng đưa vụ việc ra tòa. Tòa án phải được trao quyền và có khả năng xét xử các vụ việc này.

Tuy nhiên, nếu không có các cán bộ thực thi pháp luật bắt giữ và khởi tố những người vi phạm pháp luật dân sự và hình sự, tòa án sẽ không có vụ việc nào để xét xử. Nếu các luật sư bảo vệ lợi ích công và cán bộ thực thi pháp luật hành chính chỉ có năng lực hạn chế, hoặc không có quyền đưa các vụ việc dân sự và hành chính ra tòa, thì sẽ có rất ít vụ việc môi trường được khởi kiện tại tòa. Hơn nữa, để các cán bộ thực thi pháp luật và xã hội dân sự có thể thực thi hiệu quả vai trò của mình, họ cần phải nhận thấy lợi ích của việc khởi kiện tại tòa: họ, và cộng đồng nói chung, cần nhận thấy toàn bộ hệ thống tòa án là có sự liêm chính và kỹ năng cần thiết để xét xử các vụ việc môi trường một cách hiệu quả. Như vậy, sự tham gia hiệu quả của tòa án trong việc thúc đẩy công lý môi trường và pháp quyền phụ thuộc vào toàn bộ chuỗi thực thi pháp luật môi trường. Tòa án đóng một vai trò lãnh đạo độc đáo và riêng có trong chuỗi này. Như chúng tôi đã giải thích ở phần trước:

Các chánh án và cán bộ cấp cao của tòa án lãnh đạo ngành luật trong khu vực tài phán của mình trong việc định hình cách thức diễn giải chuẩn mực các khung pháp lý và điều tiết. Họ cũng ban hành các quy tắc và hướng dẫn cho tòa án cấp dưới, từ đó tác động tới các ưu tiên của tòa cấp dưới, và thường có vai trò trong đào tạo tư pháp. Như vậy, ảnh hưởng của họ là trực tiếp và gián tiếp. Tất cả những ảnh hưởng này không chỉ tác động tới các tòa án, mà còn tới cả cách thức hoạt động của hệ thống pháp lý, và cách thức theo đó các luật sư của ngành—như luật sư về môi trường, nước và năng lượng—hiểu rõ các khuôn khổ pháp lý và điều tiết cũng như cách thức thực thi chúng. Hơn nữa, điều này có tác động tới đầu tư tư nhân trong những lĩnh vực có liên quan (chú thích 12).

Rất nhiều nhà bình luận và người hành nghề luật đã công nhận vai trò then chốt của tòa án đối với công lý môi trường và phát triển bền vững (chú thích 12). Tháng 8 năm 2002, vai trò then chốt này đã khiến UNEP triệu tập hơn 120 thẩm phán cấp cao từ khắp nơi trên thế giới - bao gồm rất nhiều thẩm phán từ khu vực châu Á - Thái Bình Dương - tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu về vai trò của luật pháp và phát triển bền vững, diễn ra ngay trước thềm Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững tại Johannesburg. Các đại biểu tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu năm 2002 đã cam kết tuân thủ các Nguyên tắc Johannesburg về vai trò của luật pháp và phát triển bền vững. Trong các nguyên tắc này, các thẩm phán đã cam kết đầy đủ về việc sử dụng thẩm quyền tư pháp cho thực thi phát triển bền vững của mình để triển khai, xây dựng, và thực thi luật pháp, và để giữ vững pháp quyền và các quy trình dân chủ.¹⁴ Họ cũng nhất trí rằng hoạt động giáo dục và đào tạo tư pháp về luật môi trường thông qua các sáng kiến vùng và tiểu vùng là hết sức cấp thiết,¹⁵ và rằng các thẩm phán cần phải phối hợp với nhau trong và giữa các khu vực để cải tiến việc thực thi, tuân thủ, và triển khai luật môi trường.¹⁶

Để chuẩn bị cho Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu, UNEP cũng đã tổ chức một số cuộc họp thẩm phán tại các khu vực khác nhau trên khắp thế giới, gồm cả một hội nghị các

¹⁴ Các nguyên tắc Johannesburg về vai trò của luật pháp và phát triển bền vững. Được thông qua tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu tổ chức tại Johannesburg, Nam Phi, ngày 18–20 tháng 8 năm 2002. Nguyên tắc 1. <http://www.unep.org/law/Symposium/Documents/RESOLUTION%201-FINAL%2020%20AUGUST.doc>

¹⁵ Xem Các nguyên tắc Johannesburg (chú thích 14), Nguyên tắc 3.

¹⁶ Xem Các nguyên tắc Johannesburg (chú thích 14), Nguyên tắc 4.

thẩm phán của các nước Đông Nam Á tại Manila vào tháng 3 năm 1999.¹⁷ Tháng 6 năm 2004, Viện Ngân hàng thế giới đã tổ chức một hội nghị cho các quốc gia Đông Nam Á về Vai trò của tòa án trong thúc đẩy phát triển bền vững tại Bangkok. Tiếp sau đó, tháng 7 năm 2007, Tòa án tối cao Philippin và Học viện tư pháp Philippin đã tổ chức Diễn đàn chánh án châu Á về môi trường tại Manila,¹⁸ và một sự kiện tương tự sau đó được tổ chức năm 2009. Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và UNEP đã tổ chức Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á về phán quyết môi trường, pháp quyền và công lý môi trường, do Tòa án tối cao Philippin đồng bảo trợ; đây là lần tập hợp đông đảo nhất các thẩm phán và bên hữu quan trong lĩnh vực tư pháp ở châu Á kể từ Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu Johannesburg, với khoảng 50 thẩm phán và 110 đại biểu. Có mặt tại hội nghị chuyên đề này, các đại biểu cấp cao của tòa án, gồm cả chánh án tòa tối cao Ấn Độ và Philippin, thừa nhận rằng họ đã thu được rất nhiều từ việc chia sẻ kinh nghiệm giúp cải tiến chất lượng hoạt động xét xử trong các vụ việc về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, và tăng cường tiếp cận công lý môi trường. Tại hội nghị chuyên đề này, việc thành lập một mạng lưới liên Á—Mạng lưới thẩm phán châu Á về môi trường (AJNE)—đã được đề xuất. Tháng 12 năm 2010, ADB đã phê duyệt khoản hỗ trợ kỹ thuật để hỗ trợ cho AJNE, Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường, và một sáng kiến song song tại các quốc gia Nam Á do chánh án Pakixtan lãnh đạo. Cũng tại sự kiện này, chánh án Ấn Độ, Harifin Tumpa, đã thông báo về tầm nhìn cho Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường được tổ chức tại Ấn Độ vào năm 2011.

Các phiên họp của tòa án cấp khu vực đã mang lại xung lực mạnh mẽ hơn để tiếp tục thúc đẩy vai trò của tòa án trong việc thực thi và xây dựng luật pháp về môi trường. Trong những năm gần đây, việc khởi kiện vì lợi ích công tại các tòa án Đông Nam Á đã gia tăng, dẫn tới sự phát triển của hệ thống diễn giải và thực thi pháp luật môi trường. Sự gia tăng các vụ việc môi trường đã dẫn tới nhu cầu phải chuyên môn hóa về môi trường, thường diễn ra dưới hai hình thức: các ban môi trường (hàng ghế xanh-green benches) tại các tòa án chung, hoặc các tòa án hoặc tòa xét xử môi trường chuyên biệt. Chuyên môn hóa về môi trường cũng dẫn tới việc thiết lập các quy tắc tố tụng về môi trường, hoặc đào tạo tư pháp về môi trường, như là một cách thức để thể chế hóa các trình tự luật pháp về môi trường. Mặc dù đã có những thành tựu, song còn rất nhiều việc cần làm để thể chế hóa việc xét xử về môi trường, bao gồm xây dựng năng lực cho các thẩm phán châu Á trong việc giải quyết các tranh chấp môi trường và bảo đảm mọi vụ việc môi trường phù hợp đều được đưa tới tòa, góp phần vào việc phát triển và củng cố luật pháp về môi trường.

Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường là cơ hội để các chánh án và thẩm phán của các tòa án tối cao ở Đông Nam Á xây dựng một tầm nhìn chung cho sự hợp tác tư pháp ASEAN về môi trường. Hội nghị bàn tròn được ADB và UNEP hỗ trợ. Tòa án tối cao Ấn Độ sẽ chủ trì hội nghị bàn tròn hai ngày với một loạt các phiên thảo luận tương tác cao về những thách thức mà tòa án tại các nước ASEAN phải đối mặt khi xét xử các vụ việc môi trường, cũng như bảo vệ công lý môi trường và pháp quyền trong toàn bộ cộng đồng hành nghề luật và thực thi pháp luật. Mặc dù bản thân hội nghị bàn tròn này được coi là một

¹⁷ Tài liệu cơ sở của Giám đốc điều hành UNEP cho Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu, Hội nghị chuyên đề thẩm phán toàn cầu về phát triển bền vững và vai trò của luật pháp. Johannesburg, Nam Phi, ngày 18–20 tháng 8 năm 2002.

¹⁸ <http://sc.judiciary.gov.ph/publications/benchmark/2007/07/070703.php> (tài trợ bởi Mạng lưới tuân thủ và thực thi pháp luật châu Á [AECEN], Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ [USAID], Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ [US EPA], Hội luật gia châu Á - Thái Bình Dương, và Văn phòng chương trình Tòa án tối cao).

mục tiêu, song nó cũng có khả năng đóng vai trò đột phá như là đầu vào cho một quy trình toàn cầu rộng hơn.

Tháng 6 năm 2012, tại Rio de Janeiro, UNEP phối hợp với các đối tác phát triển khác sẽ tổ chức Hội nghị thế giới về tư pháp, quản lý nhà nước và luật pháp vì sự bền vững, ngay trước thềm Hội nghị thượng đỉnh Trái đất Rio+20. UNEP đã tổ chức một phiên họp trụ bị cho hội nghị thế giới tại Kuala Lumpur vào tháng 10 năm 2011, do thủ tướng Malaixia chủ trì. Trong cuộc họp này, các đại biểu đã xây dựng Tuyên bố Kuala Lumpur¹⁹ như một đầu vào cho quá trình chuẩn bị hội nghị thế giới. Các thẩm phán châu Á đã bắt tay vào một công việc quan trọng và mang tính khai phá về môi trường tại châu Á nói chung và tại một số quốc gia Đông Nam Á nói riêng. Những ví dụ cụ thể từ công việc này, và Tầm nhìn Chánh án ASEAN về môi trường, có thể tạo ra tiền lệ đáng mong muốn cho các khu vực khác để cung cấp ý kiến đóng góp vào quy trình toàn cầu tại hội nghị thế giới.

Tài liệu cơ sở này được bố cục như sau: Phần A trình bày những thách thức môi trường của ASEAN—biến đổi khí hậu; phá rừng và khai thác gỗ trái phép; mất đa dạng sinh học và buôn bán trái phép các loài hoang dã; tàn phá đại dương, đánh bắt cá trái phép và ô nhiễm biển; quy hoạch phát triển và đánh giá tác động môi trường; nước ngọt, ô nhiễm, lũ lụt và khí hậu; đô thị hóa và ô nhiễm không khí. Các vấn đề này sẽ được thảo luận trong các Phiên họp từ 2 tới 8 của hội nghị bàn tròn. Phần B mô tả những nỗ lực trong quá khứ về hợp tác môi trường ASEAN. Phần C xác định những thách thức chung đối với thẩm phán của các nước Đông Nam Á, sẽ được thảo luận trong các Phiên họp 9 và 11 của hội nghị bàn tròn. Phần D thảo luận những cân nhắc trong việc chuẩn bị một tầm nhìn chung cho hợp tác về môi trường giữa các cán bộ tòa án cấp cao của các nước ASEAN.

A. Những thách thức Luật Môi trường ASEAN

Thách thức Môi trường ASEAN: Biến đổi Khí hậu

Đông Nam Á đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, và ngày càng đóng góp đáng kể vào lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu. Một nghiên cứu năm 2009 của ADB cho thấy rằng nhiệt độ trung bình đã tăng lên 0,1–0,3°C mỗi thập niên trong giai đoạn 1951–2000, lượng mưa giảm trong giai đoạn 1960–2000, và mực nước biển tăng 1–3 mm mỗi năm.²⁰ Các đợt nắng nóng, hạn hán, lũ lụt, và lốc xoáy nhiệt đới ngày càng khắc nghiệt và thường xuyên hơn, gây thiệt hại nặng nề đối với tài sản, của cải và sinh mạng con người. Số trận bão lũ được ghi nhận đã tăng ngoạn mục, đặc biệt ở Philippin, từ chỗ chưa đầy 20 trong giai đoạn 1960–1969 lên tới gần 120 trong thời gian từ 2000 tới 2008 (chú thích 20). Biến đổi khí hậu dự kiến sẽ làm trầm trọng thêm tất cả các vấn đề môi trường hiện tại ở các nước châu Á, với Đông Nam Á là nơi đặc biệt dễ bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu do tình trạng tập trung dân cư dọc các bờ biển, sinh kế lệ thuộc vào nông nghiệp, và tỷ lệ nghèo cao.²¹ Hơn nữa, 563 triệu người dân Đông Nam Á sinh sống dọc theo các bờ biển đang đối mặt với vấn đề nước

¹⁹ Xem <http://www.unep.org/dec/worldcongress/docs/klstatement.pdf>

²⁰ ADB. 2009. *Kinh tế học của biến đổi khí hậu tại Đông Nam Á (The Economics of Biến đổi Khí hậu in Southeast Asia)*. Manila. Có sẵn tại <http://www.adb.org/Documents/Books/Economics-Climate-Change-SEA/PDF/Economics-Climate-Change.pdf>

²¹ Ban Thư ký ASEAN. 2009. *Báo cáo hiện trạng môi trường ASEAN lần thứ tư*. Jakarta. Có sẵn tại <http://www.aseansec.org/publications/SoER4-Sum.pdf>

biển dâng. Mức nước biển tăng dự kiến 40 cm vào năm 2080 sẽ dẫn tới kết quả là việc di dời 21 triệu người dân Đông Nam Á, gồm cả 10% cư dân sống ven bờ sông Mêkông (chú thích 20). Nước biển dâng cũng sẽ đe dọa nguồn cung cấp nước ngọt cho mục đích sinh hoạt và tưới tiêu do sự xâm nhập của nước biển vào nguồn nước ngầm và ven bờ (chú thích 20).

115 triệu ha đất nông nghiệp của khu vực ASEAN đang bị đe dọa bởi hạn hán, lũ lụt và lốc xoáy nhiệt đới liên quan tới hiện tượng ấm lên toàn cầu. Đây là khu vực sản xuất dầu cọ và cao su thiên nhiên lớn nhất của thế giới, với khu vực nông nghiệp chiếm tới 43% tổng số việc làm vào năm 2004 và đóng góp 11% tổng sản phẩm quốc nội vào năm 2006 (chú thích 20). Gia tăng nhiệt độ và sự căng thẳng về nước, các hiện tượng thời tiết cực đoan, các loài gây hại và bệnh dịch liên quan tới khí hậu, tất cả đều góp phần vào sự suy giảm tiềm năng sản xuất nông nghiệp tại rất nhiều nơi trong khu vực (chú thích 20). Tới năm 2100, mức nhiệt độ cao hơn như dự báo sẽ làm giảm tới 50% sản lượng lúa gạo tiềm năng so với mức của năm 1990. Sự suy giảm này sẽ thúc đẩy việc chuyển đổi đất đai nhiều hơn nữa cho mục đích nông nghiệp, để bù đắp cho năng suất nông nghiệp sụt giảm (chú thích 20). Nhu cầu lương thực tăng lên cũng sẽ làm trầm trọng thêm vấn đề (chú thích 20). Ngoài nông nghiệp, ngành ngư nghiệp cũng bị đe dọa bởi biến đổi khí hậu, do nhiệt độ tăng dẫn tới giảm sản lượng cá (chú thích 20). Đông Nam Á cung cấp 17% sản lượng cá và nguồn tài nguyên biển của thế giới, với hơn 120 triệu người sống tại các cộng đồng ven biển trong vùng Tam giác san hô phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên ven biển và địa phương để có thu nhập, sinh kế và an ninh lương thực (chú thích 20).

Tỷ lệ nghèo cao của Đông Nam Á cũng là một vấn đề đáng ngại, do người nghèo dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu. Do vậy, 93 triệu người dân Đông Nam Á sống dưới mức 1,25 USD/ngày đang bị đe dọa bởi biến đổi khí hậu.

Các vấn đề pháp lý và câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu có thể chia sẻ về biến đổi khí hậu tiềm ẩn và các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Vấn đề biến đổi khí hậu quan trọng như thế nào tại các nước ASEAN?
- (ii) Nó mang đến những vấn đề pháp lý nào cho tòa án?
- (iii) Có bao nhiêu vụ việc liên quan tới các vấn đề về biến đổi khí hậu đã được đệ trình lên tòa án tại mỗi nước?
- (iv) Tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với các quyền tài sản là rất đáng kể. Hệ thống diễn giải và áp dụng luật pháp quốc gia đã hướng dẫn cách thức giải quyết các vụ việc ở mức độ nào?

Thách thức Môi trường ASEAN số 1: Phá rừng và khai thác gỗ trái phép

Phá rừng và khai thác gỗ trái phép là một thách thức môi trường cơ bản đối với hầu hết các quốc gia Đông Nam Á. Phá rừng được thúc đẩy bởi việc chuyển đổi đất rừng cho mục đích nông nghiệp, như sản xuất cao su, dầu cọ và nuôi tôm; phát triển cơ sở hạ tầng, cụ thể là đường bộ; và tăng dân số.²² Khai thác gỗ trái phép cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới phá rừng.

²² UNEP. <http://www.unep.org/vitalforest/Report/VFG-15-The-forests-of-southeast-asia.pdf>

Đông Nam Á là một trong những khu vực có mật độ rừng cao của thế giới (chú thích 21, 54), với tỷ lệ bao phủ rừng khoảng 203 triệu ha, chiếm 5,2% tổng diện tích rừng toàn cầu²³ và tương đương với diện tích của một quốc gia như Ấn Độ hoặc gấp 12 lần quy mô của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Rừng mưa nhiệt đới chiếm khoảng 60% tổng diện tích loại rừng này, với sự hiện diện của các loại hình rừng ngập mặn, rừng ngập nước ngọt và rừng đầm lầy than bùn (chú thích 22).

Tuy nhiên, khu vực này có tỷ lệ phá rừng cao nhất trong tất cả các vùng nhiệt đới.²⁴ Từ năm 1990 tới 2000, 42 triệu ha rừng Đông Nam Á đã bị mất, chiếm tới 8% tổng diện tích đất đai, tương đương với diện tích của Việt Nam (chú thích 24). Mặc dù tỷ lệ phá rừng đã được cải thiện sau khi bước sang thiên niên kỷ mới (giảm từ 2,4 triệu ha xuống còn 0,7 triệu ha mỗi năm trong thập niên 1990), song nó lại tăng lên tới khoảng 1 triệu ha mỗi năm vào năm 2005 (chú thích 24). Tỷ lệ phá rừng là 0,5% mỗi năm trong giai đoạn 2005–2010, so với mức 0,3% trong giai đoạn 2000–2005. Trong vòng mười năm từ 2010 tới 2020, dự kiến 16 triệu ha rừng, tương đương với diện tích của Campuchia, sẽ bị mất (chú thích 24).

Khoảng 70% của ngành thương mại gỗ toàn cầu trị giá 100 tỷ USD có nguồn gốc bất hợp pháp.²⁵ Gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp rẻ hơn so với các sản phẩm có nguồn gốc hợp pháp và được cho là thấp hơn 16% so với giá thế giới của gỗ có nguồn gốc hợp pháp (chú thích 24). Như vậy, tác động của việc buôn bán gỗ trái phép là rất to lớn, khiến cho thị trường toàn cầu tổn thất hơn 10 tỷ USD mỗi năm và các chính phủ mất đi thu nhập khoảng 5 tỷ USD mỗi năm. Theo Viện tội phạm học Ôxtrâyliá, các nước ở Đông và Đông Nam Á buôn bán khối lượng gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp trị giá 2,3 tỷ USD mỗi năm, trong đó Campuchia, Ấn Độ và Malaixia được xác định là những nguồn chính (chú thích 25). Malaixia và Xingapo cũng bị các tổ chức xã hội dân sự xác định là đầu mối cho gỗ buôn lậu từ Ấn Độ, đặc biệt là ramin (gỗ thuộc họ trầm) và merbau.²⁶ Các quốc gia có nguồn tài nguyên rừng tự nhiên lớn nhất, như Braxin và Ấn Độ, cũng có tỷ lệ khai thác gỗ trái phép cao nhất (chú thích 25). Phân biệt giữa gỗ có nguồn gốc hợp pháp và bất hợp pháp là rất khó, song một vài ước tính cho thấy 73% gỗ từ Ấn Độ và 35% gỗ từ Malaixia có nguồn gốc bất hợp pháp (chú thích 25).

Khai thác gỗ trái phép không được đề cập trong các công cụ hoặc cơ chế quốc tế. Tuy nhiên, tất cả 10 nước thành viên ASEAN đều đã tham gia Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật nguy cấp (CITES), trong đó bao gồm một số sản phẩm gỗ bị liệt kê là nguy cấp. Ở khu vực ASEAN, vào tháng 11 năm 2010, các bộ trưởng nông nghiệp và ngư nghiệp ASEAN đã thông qua Các tiêu chí và chỉ số ASEAN về tính hợp pháp của gỗ như là khung tham chiếu khu vực về tính hợp pháp của gỗ tại các nước thành viên ASEAN. Các tiêu chí và chỉ số này là công cụ tham chiếu thống nhất cho việc sửa đổi các tiêu chuẩn về

²³ ADB. 2011. *Chương trình môi trường: Nhuộm xanh tăng trưởng tại châu Á - Thái Bình Dương (Environment Program: Greening Growth in Asia and the Pacific)*. Manila.

²⁴ Tổ chức lương thực và nông nghiệp (FAO). 2010. *Báo cáo tiểu vùng Đông Nam Á: Nghiên cứu triển vọng lĩnh vực lâm nghiệp châu Á-Thái Bình Dương lần II (Southeast Asia Subregional Report: Asia Pacific Forestry Sector Outlook Study II)*. Bangkok. Có sẵn tại <http://www.fao.org/docrep/013/i1964e/i1964e00.pdf>

²⁵ A. Schloenhardt. 2008. *Buôn bán trái phép gỗ và các sản phẩm gỗ tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương (The Illegal Trade in Timber and Timber Products in the Asia Pacific Region)*. *Research and Public Policy Series*, số 89. Canberra: Viện tội phạm học Ôxtrâyliá. Có sẵn tại <http://www.aic.gov.au/documents/B/D/4/4%7BBD4B2E50-33B4-47F1-815E-901C0ACC7A43%7Drrp89.pdf>

²⁶ http://www.illegal-logging.info/approach.php?a_id=100

tính hợp pháp của gỗ cụ thể của từng nước trong khuôn khổ Cách tiếp cận theo giai đoạn về chứng chỉ rừng.²⁷

Các vấn đề pháp lý và câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu tại hội nghị bàn tròn có thể chia sẻ về hiện trạng phá rừng và khai thác gỗ trái phép cùng các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Vấn đề phá rừng và khai thác gỗ trái phép tại một quốc gia ASEAN cụ thể nghiêm trọng tới mức nào?
- (ii) Có những thách thức pháp lý nào đối với việc thực thi pháp luật phù hợp tại tòa án?
- (iii) Có cần hợp tác khu vực để chống lại tình trạng khai thác và buôn bán gỗ trái phép hay không, và vai trò của tòa án là gì?
- (iv) Có bao nhiêu vụ việc liên quan tới buôn bán gỗ trái phép đã bị đưa ra tòa tại từng nước? Việc xét xử cuối cùng ra sao và đâu là cơ sở pháp lý cho phán quyết ở từng trường hợp?
- (v) Các tiêu chuẩn của ASEAN như Tiêu chí và chỉ số về tính hợp pháp của gỗ có thể giúp ích ra sao cho các tòa án Đông Nam Á trong việc xét xử các vụ việc môi trường liên quan tới gỗ trái phép?

Thách thức Môi trường ASEAN số 2: Đa dạng Sinh học và Buôn bán Trái phép Động, Thực vật Hoang dã

Đa dạng Sinh học

Đa dạng sinh vật học (đa dạng sinh học), hoặc tính biến thiên của sự sống trên trái đất, là nhân tố then chốt để bảo đảm rằng sự phụ thuộc lẫn nhau của sự sống vẫn tiếp tục diễn ra theo cách mà chúng ta biết rõ.²⁸ Nó bao gồm sự biến đổi của các loài thực vật, động vật và các sinh vật khác; sự khác biệt về gen giữa các loài; sự khác biệt phong phú giữa và bên trong từng hệ sinh thái.²⁹

Đông Nam Á là một trong những khu vực đa dạng sinh học nhất trên thế giới. Nó chỉ chiếm 3% diện tích bề mặt trái đất nhưng chứa đựng 20% tất cả các loài thực vật, động vật và sinh vật biển được biết đến, một con số lớn mà không thể tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới (chú thích 21). Ba quốc gia trong khu vực có “sự đa dạng to lớn”—Indônêxia

²⁷ A. Hinrichs. 2009. Sơ lược về Các tiêu chí và chỉ số ASEAN về tính hợp pháp của gỗ. ASEAN German REFOP Briefing Paper. Mianma.

²⁸ “Các hàng hóa và dịch vụ” do hệ sinh thái cung cấp bao gồm: (i) cung cấp lương thực, nhiên liệu và vải sợi; (ii) cung cấp nơi trú ngụ và vật liệu xây dựng; (iii) làm sạch không khí và môi trường; (iv) khử độc và phân hủy chất thải; (v) ổn định và điều hòa khí hậu trái đất; (vi) điều hòa lũ lụt, hạn hán, nhiệt độ cực đoan, và cường độ gió; (vii) tạo ra và tái tạo độ màu mỡ của đất, gồm cả chu kỳ dinh dưỡng; (viii) thụ phấn cho thực vật, gồm cả các cây trồng; (ix) kiểm soát sâu hại và dịch bệnh; (x) duy trì các nguồn gen như là đầu vào then chốt cho sự đa dạng giống cây trồng và vật nuôi, thuốc và các sản phẩm khác; (xi) những lợi ích về mặt văn hóa và thẩm mỹ; và (xii) khả năng thích ứng với sự thay đổi. Xem Ban thư ký Công ước về đa dạng sinh học. 2000. *Duy trì sự sống trên trái đất: Công ước về đa dạng sinh học thúc đẩy sự lành mạnh của thiên nhiên và con người như thế nào* (Sustaining Life on Earth: How the Convention on Biodiversity Promotes Natural and Human Well-Being). Có sẵn tại <http://www.cbd.int/iyb/doc/prints/cbd-sustain-en.pdf>

²⁹ Xem Ban thư ký Công ước về đa dạng sinh học (chú thích 28).

(17.157 loài), Malaixia (21.914 loài), và Philippin (18.535 loài) (chú thích 21). Đồng bằng sông Mêkông, nơi sự đa dạng của các loài cá tính trên đơn vị lưu vực cao gấp ba lần so với sông Amazon, là nơi cư ngụ của khoảng 1.200–1.700 loài.³⁰ Tính đặc hữu của loài cũng rất cao tại khu vực này, với 26.268 loài đặc hữu được ghi nhận trong năm 2008 (chú thích 30). Trên bình diện toàn cầu, Philippin có số lượng cá thể động vật có vú và chim muông đặc hữu lớn thứ năm (chú thích 30, 53). Đông Nam Á có bốn trong số 25 điểm nóng về đa dạng sinh học được xác định trên toàn cầu, và một trong số đó—điểm nóng Sundaland (bao gồm Malaixia và Ấnônêxia tới phía đông của Borneo và Bali)—có 25.000 loài thực vật mà 15.000 loài trong số đó là loài đặc hữu, cũng như rất nhiều loài động vật có vú, chim, bò sát và loài lưỡng cư. Các quốc gia có tính đa dạng sinh học và đặc hữu cao nhất cũng thường được nhận thấy có số loài bị đe dọa đông nhất (chú thích 21). Hàng trăm loài trong vùng này thuộc nhóm đang bị đe dọa, dẫn tới nguy cơ cho đa dạng sinh học của vùng (chú thích 21).

Đa dạng sinh học đang suy giảm trên toàn cầu, và một báo cáo tháng 12 năm 2010 của UNEP cho thấy châu Á–Thái Bình Dương góp phần đáng kể vào sự suy giảm toàn cầu này (chú thích 23); 90% đa dạng sinh học trên cạn của thế giới nằm trong các cánh rừng, nhất là rừng mưa nhiệt đới. Do vậy, với tỷ lệ phá rừng của Đông Nam Á thuộc nhóm cao nhất trên thế giới hiện nay,³¹ dự báo khu vực này sẽ mất đi 75% rừng mưa nguyên sinh vào năm 2100 và tới 42% đa dạng sinh học.³²

Các mối đe dọa đối với đa dạng sinh học bao gồm biến đổi khí hậu và hủy diệt môi trường sống do phá rừng, đưa các loài xâm lấn ngoại lai vào một hệ sinh thái, buôn bán các loài hoang dã trái phép, ô nhiễm, và tăng dân số. Trong các yếu tố này, biến đổi khí hậu được coi là đe dọa chủ yếu đối với đa dạng sinh học (chú thích 21). Ủy ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu lần thứ tư đã báo cáo rằng 50% đa dạng sinh học của châu Á có thể gặp nguy cơ vào cuối thế kỷ này (chú thích 21).

Thông qua Nghị quyết 65/161 (được thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2010), Đại hội đồng Liên Hợp Quốc tuyên bố thập niên 2011–2020 là Thập niên Liên Hợp Quốc về đa dạng sinh học, do đa dạng sinh học được xem là nhân tố đóng góp chủ yếu vào việc đạt được các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Sau khi Công ước về đa dạng sinh học được thông qua năm 1992, hầu hết các nước Đông Nam Á đều đã thiết lập hoặc cập nhật luật pháp về bảo vệ đa dạng sinh học. Tuy nhiên, ngay cả khi đã có các luật này, chúng vẫn không được thực thi rộng rãi. Nhằm giảm bớt tỷ lệ mất đa dạng sinh học, ASEAN đã thiết lập Chương trình công viên di sản ASEAN để hỗ trợ và bổ sung cho nỗ lực bảo vệ rừng của các quốc gia trong khu vực ASEAN (chú thích 21). Tuyên bố ASEAN về các công viên di sản được tất cả các bộ trưởng môi trường ASEAN ký kết tháng 12 năm 2003.³³ Các mối đe dọa—cả hợp pháp và bất hợp pháp—đối với đa dạng sinh học ở Đông Nam Á vẫn tiếp tục.

³⁰ D. Coates. *Đa dạng sinh học và các cơ hội quản lý ngư nghiệp tại lưu vực sông Mêkông (Biodiversity and Fisheries Management Opportunities in the Mekong River Basin)*. Có sẵn tại <http://www.unep.org/bps/Fisheries/Fisheries%20Case%20Studies/COATES.pdf>

³¹ Từ giữa và cuối thập niên 1990, Đông Nam Á đã mất 1,2% diện tích rừng mỗi năm, tiếp theo là Nam Mỹ (0,80%) và châu Phi (0,70%). Xem http://www.brookings.edu/papers/2011/03_illegal_logging_felbabbrown.aspx

³² N. Sodhi và những người khác. 2004. Đa dạng sinh học ở Đông Nam Á: Một thảm họa lơ lửng (Southeast Asian Biodiversity: An Impending Disaster). *Các xu hướng trong sinh thái học và tiến hóa (Trends in Ecology and Evolution)*. 19 (12). Tháng 12.

³³ Xem http://old.aseanbiodiversity.org/index.php?option=com_content&view=article&id=611&Itemid=232

Buôn bán Trái phép Các loài Hoang dã

Buôn bán trái phép các loài nguy cấp tại Đông Nam Á là một nguyên nhân chủ yếu của mất đa dạng sinh học (chú thích 23). Buôn bán trái phép cả động vật và thực vật như gỗ (gỗ cứng và gỗ mềm), thực vật quý hiếm, động vật (trung bày trong vườn thú và vật nuôi), và các bộ phận của động vật (làm nguyên liệu cho thuốc đông y, các sản phẩm kích dục, và thịt động vật hoang dã) (chú thích 21).

Loài động vật có vú bị buôn bán nhiều nhất là tê tê. Hoạt động buôn bán cũng diễn ra đáng kể đối với các loài họ mèo lớn (như hổ châu Á thuộc nhóm nguy cấp) và các bộ phận của chúng, các loài bò sát, chim và gỗ trái phép (chú thích 21). Cộng hòa nhân dân Trung Hoa có nhu cầu cao đối với một loạt các loài để phục vụ cho các loại thuốc kích dục, thuốc đông y và thực phẩm, và nhu cầu này đang đe dọa rất nhiều loài động, thực vật. Ví dụ, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa nhập khẩu 13.000 tấn rùa nước ngọt ở biển từ Đông Nam Á, dẫn tới kết quả là ba phần tư số cá thể rùa nước ngọt của khu vực này thuộc nhóm bị đe dọa (chú thích 21). Nếu xu hướng này vẫn tiếp tục diễn ra mà không bị ngăn chặn, các nhà khoa học ước tính rằng tới 42% các loài động vật và thực vật của Đông Nam Á sẽ bị tuyệt chủng trong thế kỷ này.³⁴

Một số yếu tố thúc đẩy việc buôn bán trái phép các loài động, thực vật hoang dã—thực phẩm, thuốc đông y, tôn giáo, sưu tầm—song nguyên nhân chủ yếu nhất chính là kinh tế.³⁵ Giá trị của thương mại trái phép các loài hoang dã là từ 10 tỷ tới 20 tỷ USD hằng năm (chú thích 34). Các đối tượng tham gia bao gồm từ người buôn bán nhỏ cho tới các doanh nghiệp hoặc tập đoàn lớn được định hướng bởi lợi nhuận, như các công ty khai thác gỗ và đánh bắt xa bờ (chú thích 35). Hoạt động buôn bán này cũng có những bên trung gian, ví dụ như các chuyên gia tham gia vào việc bảo quản, xử lý, vận chuyển, chế biến, sản xuất công nghiệp, tiếp thị, xuất khẩu và các doanh nghiệp bán lẻ (chú thích 35). Những người buôn bán nhỏ thường chỉ nhận được một phần nhỏ so với lợi nhuận tài chính mà các bên trung gian và đầu cơ thu được. Mặc dù việc bắt giữ và ngăn chặn có tăng lên, song chúng chỉ chiếm một phần rất nhỏ của hoạt động tội phạm ngầm này (chú thích 21).

CITES là công cụ quốc tế chủ yếu nhằm kiểm soát hoạt động buôn bán các loài hoang dã nguy cấp, gồm cả các sản phẩm phái sinh.³⁶ Tất cả các nước ASEAN đều đã tham gia CITES, và do vậy cần phải hình sự hóa các hoạt động buôn bán ngầm những loài được liệt kê trong công ước (chú thích 25).

Tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều bị ảnh hưởng bởi hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã theo một cách nào đó. Ấn Độ, Malaixia và Mianma là các đích nhắm, và những kẻ buôn lậu thường sử dụng các tuyến đường kết nối qua Việt Nam và Thái Lan để vận chuyển các loài hoang dã tới các thị trường ở Hoa Kỳ, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, và châu Âu (chú thích 34). Đa dạng sinh học cao của vùng, sự giàu có ngày càng tăng, các tuyến đường giao thông dễ tiếp cận cùng với tình trạng thực thi pháp luật yếu kém, chế tài thấp và thiếu thực thi đã dẫn tới hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã tràn lan

³⁴ Mạng lưới thực thi pháp luật về loài hoang dã ASEAN (ASEAN-WEN). Thực trạng buôn bán trái phép các loài hoang dã tại Đông Nam Á (Illegal Wildlife Trade in Southeast Asia Factsheet). Có tại http://www.asean-wen.org/index.php?option=com_docman&task=doc_download&gid=5&Itemid=80

³⁵ Phân tích Hồ sơ Buôn bán Động, Thực vật trong Thương mại (Trade Records Analysis of Flora and Fauna in Commerce) (TRAFFIC). <http://www.traffic.org/trade/>

³⁶ Xem <http://www.cites.org/eng/disc/what.php>

trên khắp khu vực (chú thích 21, 64). Tuy nhiên, ngày càng có nhiều nỗ lực được triển khai để tăng cường thực thi pháp luật. Campuchia, Lào và Việt Nam đã tăng cường nỗ lực song phương để chống lại hoạt động buôn bán trái phép này. Ví dụ, từ tháng 7 tới tháng 9 năm 2010, có 110 hành động thực thi pháp luật về đời sống hoang dã lớn hoặc tiêu biểu đã được báo cáo, dẫn tới 57 vụ bắt giữ và 13 vụ kết án tại năm nước Đông Nam Á. Các cơ quan chức năng đã bắt giữ 11.390 động vật sống và 5.006 động vật chết, các bộ phận của chúng, hoặc sản phẩm phái sinh, với tổng giá trị theo thị trường chợ đen ít nhất là 2,16 triệu USD.³⁷

Các vấn đề Pháp lý và Câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu có thể chia sẻ về đa dạng sinh học và buôn bán trái phép các loài hoang dã cùng các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Vấn đề mất đa dạng sinh học, xâm lấn, và săn bắn trộm tại một quốc gia ASEAN cụ thể nghiêm trọng tới mức nào?
- (ii) Có những thách thức pháp lý nào đối với việc thực thi pháp luật phù hợp tại tòa án?
- (iii) Có cần hợp tác khu vực để chống lại tình trạng buôn bán trái phép các loài hoang dã hay không, và vai trò của tòa án là gì?
- (iv) Luật pháp của từng quốc gia có phản ánh đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo CITES hay không? Nếu không, tòa án có thể đóng vai trò gì trong việc làm cho luật pháp quốc gia phù hợp với CITES?
- (v) Có bao nhiêu vụ việc liên quan tới thực thi CITES đã được đưa ra tòa tại từng nước? Các vấn đề liên quan tới thủ tục hay liên quan tới việc liệu các loài đang bị mua bán có được bảo vệ trên thực tế tại các nước hay không?
- (vi) Có bao nhiêu vụ buôn bán trong nước các loài được bảo vệ theo luật pháp quốc gia đã bị đưa ra tòa tại từng nước? Việc xét xử các vụ việc này ra sao và đâu là cơ sở pháp lý cho phán quyết ở từng trường hợp?

Thách thức Môi trường ASEAN số 3: Tàn phá Đại dương, Đánh bắt cá Trái phép và Ô nhiễm biển

Đông Nam Á được thiên nhiên ưu đãi với một số nguồn tài nguyên biển phong phú và đa dạng bậc nhất trên thế giới (chú thích 21, 64). Các nguồn tài nguyên biển và ven bờ là đặc biệt quan trọng đối với khu vực, do 563 triệu người Đông Nam Á đang sinh sống dọc theo 173.000 km bờ biển (chú thích 20) và phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên mà biển cung cấp. Khu vực này sở hữu 34% rạn san hô của thế giới và đa dạng sinh học biển phong phú, đặc biệt là xung quanh Indônêxia, bán đảo Malaixia, và Philippin.³⁸ Duy trì các rạn san hô lành mạnh mang lại lợi ích quan trọng về sinh thái và phát triển, do chúng hỗ trợ sinh kế, an ninh lương thực, du lịch, nghiên cứu y khoa, và bảo vệ bờ biển (chú thích 21). Hơn nữa, theo Báo cáo hiện trạng môi trường ASEAN, các rạn san hô được quản lý tốt ở Đông Nam Á có giá trị kinh tế tiềm năng là 12,7 tỷ USD, chiếm tới 40% giá trị ước tính toàn cầu (chú thích 21). Bên cạnh đó, Indônêxia, Philippin, Thái Lan và Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia sản

³⁷ ASEAN-WEN. http://www.asean-wen.org/index.php?option=com_docman&Itemid=96

³⁸ Xem <http://www.climateshifts.org/?p=5111>

xuất cá hàng đầu của thế giới,³⁹ trong khi khu vực này cũng cung cấp 17% tổng sản lượng cá biển của thế giới (chú thích 39). Tuy vậy, điều này sẽ không tiếp diễn nếu các rạn san hô và nguồn cá của khu vực không được quản lý bền vững.

Sử dụng Tài nguyên Biển Bất hợp pháp và Không bền vững

Các nguồn tài nguyên biển của Đông Nam Á đang bị khai thác bừa bãi và lạm dụng. Năm 2002, 85% rạn san hô của Malaixia và 90% rạn san hô của Campuchia, Philippin, Xingapo và Việt Nam bị đe dọa (chú thích 21, 47). Tám mươi tám phần trăm rạn san hô ở Đông Nam Á bị đe dọa bởi hoạt động của con người và 50% trong số này bị coi là có nguy cơ cao hoặc rất cao.⁴⁰ Chỉ 12% rạn san hô có nguy cơ thấp (chú thích 40). Sự phá hủy rạn san hô càng trầm trọng thêm do các hoạt động đánh bắt cá trái phép và không bền vững, bao gồm thu hoạch - sử dụng lưới rà để giăng vét tận đáy đại dương và bắt tất cả những gì trong đó; đánh cá bằng thuốc nổ; và sử dụng chất xyanua (cyanide) để làm choáng hoặc giết cá.

Đánh bắt cá quá mức hoặc bất hợp pháp cũng tác động tiêu cực tới nhiều quốc gia Đông Nam Á một cách trực tiếp hơn. Các hoạt động đánh bắt cá trái phép, không được báo cáo và không được quản lý ngày càng tăng và đe dọa nghiêm trọng tới sự bền vững của trữ lượng cá. Năm 2003, Tổ chức lương thực và nông nghiệp (FAO) của Liên Hợp Quốc báo cáo rằng 75% trữ lượng cá toàn cầu đang bị khai thác triệt để, khai thác quá mức, hoặc cạn kiệt.⁴¹ Các xu hướng đánh bắt tại Đông Nam Á, vốn thường cho thấy sự gia tăng nhất quán trong quy mô mẻ cá, có thể che khuất những hiệu ứng đánh bắt cơ bản như “đánh bắt giảm dần trong chuỗi thức ăn” - tức là các loài cá lớn và có giá trị cao hơn (cá mú, cá hanh, cá mập và cá đuối) tương đối ít dần trong khi các loài cá nhỏ hơn (cá sơn, mực ống và mực phủ) lại tăng lên.⁴² Xu hướng này có thể được nhận thấy ở biển Đông và Philippin (chú thích 42). Hơn nữa, việc khai thác quá mức các nguồn lợi biển quan trọng khác vốn cần thiết cho sự lành mạnh của hệ sinh thái biển - như rùa biển, cá mập và cá đuối - có khả năng góp phần phá hủy các hệ sinh thái biển. Ấn Độ có sản lượng cá lớn thứ tư trên thế giới, nhưng các nguồn lợi biển của nước này dự kiến sẽ bị khai thác hoàn toàn và quá mức trong vòng một thập niên do các hoạt động đánh bắt trái phép, không được báo cáo và không được quản lý (chú thích 39). Chính phủ Ấn Độ đang mất đi một nửa nguồn thu từ đánh bắt cá dự kiến khoảng 4 tỷ USD do các hoạt động đánh bắt trái phép, không được báo cáo và không được quản lý.⁴³ Mật độ cá tại Vịnh Thái Lan, ngư trường quan trọng nhất của quốc gia, đã giảm tới 86% trong vòng 30 năm (1961-1991) (chú thích 39). Tại Việt Nam, sản lượng cá đánh

³⁹ M. Williams. 2007. *Mắc lưới: Nghề cá tại Ôxtrâyli và Đông Nam Á (Enmeshed: Australia and Southeast Asia Fisheries)*. Sydney: Viện chính sách quốc tế Lowry. Có sẵn tại <http://www.illegal-fishing.info/uploads/Lowry-Inst-Enmeshed.pdf>

⁴⁰ L. Burke, L. Sellig, và M. Spalding. 2002. *Các rạn san hô bị đe dọa tại Đông Nam Á (Reefs at Risk in Southeast Asia)*. Washington, DC: Viện nguồn lực thế giới. Có sẵn tại <http://www.wri.org/publication/reefs-risk-southeast-asia>

⁴¹ Mạng lưới vận động JALA cho các ngư dân Bắc Sumatra—Quý công lý môi trường. *Khi đánh bắt cá trở thành chết chóc: Những tác động xã hội và môi trường của việc đánh cá bằng lưới rà trái phép tại Bắc Sumatra (When Fishing Turns Deadly: The Environmental and Social Impacts of Illegal Trawling in North Sumatra)*. Có sẵn tại <http://www.illegal-fishing.info/uploads/JALAAstoptrawlenglish.pdf>

⁴² Ủy ban nghề cá châu Á–Thái Bình Dương. 2010. *Hiện trạng và tiềm năng nghề cá và nuôi trồng thủy sản tại châu Á - Thái Bình Dương (Status and Potential of Fisheries and Aquaculture in Asia and the Pacific)*. Có sẵn tại <http://www.apfic.org/uploads/2010-17.pdf>

⁴³ D. Prasodjo. 2011. Chống lại đánh bắt cá trái phép mang lại lợi ích ròng (Fighting Illegal Fishing is a Net Gain). *The Jakarta Post* trực tuyến. Ngày 12 tháng 9. <http://www.jakartapost.com/news/2011/09/12/fighting-illegal-fishing-a-net-gain.html>

bắt được chỉ tăng gấp đôi, mặc dù công suất của tàu thuyền tăng gấp ba (chú thích 39). Vào thập niên 1980, hoạt động đánh bắt xa bờ của Philippin đã bị coi là đánh bắt quá mức, và quốc gia này hiện nay chỉ có “sản lượng đánh bắt bằng khoảng 10% so với mức thu được khi khu vực này bị xếp loại là đánh bắt ít” (chú thích 39). Trong một nghiên cứu khu vực do Trung tâm cá thể giới tiến hành năm 2005, dự kiến rằng tới năm 2020, ngành ngư nghiệp của Đông Nam Á sẽ suy giảm tương đối về tầm quan trọng so với Đông Á (Cộng hòa nhân dân Trung Hoa) và Nam Á (Ấn Độ và Bangladesh) (chú thích 39). Xuất khẩu cá vào năm 2005 của Đông Nam Á dự kiến giảm từ 52% xuống 37% do sự tăng trưởng của các khu vực khác ở châu Á (chú thích 39).

Đánh bắt trái phép, không được báo cáo và không được quản lý thường xuất hiện trong bối cảnh quản lý và kiểm soát ngư nghiệp yếu kém. Do vậy, việc tăng cường hoạt động quản lý nhà nước, bao gồm cải thiện pháp quyền, cùng với giáo dục và nâng cao sinh kế, là những giải pháp chung được đề xuất cho vấn đề này.⁴⁴ Hơn nữa, nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cải tiến thực hiện và tuân thủ các luật lệ và cơ chế hiện hành cho việc thực thi pháp luật.

Các nước Đông Nam Á đã tiến hành hai biện pháp mang tính khu vực để cải thiện tính bền vững của việc quản lý biển. Thứ nhất, năm 2002, các bộ trưởng đã thông qua Tiêu chí về khu di sản biển và Tiêu chí cho các vùng bảo tồn biển quốc gia của ASEAN, nhằm xác định và quản lý các khu bảo tồn. Các tiêu chí này bảo đảm hành động quốc gia hài hòa để bảo vệ các vùng lãnh hải chung của ASEAN.⁴⁵ Thứ hai, vào tháng 5 năm 2009, Ấn Độ, Malaixia, Philippin, và ba nước Thái Bình Dương đã ký kết Sáng kiến tam giác san hô về rạn san hô, ngư trường và an ninh lương thực, với mục tiêu bảo vệ các nguồn tài nguyên sinh thái biển và ven bờ của khu vực phục vụ cho tăng trưởng bền vững và sự thịnh vượng của các thế hệ hiện tại và tương lai.⁴⁶

Phát triển Ven bờ Bờ bãi và Ô nhiễm biển

Đa dạng sinh học biển cũng bị đe dọa bởi sự gia tăng các hoạt động phát triển ven bờ, rửa trôi đất nông nghiệp, và xả nước thải chưa qua xử lý vào các vùng nước ven bờ.⁴⁷ Sự gia tăng các hoạt động phát triển ven bờ, thường không có quy hoạch phát triển ven bờ phù hợp, dẫn tới rất nhiều chất gây ô nhiễm biển và khối lượng khổng lồ các chất dinh dưỡng bị xả thải xuống biển và các khu vực ven bờ. Các nguy cơ ô nhiễm bao gồm nguồn trên cạn như giao thông, du lịch và hoạt động công nghiệp, gồm tràn dầu, xả chất thải công nghiệp chưa qua xử lý và lắng cặn, nước thải chưa qua xử lý, bùn nặng, và kim loại nặng từ phế thải của mỏ và các nguồn khác. Rất nhiều việc xả thải gây ô nhiễm này đều đã có quy định chính thức, song không được thực thi trên thực tế. Các nguy cơ ô nhiễm khác bao gồm thừa chất dinh dưỡng (làm giàu dinh dưỡng), các loài xâm lấn, các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy, axit hóa, các chất phóng xạ, rác thải ở biển, đánh bắt quá mức, và phá hủy môi trường sống biển và ven bờ (chú thích 47). Các hoạt động nuôi trồng thủy sản dọc theo các bờ biển, ví dụ như nuôi tôm hùm, cũng là một nguồn ô nhiễm (chú thích 21).

⁴⁴ D. Agnew và những người khác. 2009. *Ước tính mức độ đánh bắt cá trái phép trên toàn thế giới (Estimating the Worldwide Extent of Illegal Fishing)*. <http://www.plosone.org/article/info:doi/10.1371/journal.pone.0004570>

⁴⁵ ASEAN. <http://www.aseansec.org/14541.htm>

⁴⁶ UNEP. <http://www.grida.no/publications/rr/our-precious-coasts/page/1292.aspx>

⁴⁷ Sáng kiến Tam giác San hô. <http://www.cti-secretariat.net/about-cti/about-cti>

Tại Đông Nam Á, một quan ngại chủ yếu là việc xả thải nitơ vào đại dương. Hơn 600.000 tấn nitơ đã bị xả vào biển hằng năm từ các con sông lớn. Con số này có thể tăng thêm khi dân số ven biển dự kiến tăng từ 77 người/km² lên 115 người/km² vào năm 2025 (chú thích 47). Các nguồn gây ô nhiễm biển khác là hoạt động của tàu thuyền và hoạt động dựa vào biển, bao gồm tràn dầu, xả thải bùn, khai thác khoáng sản ven bờ, và khai thác dầu khí ngoài khơi (chú thích 21). Những nguy cơ ô nhiễm này, kết hợp với những thay đổi dự kiến do biến đổi khí hậu—tăng nhiệt độ ở biển và thay đổi trong độ mặn—sẽ có tác động tiêu cực tới sinh vật biển và khả năng phục hồi sau các hiện tượng thời tiết cực đoan. Năng suất của các hệ sinh thái ven bờ trong việc cung cấp sinh kế và lương thực cơ bản cũng sẽ bị ảnh hưởng (chú thích 21).

Các vấn đề Pháp lý và Câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu có thể chia sẻ về hiện trạng tàn phá đại dương, đánh bắt cá trái phép và ô nhiễm biển cùng các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Vấn đề đánh bắt cá trái phép và tàn phá các nguồn tài nguyên biển tại một quốc gia ASEAN cụ thể nghiêm trọng tới mức nào?
- (ii) Vấn đề ô nhiễm biển từ các hoạt động trên cạn nghiêm trọng ở mức nào?
- (iii) Có những thách thức pháp lý nào đối với việc thực thi pháp luật phù hợp tại tòa án?
- (iv) Mỗi quốc gia có luật pháp để quản lý các vùng bờ biển và vùng biển hay không? Có bao nhiêu vụ việc liên quan tới thực thi các luật này đã bị đưa ra tòa tại từng nước? Việc xét xử các vụ việc này dựa trên cơ sở nào?
- (v) Các tiêu chí ASEAN về quản lý các vùng biển và ven bờ có thể được sử dụng như thế nào trong việc xét xử một vụ án liên quan tới vi phạm luật pháp quốc gia trong các vùng bờ biển và vùng biển?
- (vi) Những tiêu chuẩn này có thể giúp các tòa án Đông Nam Á trong việc xét xử các vụ ô nhiễm biển ra sao?

Thách thức Môi trường ASEAN số 4: Quy hoạch Phát triển và Đánh giá Tác động Môi trường

Từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế 2008–2009, nền kinh tế khu vực đã lại phục hồi và đang tăng trưởng (mặc dù cuộc suy thoái kinh tế năm 2011 đe dọa lan rộng và tác động tới châu Á). Tuy nhiên, tới hiện nay, phát triển do sự tăng trưởng này vẫn tiếp tục đi kèm với chi phí về môi trường—đặc biệt là sự gia tăng phát thải carbon và chất ô nhiễm—tại hầu hết các nước trong khu vực, và trong tỷ lệ phá rừng⁴⁸ cũng như mất đất nông nghiệp.

Đánh giá tác động môi trường (EIA) xuất hiện vào cuối thập niên 1960 và đầu thập niên 1970 như một phản ứng trước việc các quá trình quy hoạch phát triển không cân nhắc đầy đủ những tác động tiêu cực của các hoạt động phát triển kinh tế.⁴⁹ Những sáng kiến lập

⁴⁸ ADB. 2011. *Các chỉ số then chốt của châu Á–Thái Bình Dương 2011 (Key Indicators for Asia and the Pacific 2011)*. Truy cập: <http://beta.adb.org/key-indicators/2011/main>

⁴⁹ B. Lohani và những người khác. 1997. *Đánh giá tác động môi trường cho các nước đang phát triển ở châu Á. Tập 1—Tổng quan (Environmental Impact Assessment for Developing Countries in Asia. Volume 1—Overview)*. Manila: ADB. Có sẵn trên trang: http://www.adb.org/documents/books/environment_impact/env_impact.pdf

pháp sớm nhất để áp dụng EIA tại các nước ASEAN bắt đầu từ thập niên 1970 (Malaysia, 1974; Philippin, 1978) và tiếp tục vào thập niên 1990 (Thái Lan, 1992; Ấn Độ, 1993, Việt Nam, 1994; Campuchia và Lào, 1999). Quy định pháp lý về đánh giá môi trường chiến lược cũng được Việt Nam thông qua vào năm 2005 và Ấn Độ vào năm 2009.

Mục đích của EIA hoặc đánh giá môi trường chiến lược là nhằm thu thập, phân tích và cung cấp thông tin cho những người ra quyết định và công chúng về những hệ lụy môi trường của các hành động đề xuất trước khi quyết định được đưa ra. Tuy nhiên, trên thực tế, "...hạn chế lớn nhất đối với hiệu quả của EIA là thời điểm đánh giá trong chu trình của dự án phát triển (chú thích 49, 13-1). Các EIA cần được tiến hành càng sớm càng tốt trong quá trình quy hoạch phát triển. Tuy nhiên, trên thực tế, rất nhiều EIA được tiến hành như một hoạt động bổ sung, thay vì góp phần vào quá trình ra quyết định phát triển, và chỉ được thực thi sau khi các quyết định quy hoạch lớn đã được đưa ra, ví dụ như lựa chọn địa điểm và bảo đảm đầu tư. Trong những trường hợp này, "các kết luận trong EIA mà có thể dẫn tới sự chậm trễ, sửa đổi lớn dự án, hoặc hủy bỏ toàn bộ là rất khó chấp nhận" (chú thích 49, 13-1). Việc triển khai quy trình EIA tại hầu hết các nước ASEAN đã được cải thiện, nhất là trong thập niên vừa qua; tuy vậy vẫn còn rất nhiều thách thức.

Do tính nhạy cảm về thời điểm yêu cầu tiến hành EIA trong việc ra quyết định về phát triển, nên các khía cạnh về mặt thủ tục của quy trình đánh giá tác động—thời điểm tiến hành EIA, thời điểm phê duyệt dự án—thường có khả năng bị khởi kiện tại tòa. Những vấn đề nội dung có thể bị khởi kiện bao gồm sự đầy đủ trong nhận định về tác động môi trường; năng lực đánh giá nhận định về tác động môi trường; và sự đầy đủ của các điều kiện đi kèm với việc phê duyệt dự án để tránh, giảm thiểu, hoặc bồi hoàn cho các tác động tiêu cực. Quy trình EIA cũng đòi hỏi sự tham gia của công chúng trong quá trình ra quyết định, và việc không đưa công chúng tham gia quá trình ra quyết định cũng có thể bị chất vấn tại tòa.

Các vấn đề Pháp lý và Câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu có thể chia sẻ về quy hoạch phát triển và EIA cùng các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Những thách thức nào mà các đoàn đại biểu phải đối mặt trong khi xử lý các vụ việc về EIA, và chúng có thể được xử lý như thế nào?
- (ii) Cơ chế quản lý quốc gia về EIA nhất quán ở mức độ nào với các thông lệ hiệu quả trên thực tế?

Thách thức Môi trường ASEAN số 5: Nước ngọt, Ô nhiễm, Lũ lụt và Khí hậu

Đông Nam Á được thiên nhiên ưu đãi nguồn nước ngọt dồi dào. Năm 2007, khu vực này có tổng công suất là 5.675 tỷ m³ các nguồn nước ngọt tái sinh (chú thích 21, 33), trong đó Brunây, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Malaysia có khối lượng nước sẵn có tính theo đầu người cao nhất.

Tuy nhiên, bất chấp sự giàu có này của khu vực, vẫn có những đợt hạn hán tại một số vùng nhất định ở các nước, và hạn chế nguồn nước thô do ô nhiễm. Trong khu vực này, 487 triệu người được tiếp cận các nguồn nước uống an toàn (chú thích 8), song chỉ có 32% số dân khu vực có nước máy tới tận nhà (nơi ở, khu đất, hoặc sân) (chú thích 8). Các nguồn nước khác trong khu vực bao gồm nước ngầm, hiện đang trở thành nguồn nước tưới tiêu nông

nghiệp chủ đạo tại một số nước châu Á.⁵⁰ Tuy nhiên, khai thác quá mức có thể dẫn tới những tác động tiêu cực như suy giảm vĩnh viễn mực nước ngầm, suy thoái chất lượng nước, và xâm nhập mặn tại các vùng ven biển.⁵¹ Ví dụ, tại Ấn Độ, việc khai thác quá mức nước ngầm đã làm suy giảm mực nước ngầm từ 1 tới 3 m trong mười năm qua, dẫn tới những vấn đề đáng kể về sụt lún đất.⁵² Khai thác quá mức cũng dẫn tới tình trạng mặn hóa nước ngầm do sự xâm nhập của nước biển và sụt lún đất tại Jakarta (chú thích 52).

Đông Nam Á là quê hương của một số hệ sinh thái nước ngọt độc nhất vô nhị, ví dụ biển hồ Tonle Sap tại Campuchia, Hồ Toba tại Sumatra (chú thích 21, 41) và hệ thống sông Mê Kông, chảy qua “ba tỉnh của [Cộng hòa nhân dân] Trung Hoa, tiếp tục vào Mianma, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam trước khi đổ vào biển Đông”⁵³ Các hệ sinh thái nước ngọt là nguồn cung cấp nước thô và lương thực do sự phong phú về sinh học của các loài cá, động vật lưỡng cư, động vật không xương sống và các loài thủy sinh (chú thích 21, 41). Campuchia, Ấn Độ và Việt Nam có số lượng các loài cá nước ngọt đông đáng kể.

Tuy nhiên, các nguồn nước trong vùng hiện đang bị đe dọa. Tăng dân số và các hoạt động kinh tế đã dẫn tới tăng nhu cầu về nước, trong đó nông nghiệp tiêu thụ tới 85,5% nguồn nước ngọt, công nghiệp chiếm 7,8%, và nước sinh hoạt là 6,6%.⁵⁴ Do gia tăng các hoạt động công nghiệp, chất lượng nước cũng bị ảnh hưởng, nhất là từ sự nhiễm độc khí nitơ do xả chất thải sinh hoạt chưa qua xử lý và kim loại nặng vào các nguồn nước ngọt (chú thích 23). Năm 2009, ASEAN báo cáo rằng có sự suy giảm chung về chất lượng nước sông tại các quốc gia trong khu vực (chú thích 21, 39). Ấn Độ báo cáo rằng 54% trong số 33 con sông được giám sát vào năm 2008 bị ô nhiễm (chú thích 21, 39). Tại Thái Lan, số lượng các con sông bị phân loại chất lượng kém đang gia tăng, từ 29% vào năm 2007 tới 48% vào năm 2009 (chú thích 21, 39). Tình trạng ô nhiễm này ảnh hưởng tới sản xuất lương thực và năng lượng, các nhu cầu sinh thái, sức khỏe và sinh kế của con người và các quần thể hoang dã trong khu vực (chú thích 23).

Các vấn đề Pháp lý và Câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu có thể chia sẻ về tình hình nước ngọt, ô nhiễm, lũ lụt và biến đổi khí hậu cùng các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Vấn đề ô nhiễm nước và khai thác trái phép nước ngầm hoặc sử dụng nước tại một quốc gia ASEAN cụ thể nghiêm trọng ở mức nào?

⁵⁰ Viện quản lý nước quốc tế. 2007. *Nước cho lương thực, nước cho sự sống: Đánh giá toàn diện về quản lý nước trong nông nghiệp (Water for Food, Water for Life: A Comprehensive Assessment of Water Management in Agriculture)*. London: Earthscan, và Colombo: Viện quản lý nước quốc tế. Có sẵn tại <http://www.iwmi.cgiar.org/assessment/Water%20for%20Food%20Water%20for%20Life/Chapters/Chapter%2010%20Groundwater.pdf>

⁵¹ H. Zaisheng và những người khác. 2006. *Các tầng nước ngầm xuyên biên giới tại châu Á với trọng tâm là [Cộng hòa Nhân dân] Trung Hoa (Transboundary Aquifers in Asia with Special Emphasis on [the People's Republic of] China)*. Bắc Kinh: Tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục Liên Hợp Quốc (UNESCO). Xem <http://unesdoc.unesco.org/images/0014/001483/148390e.pdf>

⁵² N. Colbran. 2009. Jakarta sẽ là Atlantis thứ hai? Sử dụng nước ngầm quá mức do không có đủ mạng lưới nước máy (Will Jakarta be the Next Atlantis? Excessive Groundwater Use Resulting from a Failing Piped Network). *Tạp chí Luật pháp, Môi trường và Phát triển*. 5(1). tr. 18. Có tại <http://www.lead-journal.org/content/09018.pdf>

⁵³ Ủy ban sông Mê Kông. <http://www.mrcmekong.org/the-mekong-basin/physiography/>

⁵⁴ UNEP. 2009. *Nước ngọt đang bị đe dọa: Đông Nam Á (Freshwater Under Threat: Southeast Asia)*. Có sẵn tại http://www.unep.org/pdf/SEA_Water_report.pdf

- (ii) Có những thách thức pháp lý nào trong việc thực thi phù hợp luật pháp về nước tại tòa án?
- (iii) Quyền sử dụng nước thường gắn liền với quyền đất đai, và tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với quyền tài sản là rất đáng kể. Hệ thống thực thi pháp luật quốc gia đã hướng dẫn việc giải quyết các vụ án liên quan tới vi phạm các quyền về nước do ô nhiễm như thế nào?
- (iv) Tỷ lệ các tranh chấp liên quan tới các quyền về nguồn nước được đưa ra tòa là bao nhiêu tại mỗi nước? Thẩm phán tại mỗi nước đã sử dụng luật nào làm cơ sở cho việc xét xử các vụ việc này?

Thách thức Môi trường ASEAN số 6: Đô thị hóa và Ô nhiễm Không khí

Đô thị hóa mang tới những thách thức môi trường lớn hơn cho Đông Nam Á. Tỷ lệ dân số sống tại các đô thị đã tăng lên nhanh chóng trong một nửa thế kỷ qua.⁵⁵ Ở Đông Nam Á, 245 triệu người (41,8% dân số khu vực) sống tại đô thị, so với 15,4% vào thập niên 1950.⁵⁶ Sáu trong số mười đại đô thị của thế giới (được định nghĩa là có dân số hơn 10 triệu người) nằm ở châu Á,⁵⁷ và hai trong số đó—Manila và Jakarta—là ở Đông Nam Á. Dân số đô thị của Đông Nam Á dự kiến sẽ tăng thêm 2,2% trong giai đoạn 2010-2015 (chú thích 56), và sẽ đạt tới 49,7% vào năm 2025. Tăng dân số ở các thành phố đô thị dẫn tới việc mỗi năm có thêm 44 triệu người dân—hoặc 120.000 người mỗi ngày—bổ sung vào các thành phố.⁵⁸ Dòng dân cư mới tại các thành phố này đòi hỏi xây dựng thêm 2.000 nhà ở mới, 250 km đường mới, và cơ sở hạ tầng cần thiết để cung cấp thêm hơn 6 triệu lít nước máy mỗi ngày (chú thích 58).

UĐô thị hóa tại Đông Nam Á diễn ra rất khác nhau. Những nước phát triển hơn về kinh tế—Brunây, Malaixia và Xingapo—có tỷ lệ đô thị hóa hơn 65%. Các nước kém phát triển nhất về kinh tế—Campuchia, Lào và Mianma—có tỷ lệ đô thị hóa thấp hơn 34% (chú thích 57). Dự kiến 80% tăng trưởng kinh tế mới trong tương lai sẽ được tạo ra tại các nền kinh tế đô thị, nơi chứa đựng hầu hết các cơ hội việc làm và nghề nghiệp.⁵⁹

Đô thị hóa tạo ra áp lực đối với cơ sở hạ tầng và dịch vụ đô thị sẵn có, vốn thậm chí còn chưa đủ đối với dân số đô thị hiện thời tại hầu hết các nước đang phát triển. Do vậy, khi đối mặt với tình trạng đô thị hóa nhanh, các nhà hoạch định chính sách và quy hoạch đô thị phải đối mặt với những thách thức của cơ sở hạ tầng không được bảo trì, tăng dân số không theo kế hoạch, cơ hội sinh kế ít ỏi, và nguy cơ người nghèo có sức khỏe kém.⁶⁰

Sự giàu có tăng lên ở đô thị không được phân bố đều cho tất cả dân cư đô thị tại Đông Nam Á. Một nửa số dân sống trong các khu ổ chuột trên khắp thế giới là ở châu Á, trong khi 28 triệu người ở Jakarta và 23 triệu người ở Manila sống trong những nơi ở không chính thống. Dân cư của các khu ổ chuột đô thị thường dễ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thiên tai và sức

⁵⁵ Xem <http://www.unfpa.org/swp/1996/ch3.htm>

⁵⁶ Viện nghiên cứu Đông Nam Á. 2009. *Đô thị hóa tại các quốc gia Đông Nam Á (Urbanization in Southeast Asia Countries)*. Có tại [http://www.iseas.edu.sg/aseanstudiescentre/UrbanSEAsia-prelim\(asof13Jul10\).pdf](http://www.iseas.edu.sg/aseanstudiescentre/UrbanSEAsia-prelim(asof13Jul10).pdf)

⁵⁷ J. Cochrane. 2010. Urban Planning Laboratory. *Development Asia*, năm III, số 6, tháng 1-3. Có tại <http://development.asia/PDF/issue-06/urbanplanning-devasia6.pdf>

⁵⁸ ADB. 2006. *Đô thị hóa và bền vững tại châu Á (Urbanization and Sustainability in Asia)*. Manila.

⁵⁹ ADB. <http://beta.adb.org/sectors/transport/key-priorities/urban-transport>

⁶⁰ ADB. <http://beta.adb.org/features/urbanization-asia-clean-green-competitive-cities>

khỏe, cũng như tội phạm.⁶¹ Họ thường thiếu sự bảo đảm về sở hữu đất và tiếp cận các dịch vụ cơ bản như cấp nước và vệ sinh thỏa đáng. Một loạt các vấn đề môi trường nảy sinh từ sự kết hợp giữa đô thị hóa và nghèo khổ—nước sạch và vệ sinh, sản xuất quy mô lớn dẫn tới phát thải khí nhà kính, và tiêu thụ quy mô lớn dẫn tới rác thải (chú thích 56).

Đô thị hóa cũng tạo ra áp lực hết sức to lớn đối với giao thông và lưu chuyển, làm gia tăng đáng kể ô nhiễm không khí. Các thành phố châu Á có mức độ ô nhiễm không khí cao nhất trên thế giới. Ô nhiễm không khí đe dọa sức khỏe và chất lượng sống của người dân đô thị, theo như một báo cáo của Tổ chức y tế thế giới cho thấy 500.000 trường hợp chết trẻ có nguyên nhân từ ô nhiễm không khí (chú thích 23). Khoảng 80% ô nhiễm không khí ở các thành phố châu Á là do giao thông (chú thích 56). Cứ mỗi 5–7 năm, lượng phương tiện cơ giới lại tăng gấp đôi, dẫn tới tình trạng tắc đường và ô nhiễm không khí (chú thích 59). Ví dụ, tại Ấn Độ,⁶² ô nhiễm không khí ước tính làm tổn thất 400 triệu USD mỗi năm của nền kinh tế quốc gia, và con số này dự kiến sẽ tăng gấp 10 lần nếu không có các biện pháp kiểm soát ô nhiễm (chú thích 21, 70). Tại Thái Lan, số phương tiện đã tăng từ 600.000 vào năm 1980 tới hơn 5 triệu vào cuối năm 2007 (chú thích 21). Giao thông đường bộ giảm hiệu suất do mất thời gian và chi phí đi lại cao, và điều này tiêu tốn của các nền kinh tế châu Á từ 2% tới 5% tổng thu nhập quốc nội mỗi năm (chú thích 21).

Khói mù do khai thác đất đai bừa bãi và cháy rừng là một nguồn khác của ô nhiễm không khí ảnh hưởng tới các nước Đông Nam Á. Hiện tượng El Nino đã làm gia tăng các đám cháy này, vốn thường được sử dụng để phát quang đất rừng nhằm mục đích canh tác, do nó tạo ra điều kiện khí hậu khô hơn tại khu vực (chú thích 21). Tám quốc gia thành viên ASEAN đã phê chuẩn Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói mù xuyên biên giới, được ký kết năm 2002 nhằm cố gắng quản lý vấn đề này. Hiệp định ô nhiễm khói mù xuyên biên giới có hiệu lực tháng 11 năm 2003. Mục đích của Hiệp định này là giải quyết vấn đề đất đai, cháy rừng và giảm thiểu ô nhiễm khói mù xuyên biên giới tại khu vực (chú thích 21).

Các vấn đề Pháp lý và Câu hỏi:

Mỗi đoàn đại biểu có thể chia sẻ về đô thị hóa và ô nhiễm không khí cùng các vấn đề pháp lý liên quan tại nước mình, bao gồm những nội dung sau:

- (i) Vấn đề đô thị hóa và ô nhiễm không khí tại một quốc gia ASEAN cụ thể nghiêm trọng ở mức nào?
- (ii) Có những thách thức pháp lý nào trong việc thực thi thỏa đáng luật pháp về vấn đề này tại tòa án?
- (iii) Hiệp định ô nhiễm khói mù xuyên biên giới sẽ có tác động gì tới việc xét xử một vụ việc liên quan tới thương tổn hoặc thiệt hại do khói mù tại từng quốc gia?
- (iv) Có bao nhiêu vụ việc liên quan tới thiệt hại hoặc tranh chấp do tác động của việc thiếu cơ sở hạ tầng đô thị cơ bản đã được đưa ra trước tòa án tại mỗi nước? Các thẩm phán đã xét xử những vụ việc này dựa trên cơ sở nào? Hoặc dựa trên cơ sở nào mà các thẩm phán có thể xét xử các vụ việc này, nếu chúng được đệ trình lên tòa?

⁶¹ ADB. 2010. *Tiếp cận công lý cho người nghèo đô thị (Access to Justice for the Urban Poor)*. Manila.

⁶² Tại Ấn Độ, số lượng phương tiện đã tăng hơn gấp đôi, từ 10,2 triệu vào năm 1992 tới 35 triệu vào năm 2005.

B. Hợp tác Môi trường ASEAN⁶³

Hợp tác về môi trường không phải là một nội dung trong sứ mệnh của ASEAN khi tổ chức này được thành lập vào năm 1967, nhưng đã là một thành phần trong các chương trình của ASEAN kể từ cuộc họp đầu tiên của Nhóm chuyên gia ASEAN về môi trường năm 1978.⁶⁴ Hội nghị bộ trưởng môi trường ASEAN (AMME) lần thứ nhất được tổ chức năm 1981 và cho ra đời Tuyên bố Manila về môi trường ASEAN.⁶⁵ Đây là cơ sở chung cho sự hợp tác của khu vực trong các vấn đề môi trường, bao gồm phát triển bền vững, bảo tồn tài nguyên, giáo dục và đào tạo liên quan, cũng như trao đổi thông tin về môi trường. Tuyên bố này cũng tán thành phạm vi công việc được nêu trong Chương trình môi trường tiểu vùng ASEAN lần thứ nhất (ASEP 1).

Trong những năm tiếp theo, ASEAN đã xây dựng các kế hoạch môi trường kế tiếp, gồm ASEP II (bao quát giai đoạn 1982–1987), ASEP III (bao quát giai đoạn 1988–1992), và sau đó là Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN về môi trường (1994–1998). Ở cấp khu vực rộng hơn, Tầm nhìn ASEAN 2020 và Chương trình hành động Viêng Chăn 2004–2010 hiện tại—tiếp nối Kế hoạch hành động Hà Nội 1999–2004—đã mô tả cụ thể hơn 12 chiến lược cùng 55 lĩnh vực hành động và biện pháp để đạt được mục tiêu kép là thúc đẩy bền vững môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững. Nhu cầu hợp tác liên ngành trong các sáng kiến phát triển bền vững luôn là một chủ đề được bàn đến trong các hội nghị bộ trưởng về môi trường, mà tác động của nó đã được nhận thức đầy đủ bởi các bộ phận cử tri khác của ASEAN, bao gồm các ủy ban điều phối thương mại và kinh tế.

Dưới đây là những vấn đề then chốt được nêu trong chương trình nghị sự môi trường khu vực về cải cách quản lý:

- (i) **Hài hòa các khuôn khổ và tiêu chuẩn quản lý**, như được nhận thấy trong Hiệp định ASEAN về Bảo tồn thiên nhiên, 1985.⁶⁶ Đây là một hiệp định tiến bộ về phát triển bền vững, quy định các tranh chấp phải được “giải quyết một cách thiện chí thông qua tham vấn và thương lượng.”⁶⁷ Hiệp định này được sáu quốc gia thành viên ban đầu ký kết, song chỉ được Indônêxia, Philippin và Thái Lan phê chuẩn.
- (ii) **Hài hòa các tiêu chuẩn chất lượng môi trường**, xuất hiện lần đầu tiên trong chương trình nghị sự của Hội nghị bộ trưởng môi trường ASEAN lần thứ tư năm 1990 và

⁶³ Tư liệu trong phần này chủ yếu được lấy từ tài liệu của K. Mulqueeny. 2004. Chủ nghĩa khu vực, hội nhập kinh tế và pháp lý hóa tại ASEAN: Không gian nào cho sự bền vững môi trường (Regionalism, Economic Integration and Legalization in ASEAN: What Space for Environmental Sustainability). *Tạp chí luật môi trường châu Á–Thái Bình Dương* số 1.

⁶⁴ D. Rothwell, B. Boer, và R. Ramsay. 1998. *Luật quốc tế tại châu Á–Thái Bình Dương (International Law in Asia Pacific)*. London: Kluwer Law International, tr.226.

⁶⁵ Tuyên bố Manila về môi trường ASEAN, 1981, trên website của Ban thư ký ASEAN <http://environment.asean.org/manila-declaration-on-the-asean-environment/>

⁶⁶ Koh Kheng-Lian. 2003. Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên, 1985: Một nghiên cứu về quản trị môi trường. Tài liệu phát biểu tại Hội nghị công viên bảo tồn thế giới 2003, ngày 8–17 tháng 9 năm 2003 (Thảo luận lịch sử 18 năm của hiệp định ASEAN và xem xét tính phù hợp hiện tại của nó).

⁶⁷ Điều 30 của Hiệp định ASEAN (chú thích 66).

được ghi nhận trong Hiệp ước Kuala Lumpur về môi trường và phát triển.⁶⁸ Tới nay, chỉ có Các tiêu chuẩn chất lượng môi trường hài hòa ASEAN về chất lượng nước và không khí đã được thông qua, còn các sáng kiến khác nêu trong Khuôn khổ đạt tới các mục tiêu môi trường dài hạn về không khí xung quanh và chất lượng nước sông cho ASEAN⁶⁹ vẫn đang trong quá trình thực thi sau hơn một thập niên.

- (iii) **Những nỗ lực phối hợp hướng tới các thông lệ lâm nghiệp bền vững**, theo như quan điểm của các bộ trưởng nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN, thừa nhận sự đồng thuận trong khu vực rằng việc thực thi pháp luật lâm nghiệp hiện thời phải được rà soát để chống lại tình trạng khai thác gỗ trái phép và buôn bán gỗ có nguồn gốc trái phép.⁷⁰
- (iv) **Hợp tác về ô nhiễm xuyên biên giới** trong khuôn khổ Kế hoạch hợp tác ASEAN về ô nhiễm xuyên biên giới⁷¹ được thông qua năm 1995. Tài liệu này bao quát một phạm vi hợp tác rộng, và trong những năm gần đây đã bổ sung thêm trọng tâm của vùng về khói mù xuyên biên giới. Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói mù xuyên biên giới⁷² được ký tháng 6 năm 2002, có hiệu lực vào tháng 11 năm 2013, có thể được coi là sự triển khai kịp thời Hiệp định môi trường của ASEAN xét theo nghĩa tương đối.

Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN về môi trường trước đây đã liệt kê một số sáng kiến như là các hành động ưu tiên. Bảng dưới đây trình bày các sáng kiến này, cùng với hiện trạng thực thi.

Tiến triển trong các vấn đề môi trường bị hạn chế ở các sáng kiến “mềm” được thực thi bởi các bộ trưởng và quan chức trong lĩnh vực môi trường. Dựa trên tuyên bố được đưa ra tại Hội nghị bộ trưởng môi trường ASEAN lần thứ 13 vào tháng 10 năm 2011,⁷³ những nỗ lực môi trường khu vực thiên về các sáng kiến hợp tác như trao đổi thông tin về chính sách môi trường quốc gia, tăng cường nhận thức môi trường cho công chúng, và thảo luận chung về biến đổi khí hậu toàn cầu. Việc triển khai các sáng kiến mềm này khá chậm, và thực thi pháp luật môi trường còn rất yếu. Cần hợp tác sâu rộng hơn nữa trong thực thi pháp luật môi trường, gồm cả hợp tác giữa các tòa án.

⁶⁸ Các bộ trưởng môi trường ASEAN nhất trí khởi động những nỗ lực dẫn đến các bước đi cụ thể liên quan tới: “quản lý môi trường, bao gồm: ... 1. b. hài hòa các tiêu chuẩn chất lượng môi trường, c. hài hòa các hoạt động phòng ngừa và chấm dứt ô nhiễm xuyên biên giới, d. tiến hành nghiên cứu, triển khai và thúc đẩy việc sử dụng các công nghệ sạch... 2. a. hài hòa cách tiếp cận trong những chương trình quản lý tài nguyên thiên nhiên... c. xây dựng và hài hòa các quy trình nhằm phản ánh đúng đắn hơn hiện trạng phong phú của thiên nhiên trong bối cảnh Hệ thống tài khoản quốc gia: Hiệp ước Kuala Lumpur (1990), có tại <http://www.aseansec.org/6082.htm> (truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2004).

⁶⁹ Tại Hội nghị bộ trưởng môi trường lần thứ ba ở Xingapo, ngày 20 - 22 tháng 3 năm 1995.

⁷⁰ Tuyên bố chung của Hội nghị bộ trưởng nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN lần thứ 28, tháng 11 năm 2006. <http://www.asean.org/18951.htm>

⁷¹ ASEAN. 1995. Kế hoạch hợp tác ASEAN về ô nhiễm xuyên biên giới. <http://www.asensec.org/8926.htm> (truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2004).

⁷² ASEAN. 2002. Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói mù xuyên biên giới, ngày 10 tháng 6, tại <http://www.haze-online.or.id/docs.php?PATH=%2F%21Others&F=AseanAgreement.pdf> (truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2004).

⁷³ Tuyên bố chung của Hội nghị bộ trưởng môi trường ASEAN lần thứ 13, tháng 10 năm 2011, Phnom Penh. <http://www.asean.org/26689.htm>

Môi trường ASEAN - Tóm tắt và Cập nhật (Tháng 11 năm 2011)

Sáng kiến ưu tiên	Cập nhật hiện trạng
1 Triển khai đầy đủ Kế hoạch hợp tác ASEAN về ô nhiễm xuyên biên giới, nhấn mạnh Kế hoạch hành động khói mù khu vực tới năm 2001	Diễn ra đúng tiến độ, các phiên làm việc định kỳ được tổ chức, Xingapo chịu trách nhiệm giám sát tình trạng cháy và ô nhiễm khói mù theo Kế hoạch hành động khói mù khu vực được đưa ra tháng 12 năm 1997, cũng như các hoạt động tập huấn thực địa theo kế hoạch hành động trực tiếp đã diễn ra tại các điểm nóng như Kalimantan và Sumatra
2 Tăng cường Trung tâm khí tượng ASEAN vào năm 2001	Diễn ra đúng tiến độ, các hoạt động thường xuyên đã được Trung tâm khí tượng tiến hành theo như tiến độ hợp tác Khoa học và Kỹ thuật ASEAN, bao gồm các báo cáo hằng quý về nghiên cứu và công trình nghiên cứu
3 Thành lập Trung tâm nghiên cứu và đào tạo khu vực ASEAN về Quản lý đất và cháy rừng vào năm 2004	Hoạt động đang đình lại ở cấp nhóm công tác
4 Tăng cường Trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học khu vực ASEAN vào năm 2001	Đang diễn ra. Trung tâm này được thành lập năm 1999, đang tiếp tục tập trung vào các sáng kiến xây dựng mạng lưới và tăng cường năng lực thể chế, bao gồm đào tạo, nghiên cứu và triển khai, và quản lý cơ sở dữ liệu. Một trong những sản phẩm chính sách then chốt là Hiệp định khung về tiếp cận nguồn gen và tài nguyên sinh thái, hiện vẫn đang được các Quan chức cấp cao ASEAN về môi trường (ASOEN) soạn thảo.
5 Thúc đẩy phối hợp khu vực trong bảo vệ các công viên di sản và khu bảo tồn ASEAN	Diễn ra đúng tiến độ, Hội nghị bộ trưởng môi trường ASEAN gần đây đã chứng kiến hai công viên tại Philippin và Xingapo được bổ sung thêm vào danh sách các công viên di sản và khu bảo tồn, đưa tổng số các công viên ASEAN trong danh sách bảo tồn lên tới 30.
6 Xây dựng khuôn khổ và cải tiến sự phối hợp khu vực trong bảo vệ và quản lý tổng hợp các vùng ven biển vào năm 2001	Đang diễn ra. Nhóm công tác ASEAN về môi trường biển và ven bờ đang xây dựng một kế hoạch hành động cụ thể để tập trung vào bảo tồn sinh vật biển, quản lý rác thải và nước thải, du lịch sinh thái, và xói mòn bờ biển.
7 Tăng cường năng lực thể chế và pháp lý để thực hiện Chương trình Nghị sự 21 và các hiệp định môi trường quốc tế khác vào năm 2001	Đang diễn ra, trong phạm vi hoạt động của ASOEN, báo cáo cho AMME (không có thông tin cập nhật).
8 Hòa giải cơ sở dữ liệu môi trường của các quốc gia thành viên vào năm 2001	Đang diễn ra, được thực hiện bởi ASOEN phối hợp với Hội nghị thủ trưởng cơ quan thống kê ASEAN (AHSOM). Việc xuất bản định kỳ báo cáo hiện trạng môi trường ba năm một lần đã mang đến một tập hợp số liệu thống kê môi trường toàn diện của khu vực, được hỗ trợ bởi các nguồn bên ngoài.
9 Triển khai một chương trình bảo tồn nước khu vực ASEAN vào năm 2001	Được xây dựng năm 2005 với sự hỗ trợ ngân sách của AusAID, Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN về quản lý tài nguyên nước tập trung vào tiếp cận nước an toàn, đủ và có thể chi trả nhằm bảo đảm an ninh lương thực, vệ sinh và tăng trưởng kinh tế, cũng như bảo vệ môi trường nước
10 Thành lập một trung tâm hoặc mạng lưới khu vực để thúc đẩy các công nghệ phù hợp với môi trường vào năm 2004	Đang diễn ra, được ASOEN triển khai với sự hỗ trợ của các đối tác đối thoại như Hoa Kỳ và Nhật Bản trong giai đoạn nghiên cứu khả thi

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

	Sáng kiến ưu tiên	Cập nhật hiện trạng
11	Xây dựng và thông qua một nghị định thư ASEAN về tiếp cận các nguồn gen vào năm 2004	Đang diễn ra, được ASOEN triển khai
12	Xây dựng một kế hoạch hành động khu vực để bảo vệ môi trường biển khỏi các hoạt động trên biển và trên đất liền vào năm 2004	Đang diễn ra, được thực hiện bởi Nhóm công tác ASEAN về môi trường biển và ven bờ
13	Thực thi Khuôn khổ đạt tới các mục tiêu môi trường dài hạn về không khí xung quanh và chất lượng nước sông cho các quốc gia ASEAN	Đang diễn ra, được thực hiện bởi Nhóm công tác ASEAN về quản lý môi trường, với một đề xuất dự thảo khuôn khổ đã được trình lên ASOEN để thảo luận
14	Gia tăng nỗ lực khu vực trong xử trí vấn đề biến đổi khí hậu	Đang diễn ra, đòi hỏi sự phối hợp liên ngành và được giám sát bởi hội nghị thượng đỉnh lãnh đạo ASEAN về các vấn đề biến đổi khí hậu khu vực
15	Tăng cường thông tin và giáo dục cho công chúng để nhận thức và tham gia vào các vấn đề môi trường và phát triển bền vững	Đang diễn ra, do ASOEN tiến hành

C. Những thách thức chung Đối với Các quan tòa ASEAN

Thách thức chung Đối với Các quan tòa ASEAN: Những thách thức Chủ yếu về Pháp lý và Bằng chứng (Phiên họp 1)

Phiên thảo luận này nhằm thu thập ý kiến đóng góp của các đại biểu về những thành công và thách thức cụ thể tại các quốc gia khác nhau, có được hiểu biết sâu sắc hơn về các nguồn lực và nhu cầu xây dựng năng lực cần thiết để giải quyết những thách thức này, mà có thể được đưa vào Tầm nhìn ASEAN.

Tòa án là một trong những thể chế then chốt của chính phủ cần thiết để bảo đảm hiệu quả của luật pháp về môi trường. Tuy nhiên, các vụ việc môi trường, giải quyết tranh chấp môi trường, và áp dụng và diễn giải luật pháp môi trường mang tới những thách thức cơ bản về pháp lý và bằng chứng cho quá trình phán quyết tư pháp. Các chánh án tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á 2010, cùng các thẩm phán khác, đã xác định những thách thức này bao gồm: tiếp nhận bằng chứng và chứng thực mang tính chuyên môn và khoa học; đánh giá và xác định tổn thất, chế tài và hình phạt; phán quyết về các biện pháp khắc phục mà đôi khi phi chính thống;⁷⁴ bảo đảm quyền trình bày trước tòa hay các quy định phù hợp về vị thế pháp lý; bảo đảm các phán quyết tư pháp hợp lý; và thực thi phán quyết.

Vị thế pháp lý (Quyền Khởi kiện hoặc Quyền trình bày trước tòa)

Các quy định về vị thế pháp lý truyền thống đòi hỏi nguyên đơn phải có đủ lợi ích hoặc quyền lợi cá nhân trong kết quả của một vụ việc, có thể truy nguyên về bị đơn, để phân biệt họ với những người khác hoặc công chúng nói chung. Tuy nhiên, rất nhiều khu vực tài phán hiện nay mở rộng các quy định về vị thế pháp lý để bao gồm cả các tổ chức phi chính phủ và

⁷⁴ D. Shelton và A. Kiss. 2005. *Sổ tay Pháp luật về Luật Môi trường (Judicial Handbook on Environmental Law)*. Nairobi: UNEP.

công chúng trên cơ sở bảo vệ lợi ích công, ngay cả khi họ không chịu ảnh hưởng trực tiếp của hành động đang bị cáo buộc. Một số tòa án Đông Nam Á đã có những cách thức sáng tạo để diễn giải điều này.

Bằng chứng

Hiểu được các bằng chứng chuyên môn và khoa học cũng như cân nhắc và đánh giá các bằng chứng phức tạp này là một thách thức cơ bản khác mà các thẩm phán phải đối mặt trong quá trình phán quyết tư pháp. Sự chậm trễ dài hạn trong các phiên xét xử thường là do không nắm vững các bản chứng thực khoa học và chuyên môn.

Đánh giá Tổn hại Môi trường

Hiểu được cách thức đánh giá các tổn hại môi trường trong những hoàn cảnh khác nhau là một thách thức chủ yếu nữa đối với các thẩm phán. Tổn thất do ô nhiễm môi trường thường không bộc lộ rõ và mang tính tích tụ, còn tác động của ô nhiễm thì thường chậm. Điều này gây ra nhiều vấn đề trong việc lượng hóa các nguy cơ và tổn hại do ô nhiễm môi trường.

Chế tài và Hình phạt

Các tòa án là thể chế chính thống phổ biến nhất để áp đặt hình phạt cho các vi phạm luật pháp và quy định về môi trường, và bảo đảm việc tuân thủ các luật này. Hình phạt cho các vi phạm môi trường cần phải có tác dụng răn đe đối với các vi phạm môi trường trong tương lai, nhưng trên thực tế, các chế tài áp dụng hiện nay thường không đủ sức răn đe. Tại một số nước Đông Nam Á, một thách thức khác nằm ở chỗ bảo đảm sự nhất quán trong áp dụng hình phạt giữa các tòa sơ thẩm vốn phân tán về mặt địa lý và không phải lúc nào cũng được tiếp cận thông tin về phán quyết mà tòa án khác đưa ra trong những vụ việc tương tự.

Thi hành Phán quyết của Tòa án

Các cơ quan chức năng tư pháp phải đối mặt với việc không tuân thủ phán quyết. Khi điều này xảy ra, tòa án cần có thẩm quyền buộc các bên không tuân thủ vào tội coi thường tòa án. Thẩm quyền buộc tội coi thường tòa án của tòa là cần thiết để giữ vững tính liêm chính của luật pháp môi trường và các phán quyết được đưa ra theo luật này, thúc đẩy sự tôn trọng pháp quyền của xã hội. Tuy nhiên, việc thi hành phán quyết của tòa án có thể khó thực hiện và quản lý.

Giải quyết Tranh chấp Ngoài tòa án trong Các vụ việc Môi trường

Các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án đang được sử dụng ngày càng rộng rãi để giải quyết các tranh chấp môi trường. Giải quyết tranh chấp ngoài tòa án không phải phương thức lý tưởng cho mọi loại hình tranh chấp môi trường. Tuy nhiên, các tòa án Đông Nam Á khác nhau đã cân nhắc (và hiện đang triển khai) nhiều cách thức khác nhau để sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án trong giải quyết các tranh chấp môi trường.

Câu hỏi Thảo luận Chính:

- (i) Có những thành công và thách thức chủ yếu nào mà tòa án tại các nước khác nhau đã trải qua trong việc xét xử hiệu quả các vụ việc môi trường?
- (ii) Các khu vực tài phán xử lý vấn đề vị thế pháp lý như thế nào?

- (iii) Có những thách thức nào trong việc sử dụng bằng chứng chuyên môn và khoa học?
- (iv) Có những biện pháp nào bảo đảm tòa án được tiếp cận các chuyên gia công tâm?
- (v) Những biện pháp khắc phục nào hiện có và có thể áp dụng cho các vụ việc môi trường tại những khu vực tài phán khác nhau, gồm cả các biện pháp khắc phục môi trường đặc biệt?
- (vi) Có những thách thức nào đối với việc thực thi phán quyết của tòa án về môi trường?
- (vii) Có những thành công và thách thức chủ yếu nào mà tòa án tại các nước khác nhau đã trải qua trong việc giải quyết tranh chấp môi trường ngoài tòa án? Các tòa án châu Á có thể sử dụng hiệu quả nhất phương thức giải quyết tranh chấp ngoài tòa án trong các vụ việc môi trường bằng cách nào?

Thách thức chung Đối với Các quan tòa ASEAN: Các vấn đề Chủ yếu về Năng lực và Quản lý Nhà nước (Phiên họp 9)

Các thẩm phán và tòa án chung cũng như các thẩm phán và tòa án môi trường Đông Nam Á dường như quan tâm tới việc gia tăng khả năng tiếp cận công lý môi trường của người dân, tăng cường năng lực tòa án để phán quyết các vụ việc môi trường, và mở rộng phạm vi giúp thẩm phán có thể chống lại những nguy cơ đe dọa tính liêm chính của quy trình tư pháp. Giải quyết các vấn đề này là thiết yếu để bảo đảm bộ máy tòa án hiệu quả, cũng như giải quyết tranh chấp và phán quyết về môi trường có hiệu quả. Liên quan tới điều này, việc duy trì đủ số cán bộ tư pháp có kỹ năng—gồm cả thẩm phán và cán bộ tòa án—cũng rất quan trọng vì các nguy cơ đe dọa tính liêm chính sẽ lớn hơn khi số cán bộ tư pháp sẵn có để giám sát vụ việc ít hơn.

Tăng cường Khả năng Tiếp cận Công lý Môi trường

Tiếp cận công lý môi trường là một trong những trụ cột chính của quản lý nhà nước về môi trường được nêu trong Nguyên tắc số 10 của Tuyên bố Rio, bao gồm tính minh bạch, công bằng và chịu trách nhiệm. Để đạt được những yếu tố này, tiếp cận công lý ít nhất cần bao gồm việc mở rộng tiếp cận tới hệ thống tư pháp chính thống và tư pháp hành chính, và gia tăng những cách thức phi chính thống để giải quyết tranh chấp và đạt được sự công bằng và bình đẳng.

Bảo đảm tiếp cận công lý thường được định nghĩa là tăng khả năng tiếp cận tòa án của công dân, và mở rộng quyền của các bên khởi kiện vì lợi ích công được đưa vụ việc ra tòa. Nói cách khác, tiếp cận công lý thường được nhận thức là tiếp cận hệ thống pháp lý chính thống, và người nghèo thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận.

Câu hỏi Thảo luận Chính:

- (i) Những đổi mới chủ chốt nào giúp mở ra tiếp cận tới các hệ thống tư pháp cho các vụ việc môi trường?
- (ii) Những biện pháp đặc biệt nào là cần thiết để tăng cường tiếp cận công lý cho người nghèo, người yếu thế và người dân tộc thiểu số?
- (iii) Bằng cách nào hệ thống tư pháp chính thống có thể công nhận việc giải quyết tranh chấp bằng các cơ chế phi chính thống để tăng cường tiếp cận công lý?

Tăng cường Năng lực Tòa án về Môi trường

Năng lực là khả năng của con người, tổ chức, và xã hội nói chung quản lý thành công các vấn đề của mình.⁷⁵ Tòa án phải luôn có đủ nguồn lực tài chính và nhân sự sẵn sàng để thực thi hiệu quả nhiệm vụ của mình.⁷⁶ Hơn nữa, tòa án cần có những thẩm phán có thể chứng tỏ vai trò lãnh đạo. Tòa án cũng phải tiếp cận được, hoặc có khả năng huy động và quản lý, nguồn lực tài chính thỏa đáng, có thể dự báo và ổn định theo thời gian, cũng như khả năng thu hút và duy trì đủ số lượng thẩm phán có năng lực để thực thi chức trách của mình (chú thích 76). Năng lực này bao gồm kỹ năng chuyên môn, kiến thức và kinh nghiệm, hoặc khả năng có được kỹ năng và kiến thức thông qua đào tạo pháp lý thường xuyên (chú thích 76). Những quy định về năng lực tối thiểu cần được áp dụng đối với tòa án nói chung, và xét tới tính phức tạp của một số vụ việc môi trường, các thẩm phán môi trường cần phải có chuyên môn về luật môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

Đào tạo tư pháp tại châu Á cần có những hình thức đào tạo về luật môi trường được thể chế hóa, cùng với việc đào tạo các kỹ năng tranh tụng và giải quyết tranh chấp môi trường. Chương trình giảng dạy cần được thiết kế cho: (i) thẩm phán đương nhiệm hoặc sinh viên, (ii) đào tạo pháp lý thường xuyên, và (iii) các thẩm phán chuyên biệt về luật môi trường. Ấn Độ, Philippin và Thái Lan đều có các học viện đào tạo tư pháp đảm nhiệm việc đào tạo các thẩm phán dân luật, và tất cả các chương trình đào tạo thể chế hóa cần được tiến hành thông qua các cơ sở này. Các chương trình đào tạo luật môi trường cho thẩm phán cần được thể chế hóa vào trong mạng lưới đào tạo pháp lý hiện thời thông qua các khóa đào tạo thường xuyên và lặp lại, được tiến hành như một phần của cơ chế học tập liên tục chính thống, bao gồm giám sát, đánh giá, phản hồi, và đào tạo lại. Phiên họp này nhằm mục đích tìm hiểu rõ hơn các cơ chế và chương trình đào tạo tư pháp chung hiện đang được triển khai tại Ấn Độ, Philippin và Thái Lan, bên cạnh những hoạt động đào tạo môi trường mà họ đã tiến hành, để thảo luận về các điểm khởi đầu phù hợp cho hoạt động đào tạo tư pháp về tuân thủ và thực thi pháp luật môi trường sau này tại Đông Nam Á. Trong phiên thảo luận này, hội nghị bàn tròn có thể xem xét những thách thức trên thực tế trong việc xây dựng năng lực phán quyết về môi trường tại các tòa án Đông Nam Á, cũng như cách thức giải quyết chúng.

Câu hỏi Thảo luận Chính:

- (i) Có những thành công và thách thức nào mà tòa án các nước đã trải qua trong việc xây dựng năng lực về luật môi trường và tài nguyên thiên nhiên? Các vụ việc về môi trường và tài nguyên thiên nhiên khác biệt như thế nào so với những vụ việc khác?
- (ii) Các yêu cầu đào tạo chung đối với ứng viên thẩm phán mới là gì? Những yêu cầu đào tạo này có bao gồm đào tạo về luật môi trường hay không? Ở mức độ nào và dưới hình thức nào?
- (iii) Hoạt động đào tạo chuyên sâu về luật môi trường nào đang được tiến hành?
- (iv) Có bao nhiêu thẩm phán và/hoặc những người hành nghề luật về môi trường được đào tạo, và họ có đang sử dụng chuyên môn của mình để xét xử các vụ việc về môi trường và tài nguyên thiên nhiên hay không? Tác động của việc đào tạo về luật môi trường được giám sát, đánh giá và đo lường như thế nào?

⁷⁵ ADB đi theo định nghĩa về năng lực của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế. Xem ADB. 2010. *Quản lý nhà nước và chống tham nhũng trong thiết kế dự án (Governance and Anticorruption in Project Design)*. tr.37. Manila.

⁷⁶ K. Mulqueeny. 2010. *Đạt được tiếp cận cho mọi người: Chính sách và quy định về các dịch vụ nước và năng lượng có lợi cho người nghèo (Attaining Access for All: Pro-Poor Policy and Regulation for Water and Energy Services)*. Manila: ADB.

- (v) Có những cơ chế chính thống nào bảo đảm rằng các thẩm phán được đào tạo về môi trường sẽ xét xử các vụ việc về môi trường?
- (vi) Các hoạt động xây dựng mạng lưới và chia sẻ thông tin giữa các tòa án về luật môi trường nào đã được tiến hành?

Tăng sức Chống đỡ trước các Nguy cơ Đe dọa tính Liêm chính

Nhiều trong số những vấn đề môi trường phổ biến thảo luận ở trên có liên quan tới việc thiếu liêm chính, tức là tình trạng tham nhũng, hoặc các tội phạm như khai thác gỗ trái phép, khai thác khoáng sản trái phép, và đánh bắt cá trái phép mà không bị trừng phạt do hàng loạt nguyên nhân gồm cả hối lộ. Sự liêm chính bên trong toàn bộ chuỗi thực thi pháp luật môi trường và trong hệ thống tư pháp nói chung là thiết yếu để bảo đảm thực thi luật pháp môi trường hiệu quả. Công lý sẽ bị đe dọa nếu có tham nhũng ở bất kỳ khâu nào trong các hệ thống này.⁷⁷ Một bộ máy tòa án trong sạch là thiết yếu, song nó cũng gắn liền với hệ thống pháp quyền rộng hơn và bị ảnh hưởng bởi thái độ chung của xã hội đối với liêm chính và tham nhũng (chú thích 77).

Trong một nỗ lực tăng cường tính liêm chính, năm 2000, các thẩm phán cấp cao tại một số quốc gia châu Á và châu Phi đã thành lập Nhóm tư pháp về tăng cường liêm chính tư pháp. Dưới sự bảo trợ của Cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc, Nhóm đã xây dựng Các nguyên tắc Bangalore về ứng xử tư pháp.⁷⁸ Được coi là chuẩn mực quốc tế, các nguyên tắc này nhấn mạnh tính độc lập, vô tư, chính trực, đúng đắn, công bằng, năng lực, và chuyên cần như là các giá trị cốt lõi. Tháng 11 năm 2002, các chánh án thuộc một số hệ thống pháp luật lớn đã nhóm họp tại Hội nghị bàn tròn chánh án tổ chức ở Cung điện Hoà Bình ở thủ đô La-Hay, Hà Lan. Các nguyên tắc này đã nêu rõ những giá trị chuẩn mực và thừa nhận các thẩm phán là nhân tố tích cực trong việc duy trì pháp quyền và bảo đảm một hệ thống tư pháp thúc đẩy tính liêm chính và công bằng.

Câu hỏi Thảo luận Chính:

- (i) Những thách thức và thành công chủ yếu mà tòa án tại các quốc gia khác nhau đã trải qua trong việc thúc đẩy tính liêm chính khi xét xử các vụ việc về môi trường và tài nguyên thiên nhiên? Các vụ việc môi trường và tài nguyên thiên nhiên có khác biệt so với những vụ việc khác hay không?
- (ii) Các thẩm phán có thường xuyên được đề nghị nhận tiền lót tay khi phán quyết những vụ việc về môi trường và tài nguyên thiên nhiên hay không? Các thẩm phán xử trí những đề nghị này như thế nào?
- (iii) Đã có thẩm phán nào báo cáo về những nguy cơ, sự đe dọa, hoặc can thiệp từ khu vực tư nhân hoặc chính phủ liên quan tới kết quả của các vụ việc môi trường hay không? Điều gì đã xảy ra khi họ làm vậy?
- (iv) Các thẩm phán có thể xử lý hữu hiệu nhất những đe dọa đối với tính liêm chính và độc lập như thế nào?

⁷⁷ Transparency International. 2007. *Báo cáo tham nhũng toàn cầu 2007: Tham nhũng trong các hệ thống tư pháp (Global Corruption Report 2007: Corruption in Judicial Systems)*. Báo cáo tóm tắt: Cambridge University Press.

⁷⁸ G. Mayne. 2007. *Liêm chính tư pháp: Khoảng trống trách nhiệm và các nguyên tắc Bangalore (Judicial Integrity: The Accountability Gap and the Bangalore Principles)*. *Báo cáo tham nhũng toàn cầu 2007: Tham nhũng trong các hệ thống tư pháp*. Cambridge: Cambridge University Press.

D. Tầm nhìn chung cho Các chánh án ASEAN về Môi trường

Các quốc gia ASEAN có chung những thách thức về môi trường. Các chánh án và đội ngũ cấp cao của tòa có khả năng xây dựng một tầm nhìn chung để giải quyết những vấn đề luật môi trường chung và các lĩnh vực hợp tác tiềm năng giữa tòa án của các nước ASEAN riêng rẽ.

Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường, một nhóm tiểu vùng của Mạng lưới thẩm phán châu Á về môi trường (AJNE) rộng hơn, được đề xuất tháng 6 năm 2010 tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á. AJNE và Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN có khả năng đóng góp quan trọng cho hội nghị thế giới vào tháng 6 năm 2012.

Về bối cảnh, các chánh án và thẩm phán châu Á tham dự Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á thừa nhận rằng họ thu được rất nhiều điều bổ ích từ việc trao đổi kinh nghiệm và phối hợp cùng nhau. Một số thẩm phán chỉ ra rằng sự gắn kết tư pháp chung giữa họ là rất đặc trưng, và quan hệ nghề nghiệp với các thẩm phán ở những nước khác thường chặt chẽ hơn so với các thẩm phán trong nước khi xét tới các vấn đề chung giữa họ. Nghĩa vụ của tòa án là phải khách quan và công bằng, nên việc phối hợp với các cơ quan khác của chính phủ và người hành nghề trong lĩnh vực pháp lý và môi trường liên quan tới thực thi pháp luật môi trường có thể tạo ra vấn đề tiềm ẩn. Do vậy, có sự công nhận rằng các nhu cầu chuyên môn của bộ máy tòa án cần được chú trọng đặc biệt.

Một chương trình hành động tập thể đã được vạch ra liên quan tới tiếp cận công lý, các tòa án và toà xét xử môi trường, giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, tăng cường năng lực, và thúc đẩy tính liêm chính nhằm đạt được hiệu quả cao hơn trong xét xử các vụ việc môi trường, trong khi thúc đẩy pháp quyền và tiếp cận công lý. Chương trình nghị sự chung này đã chứng kiến các thẩm phán tham gia ủng hộ việc thành lập AJEN để thúc đẩy công lý môi trường.

Trong một bài viết gần đây, chúng tôi đã trích dẫn bảy ý tưởng chủ đạo được đưa ra tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á (chú thích 12). Các yếu tố này là phù hợp để làm cơ sở cho việc tiếp tục hợp tác tư pháp tại Đông Nam Á, nhưng cần có thêm ý kiến đóng góp của các chánh án về việc làm sao để nó phù hợp nhất.

Thứ nhất, việc chia sẻ kinh nghiệm đơn thuần về các hành động hiện thời, những vấn đề và thách thức chung sẽ là một bước khởi đầu quan trọng. Các cuộc họp định kỳ sáu tháng là lý tưởng, để các thẩm phán chia sẻ kinh nghiệm quốc gia về các bài học thành công và thách thức, đặt ra mục tiêu và thời gian biểu cho các mốc then chốt trong tương lai, và xem xét trách nhiệm đối với các mục tiêu đề ra. Việc tiếp tục trao đổi thông tin giữa các lần họp là rất quan trọng, và điều này có thể được thực hiện thông qua trao đổi điện tử, ví dụ như một cổng internet bảo mật tương tự như Cổng tư pháp UNEP–Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế. Một mảng riêng của ASEAN có thể được đưa vào trong cổng thông tin này nếu các tòa án Đông Nam Á yêu cầu.

Thứ hai, AJNE có thể triển khai rộng rãi các nguồn lực và tài liệu đào tạo về luật môi trường. Vô số tài liệu về luật môi trường và hoạt động đào tạo từ UNEP, ADB, TRAFFIC, và US EPA đã được xây dựng và AJNE có thể là đầu mối trung tâm trao đổi tất cả các tài liệu này. Các tài liệu của ASEAN tập trung vào những vấn đề môi trường Đông Nam Á có thể được đưa vào nếu các chánh án yêu cầu.

Thứ ba, AJNE cũng có thể tập trung sự hỗ trợ của các nhà tài trợ. Một chương trình nghị sự khu vực chung có thể khuyến khích các nhà tài trợ triển khai hỗ trợ kỹ thuật để điều phối sát sao hơn, nhằm bảo đảm rằng các nguồn lực khan hiếm được sử dụng hiệu quả nhất mà không bị trùng lặp. Các nhà tài trợ khác nhau có những lợi thế so sánh khác nhau. Các nước đang phát triển sẽ có lợi khi các nhà tài trợ tận dụng những thế mạnh này. Việc phối hợp và thống nhất các mối quan tâm của nhà tài trợ cũng có lợi cho các quốc gia Đông Nam Á.

Thứ tư, AJNE và một nhóm tiểu vùng ASEAN có thể tạo thuận lợi cho việc hợp tác xuyên lục địa với các mạng lưới tương tự, ví dụ như Diễn đàn thẩm phán châu Âu về môi trường, để chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi những thông lệ tốt nhất giữa các châu lục.

Thứ năm, AJNE có thể là một cách thức để tăng cường hợp tác tiểu vùng. Ở một khu vực rộng lớn như châu Á, AJNE sẽ là công cụ để thúc đẩy các hoạt động cụ thể ở cấp độ quốc gia và tiểu vùng. ASEAN và các hội nghị bàn tròn tiểu vùng Nam Á có thể truyền cảm hứng cho các chánh án để thuyết phục những người hành nghề luật tại khu vực của họ xây dựng các chương trình nghị sự tiểu vùng chung trong một nhóm quốc gia có bối cảnh tương tự nhau.

Thứ sáu, AJNE có thể là nơi thúc đẩy hoạt động trao đổi song phương tích cực hơn, trong khi hội nghị bàn tròn chánh án ASEAN giúp tập trung trao đổi những vấn đề phù hợp nhất đối với các tòa án Đông Nam Á. Ví dụ, tháng 12 năm 2009, đoàn thẩm phán Ấn Độ đã tới thăm các tòa án Thái Lan và Philippin để tìm hiểu về các tòa án môi trường và chuyên môn hóa tư pháp về môi trường. Hơn nữa, AECEN đã kết nối các thẩm phán Tòa án tối cao Thái Lan với đồng sự của họ tại Tòa môi trường và đất đai New South Wales ở Ôxtrâyliya trong một chương trình kép nhằm hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực luật môi trường.

Cuối cùng, nhiều nước châu Á có diện tích rất rộng lớn. AJNE sẽ chỉ phát huy hiệu quả ở cấp độ khu vực và ASEAN nếu nó thúc đẩy các mạng lưới thẩm phán quốc gia về môi trường tại các nước châu Á có diện tích lớn. Một mạng lưới khu vực có thể giúp một nhóm thẩm phán tham gia học hỏi và tích lũy các giá trị và ý tưởng, song quan trọng hơn, các thẩm phán này phải chia sẻ rộng rãi các ý tưởng và giá trị này tại nước mình. Như vậy, một mạng lưới tiểu vùng cần phải thúc đẩy những người lãnh đạo trong nước đi đầu và đẩy mạnh chương trình quốc gia cho các thẩm phán và toàn bộ ngành luật nói chung. Làm việc trong hội nghị bàn tròn chánh án ASEAN có thể truyền cảm hứng cho ngành luật và các tác nhân khác liên quan tới chuỗi thực thi pháp luật môi trường bên trong từng quốc gia Đông Nam Á. Các chánh án và thẩm phán cấp cao đóng vai trò then chốt trong việc cải tiến thực thi pháp luật môi trường, không chỉ thông qua hành động trực tiếp của họ trong việc đưa ra các phán quyết về môi trường, xây dựng hệ thống diễn giải và áp dụng pháp luật môi trường hay thành lập các tòa án môi trường, mà còn bởi việc cổ vũ và định hướng những người còn lại trong ngành luật hướng tới các hệ thống pháp quyền đáng tin cậy, chính trực và thúc đẩy sự bền vững môi trường.

Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN, với ý nghĩa là sự nhóm họp tiểu vùng, tập trung trực tiếp hơn vào những điểm chung trong các thách thức mà các quốc gia Đông Nam Á đang phải đối mặt—những thách thức mà thậm chí còn gắn kết chặt chẽ hơn so với trong mạng lưới AJNE. Tại hội nghị bàn tròn, đoàn đại biểu Jakarta được yêu cầu cân nhắc các mục tiêu hợp tác trong tương lai và những lợi ích của việc duy trì Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN, và lý tưởng là thống nhất về một tầm nhìn chung cho con đường phía trước.

Phụ lục 2

Chương trình Hội nghị

Thứ hai, ngày 5 tháng 12 năm 2011

6h–8h tối **Tiệc chiêu đãi chào mừng**, Thamrin Room, tầng 3, Khách sạn Mandarin Oriental, Tòa án tối cao Indônêxia, chủ trì

Ngày 1: ngày 6 tháng 12 năm 2011, Diponegoro Room, tầng 3, Khách sạn Mandarin Oriental Hotel

8:00 Đăng ký đại biểu

Phiên họp sáng

Chủ tọa phiên họp sáng: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

8:30 **Phiên khai mạc**

- **Phát biểu khai mạc và chào mừng**, Ngài Widayatno Sastro Hardjono, Phó Chánh án về phát triển, Tòa án tối cao Indônêxia
- **Phát biểu chào mừng**, Jon Lindborg, Giám đốc quốc gia, Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
- **Phát biểu chào mừng**, TS. Bakary Kante, Giám đốc, Vụ luật pháp và công ước môi trường, Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP)

8:50 **Phát biểu chính thứ nhất:** Chương trình chứng nhận tư pháp môi trường của Indônêxia

- TS. Harifin A. Tumpa, Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

Giới thiệu Các đại biểu

Chủ tọa phiên họp sáng sẽ yêu cầu từng thành viên của các đoàn đại biểu giới thiệu về bản thân.

9:10 **Đông Nam Á: Hiện trạng môi trường** (video) nhan đề *Cứu lấy kho báu thiên nhiên của ASEAN*

9:40 **Tổng quan: Hình dung 2020: Công lý, Quản trị Nhà nước và Pháp quyền vì Sự bền vững Môi trường**

- Dr. Kala Mulqueeny, Luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật, ADB

Phát biểu Giới thiệu của từng Trưởng đoàn

Từng trưởng đoàn đại biểu sẽ được yêu cầu chia sẻ những nhận định về hiện trạng môi trường và/hoặc hệ thống áp dụng pháp luật môi trường tại nước mình, cũng như những nội dung mà họ muốn đưa ra và tập trung thảo luận tại hội nghị bàn tròn (mỗi đoàn 10 phút)

10:00

Nghỉ giải lao

10:30

Hợp tác Khu vực ASEAN về Môi trường

- Ilyas Asaad, Thứ trưởng phụ trách truyền thông và sự tham gia của công chúng về môi trường, Bộ môi trường Indônêxia

Diễn giả nguồn sẽ trình bày bối cảnh hợp tác ASEAN về môi trường cho tới nay để các đại biểu nắm được thông tin cơ bản.

12:30

Nghỉ ăn trưa, Imam Bonjol Room, tầng 3, Khách sạn Mandarin Oriental

Phát biểu chính thứ hai: Thách thức Luật Môi trường ASEAN và Vai trò của Tòa án: Biến đổi Khí hậu

Giáo sư TS. Emil Salim, Chủ tịch, Ủy ban cố vấn cho tổng thống Indônêxia và chuyên gia về phát triển bền vững

Phiên họp buổi chiều

Chủ tọa phiên họp chiều: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

14:00

Phiên họp 1: Thách thức chung Đối với Các quan tòa ASEAN: Những thách thức Chủ yếu về Pháp lý và Bằng chứng trong Phán quyết Các vụ việc Môi trường

Chủ trì phiên họp: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp: Mas Achmad Santosa, Thành viên, Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (Nhóm đặc trách của Tổng thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp); Chuyên gia về quản trị và luật môi trường; và Cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách xã hội về tư pháp, pháp lý và nhân quyền, UNDP-Indônêxia

Người điều khiển sẽ chia sẻ những vấn đề chủ yếu về pháp lý và bằng chứng được xác định trong Tuyên bố thẩm phán châu Á, nhất trí tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á 2010, bao gồm:

- quyền trình bày trước tòa và vai trò của các nguyên đơn trong các vụ kiện môi trường vì lợi ích công;
- trách nhiệm chứng minh và nguyên tắc phòng ngừa;
- bằng chứng khoa học và chuyên môn;
- đánh giá tổn thất và xác định các biện pháp khắc phục, và liệu các biện pháp đặc biệt có phù hợp và có thể được áp dụng hay không;
- chế tài và hình phạt;
- chậm trễ và khối lượng vụ việc của tòa; và
- thực thi các phán quyết tư pháp.

Các đoàn đại biểu sẽ nêu quan điểm về việc liệu đây có phải những thách thức cơ bản về pháp lý và bằng chứng của họ khi xét xử các vụ việc môi trường hay không, và có thêm các thách thức nào khác hay không. Những vấn đề này sẽ tiếp tục được thảo luận khi xem xét các nghiên cứu tình huống về thách thức luật môi trường ASEAN.

14:45

Phiên họp 2: Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 1: Phá rừng và Khai thác gỗ Trái phép

Chủ trì phiên họp: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp: TS. Tint Lwin Thaung, Giám đốc điều hành RECOFTC—Trung tâm con người và rừng

- **Indônêxia**
 - Ngài Djoko Sarwoko, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia
- **Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Lao PDR)**
 - Ngài Khampha Sengdara, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào
- **Malaixia**
 - Ngài YAA Tan Sri Arifin Zakaria, Chánh án, Tòa án tối cao Malaixia
- **Hỏi–Đáp, Thảo luận**

Người điều khiển cần định hình các vấn đề. Mỗi trong số ba đại biểu trình bày sẽ chia sẻ các vấn đề tiềm tàng liên quan tới luật pháp và thực thi pháp luật lâm nghiệp tại nước mình, cụ thể là liên quan tới thương tôn pháp luật và những thách thức mà tòa án của họ phải đối mặt khi xét xử các vụ việc này. Sau đó, các đại biểu khác sẽ nhận xét về kinh nghiệm của họ hoặc đưa ra câu hỏi.

15:30

Nghỉ giải lao

15:45

Phiên họp 3: Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 2: Đa dạng Sinh học và Buôn bán Trái phép Động, Thực vật Hoang dã

Chủ trì phiên họp: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp:

- **Clarissa C. Arida**, Giám đốc, Ban phát triển và thực thi chương trình, Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN;
- **Azrina Abdullah**, nguyên Tư vấn xã hội cấp cao, Giám đốc khu vực và Quản lý tài nguyên môi trường, Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã TRAFFIC—Đông Nam Á
- **Thái Lan**
 - Kidngarm Kongtrakul Li, Thẩm phán nghiên cứu hỗ trợ, Tòa án tối cao Thái Lan,
- **Mianma**
 - Ngài Mya Thein, Thẩm phán, Tòa án tối cao Liên bang Mianma

- **Việt Nam**

- Đặng Xuân Đào, Chánh án Tòa kinh tế, Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam

- **Hỏi–Đáp, Thảo luận**

Những người điều khiển chủ đề về đa dạng sinh học và về loài hoang dã sẽ định hình các vấn đề. Mỗi trong số ba đại biểu trình bày sẽ chia sẻ các vấn đề tiềm ẩn liên quan tới luật pháp và thực thi luật pháp về đa dạng sinh học và các loài hoang dã tại nước mình, cụ thể là liên quan tới sự thượng tôn pháp luật và những thách thức mà tòa án của họ phải đối mặt khi xét xử các vụ việc này. Sau đó, người chủ trì phiên họp sẽ yêu cầu các đại biểu khác đưa ra nhận xét về kinh nghiệm của họ hoặc đưa ra câu hỏi, và những người điều khiển sẽ hỗ trợ người chủ trì phiên họp điều khiển phần thảo luận về các vấn đề tương ứng.

16:30

**Phiên họp 4: Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 3:
Tàn phá Đại dương, Đánh bắt cá Tráiphép và Ô nhiễm biển**

Chủ trì phiên họp: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp:

- Nazir Foead, Giám đốc Bảo tồn, Quỹ quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên
- Antonio Oposa, Chủ tịch, Quỹ luật Tự nhiên và là người đạt Giải thưởng Ramon Magsaysay;

- **Indônêxia**

- Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

- **Hỏi–Đáp, Thảo luận**

Những người điều khiển sẽ định hình các vấn đề và chia sẻ kinh nghiệm của họ về việc đánh bắt cá tráiphép và các hoạt động khai thác biển. Indônêxia sẽ chia sẻ các vấn đề tiềm tàng liên quan tới luật pháp và thực thi luật pháp về ngư nghiệp và bảo tồn biển của nước này, cụ thể là liên quan tới sự thượng tôn pháp luật và những thách thức mà tòa án phải đối mặt khi xét xử các vụ việc này. Sau đó, người chủ trì phiên họp sẽ yêu cầu các đại biểu khác đưa ra nhận xét về kinh nghiệm của họ hoặc đưa ra câu hỏi, và những người điều khiển sẽ hỗ trợ người chủ trì phiên họp điều khiển phần thảo luận về các vấn đề tương ứng.

17:15

Tổng kết ngày thứ nhất

- Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

17:30

Chụp ảnh và kết thúc ngày thứ nhất

18:30

Ăn tối, Imam Bonjol Room, tầng 3, Khách sạn Mandarin Oriental

Ngày 2: Thứ tư, ngày 7 tháng 12 năm 2011: Diponegoro Room, tầng 3, Khách sạn Mandarin Oriental

Phiên họp sáng

Chủ tọa phiên họp sáng: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

9:00

Phiên họp 5: Cải cách tư pháp để đáp ứng những thách thức môi trường: Thể chế hóa chuyên môn về môi trường thông qua việc chuyên môn hóa và các tòa án môi trường

Chủ trì phiên họp: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp: **Wanhua Yang**, Cán bộ phụ trách về Luật môi trường, Văn phòng châu Á - Thái Bình Dương, UNEP

- **Philippines**

- **Presbitero J. Velasco Jr.**, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Philippin

- **Indônêxia**

- **Paulus E. Lotulung**, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

- **Thái Lan**

- **Winai Ruangsri**, Thẩm phán nghiên cứu cấp cao, Tòa án tối cao Thái Lan

Người điều khiển sẽ giới thiệu và định hình các vấn đề chính yếu. Mỗi người trình bày sẽ chia sẻ cách tiếp cận của Tòa án tối cao trong việc thể chế hóa chuyên môn môi trường: Thái Lan (các ban môi trường và Tòa phúc thẩm môi trường), Philippin (các tòa sơ thẩm môi trường), Indônêxia (chứng nhận thẩm phán môi trường).

9:45

Phiên họp 6: Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 4: Quy hoạch Phát triển và Đánh giá Tác động Môi trường

Chủ trì phiên họp: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp:

- **Patricia Moore**, Chuyên gia luật quốc tế, nguyên Giám đốc Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á), Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN)

- **Rosa Vivien Ratnawati**, Giám đốc, Cơ quan môi trường Tenggara Nusa và Bali, Bộ môi trường Indônêxia

- **Malaisia**

- **YA Tan Sri Abdull Hamid Embong**, Thẩm phán, Tòa án Liên bang Malaisia

- **Thái Lan**

- **Maneewon Phromnoi**, Thẩm phán, Tòa hành chính tối cao Thái Lan

Những người điều khiển sẽ giới thiệu và định hình các vấn đề chủ yếu liên quan tới quy hoạch và đánh giá tác động môi trường tại các nước ASEAN, và các đoàn đại biểu sẽ chia sẻ kinh nghiệm của họ.

- 10:30 **Nghỉ giải lao**
- 10:45 **Phiên họp 7: Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 5: Nước ngọt, Ô nhiễm, Lũ lụt và Khí hậu**
- Chủ trì phiên họp: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia
- Điều khiển phiên họp: Thomas Robert Panella, Chuyên gia chính về tài nguyên nước, Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia, ADB
- **Philippines**
 - Presbitero J. Velasco Jr., Phó Chánh án, Tòa án tối cao Philippin
 - **Thái Lan**
 - Prapot Klaisuban, Thẩm phán, Tòa hành chính trung ương Thái Lan
 - **Hỏi-Đáp, Thảo luận**

Người điều khiển sẽ giới thiệu và định hình các vấn đề chủ yếu liên quan tới nước ngọt và ô nhiễm nước tại các quốc gia ASEAN. Philippin sẽ chia sẻ kinh nghiệm của Tòa án tối cao trong việc làm sạch ô nhiễm nguồn nước bằng cách thảo luận một phán quyết bước ngoặt của Philippin trong vụ Vịnh Manila. Các đại biểu khác sẽ được yêu cầu nhận xét và chia sẻ kinh nghiệm của họ—thành công hoặc thách thức—để đi tới một tầm nhìn về vai trò của tòa án trong việc góp phần giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường nước.
- 11:30 **Phiên họp 8: Thách thức Luật Môi trường ASEAN số 6: Đô thị hóa và Ô nhiễm Không khí**
- Chủ trì phiên họp: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia
- Điều khiển phiên họp: Simon Tay, Chủ tịch, Viện các vấn đề quốc tế của Xingapo và Tư vấn cấp cao, Quý đối tác Wong
- **Xingapo: Ma trận Thành phố Xanh sạch của Xingapo: Động lực Xingapo về Quản lý Nhà nước, Chính sách Xã hội, Luật pháp và Thực thi Luật pháp**
 - Philip Nalliah Pillai, Thẩm phán, Tòa án tối cao Xingapo
 - **Campuchia**
 - Kim Sathavy, Thẩm phán, Tòa án tối cao Campuchia
 - **Hỏi-Đáp, Thảo luận**

Người điều khiển sẽ định hình nội dung thảo luận. Các Tòa án tối cao Xingapo và Campuchia sẽ chia sẻ những cách tiếp cận tương ứng. Các đại biểu khác sẽ được yêu cầu nhận xét và chia sẻ kinh nghiệm của họ—thành công hoặc thách thức—để đi tới một tầm nhìn về vai trò của tòa án trong việc góp phần giải quyết các vấn đề ô nhiễm.
- 12:15 **Ăn trưa, Imam Bonjol Room, tầng 3, Khách sạn Mandarin Oriental**

Phiên họp buổi chiều

Chủ tọa phiên họp chiều: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

14:00 **Phiên họp 9: Thách thức chung Đối với Các quan tòa ASEAN: Các vấn đề Chủ yếu về Năng lực và Quản lý Nhà nước**

Chủ trì phiên họp: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp: Patricia Moore, Chuyên gia luật quốc tế, nguyên Giám đốc, Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á), IUCN

Trong phiên họp này, người chủ trì và điều khiển sẽ định hình các vấn đề chủ yếu về năng lực và quản lý nhà nước được xác định trong Tuyên bố thẩm phán châu Á—được nhất trí tại Hội nghị chuyên đề thẩm phán châu Á 2010—như là những thách thức đối với các thẩm phán châu Á. Chúng bao gồm:

- năng lực và kiến thức cơ bản của các tòa cấp dưới về luật môi trường;
- các vấn đề về quản lý nhà nước chung và tính liên chính trong chuỗi thực thi pháp luật môi trường;
- thiếu các vụ việc về môi trường; và
- các quy trình đào tạo tư pháp, và liệu có thể đưa vào luật môi trường và bằng cách nào.

Từng đoàn đại biểu sẽ được yêu cầu chia sẻ kinh nghiệm về các vấn đề chủ yếu về năng lực và quản lý nhà nước khi xét xử các vụ việc môi trường, và liệu có thêm những vấn đề nào không. Một thông điệp qua video về những sáng tạo của tòa cấp dưới trong luật môi trường sẽ được trình chiếu.

- Adalberto Carim Antonio, Thẩm phán sơ thẩm, Tòa các vấn đề môi trường và nông nghiệp bang Amazonas, trình bày qua video về kinh nghiệm của một tòa môi trường cấp sơ thẩm

15:30 **Nghỉ giải lao**

15:50 **Phiên họp 10: Hội nghị Thế giới của UNEP về Tư pháp, Quản lý Nhà nước và Luật pháp vì Sự bền vững Môi trường: Vai trò của Tòa án**

Chủ trì phiên họp: Giáo sư Paulus E. Lotulung, Phó Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

- TS. Bakary Kante, Giám đốc, Vụ luật pháp và công ước môi trường, UNEP

16:00 **Phiên họp 11: Tầm nhìn ASEAN về Tư pháp, Quản lý Nhà nước và Pháp quyền vì Sự bền vững Môi trường do Các chánh án ASEAN Lãnh đạo**

Chủ trì phiên họp: Ngài Takdir Rahmadi, Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia

Điều khiển phiên họp:

- Ngài Widayatno Sastro Hardjono, Phó chánh án về phát triển, Tòa án tối cao Indônêxia
- Mas Achmad Santosa, Thành viên, Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (Nhóm đặc trách của Tổng

thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp); Chuyên gia về quản trị và luật môi trường; và Cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách xã hội về tư pháp, pháp lý và nhân quyền, UNDP–Indônêxia

- **TS. Kala Mulqueeny**, Luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật, ADB
- **Ngài Antonio Benjamin**, Thẩm phán, Tòa án tối cao Braxin, thông điệp qua video về Vai trò của tòa án trong bảo vệ môi trường

- **Hỏi–Đáp, Thảo luận**

- **Tuyên bố của Hội nghị Bàn tròn Chánh án ASEAN**

- **Thảo luận về Dự thảo Tầm nhìn chung**

Những người điều khiển sẽ giải thích các mục tiêu của phiên họp này, gồm cả việc tổng hợp những thách thức chung và các lĩnh vực hợp tác tiềm năng trước đây, và chia sẻ chương trình hiện nay về Mạng lưới thẩm phán châu Á về môi trường. Các đại biểu sẽ thảo luận các mục tiêu hợp tác trong tương lai và lợi ích của việc duy trì Hội nghị bàn tròn Chánh án châu Á về môi trường. Từng trưởng đoàn sẽ được yêu cầu phát biểu quan điểm.

17:30

Phát biểu Bế mạc

- **TS. Bakary Kante**, Giám đốc, Vụ luật pháp và công ước môi trường, Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP)
- **TS. Kala Mulqueeny**, Luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật, ADB
- **TS. Harifin A. Tumpa**, Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia

Phụ lục 3

Danh sách Đại biểu nguồn

Tên chuyên gia	Chức vụ, Cơ quan
Abdullah, Azrina	Nguyên Tư vấn xã hội cấp cao, Giám đốc khu vực và Quản lý tài nguyên môi trường, Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã TRAFFIC - Đông Nam Á
Antonio, Adalberto Carim	Thẩm phán, Tòa án các vấn đề môi trường và nông nghiệp, bang Amazonas, Braxin
Arida, Clarissa C.	Giám đốc, Ban phát triển và thực thi chương trình, Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN
Asaad, Ilyas	Thứ trưởng phụ trách truyền thông và tham gia của công chúng về môi trường, Bộ môi trường Ấn Độ
Benjamin, Antonio Herman	Thẩm phán, Tòa án tối cao Braxin
Đặng Xuân Đào	Chánh án Tòa kinh tế, Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam
Embong, YA Tan Sri Abdull Hamid	Thẩm phán, Tòa án Liên bang Malaixia
Foad, Nazir	Giám đốc bảo tồn, Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên
Hardjono, Widayatno Sastro	Phó Chánh án về phát triển, Tòa án tối cao Ấn Độ
Kante, Bakary	Giám đốc, Vụ luật pháp và công ước môi trường, Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc (UNEP)
Klaisuban, Prapot	Thẩm phán, Tòa hành chính trung ương Thái Lan
Li, Kidngarm Kongtrakul	Thẩm phán nghiên cứu hỗ trợ, Tòa án tối cao Thái Lan
Lindborg, Jon	Giám đốc quốc gia, Cơ quan đại diện thường trú Ấn Độ, ADB
Lotulung, Paulus	Phó Chánh án, Tòa án tối cao Ấn Độ
Moore, Patricia	Chuyên gia luật quốc tế và nguyên Giám đốc Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á), Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN)
Mulqueeny, Kala	Luật sư cấp cao, Văn phòng Tư vấn luật, ADB
Oposa, Antonio	Chủ tịch, Quỹ luật tự nhiên và là người đạt giải thưởng Ramon Magsaysay
Panella, Thomas Robert	Chuyên gia chính về tài nguyên nước, Cơ quan đại diện thường trú Ấn Độ, ADB
Phromnoi, Maneewon	Thẩm phán, Tòa hành chính tối cao Thái Lan
Pillai, Philip Nalliah	Thẩm phán, Tòa án tối cao Xingapo

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

Tên chuyên gia	Chức vụ, Cơ quan
Rahmadi, Takdir	Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia
Ratnawati, Rosa Vivien	Giám đốc, Cơ quan môi trường Tengarra Nusa và Bali, Bộ môi trường Indônêxia
Ruangsi, Winai	Thẩm phán nghiên cứu cấp cao, Tòa án tối cao Thái Lan
Salim, Emil	Chủ tịch, Ủy ban cố vấn cho tổng thống Indônêxia và Chuyên gia về phát triển bền vững
Santosa, Mas Achmad	Thành viên, Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (Nhóm đặc trách của Tổng thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp); Chuyên gia về quản trị và luật môi trường; Cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách xã hội về tư pháp, pháp lý và nhân quyền, UNDP-Indônêxia
Sarwoko, Djoko	Thẩm phán, Tòa án tối cao Indônêxia
Sathavy, Kim	Thẩm phán, Tòa án tối cao Campuchia
Sengdara, Khampha	Phó Chánh án, Tòa án tối cao Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào
Tay, Simon	Chủ tịch, Viện các vấn đề quốc tế của Xingapo và Tư vấn cấp cao, Quỹ đối tác Wong
Thuang, Tint Lwin	Giám đốc điều hành, RECOFTC - Trung tâm con người và rừng
Thein, H.E. Mya	Thẩm phán, Tòa án tối cao Liên bang Mianma
Tumpa, Harifin	Chánh án, Tòa án tối cao Indônêxia
Velasco Jr., Presbitero J.	Phó Chánh án, Tòa án tối cao Philippin
Yang, Wanhua	Cán bộ phụ trách về Luật môi trường, Văn phòng châu Á - Thái Bình Dương, UNEP
Zakaria, Arifin	Chánh án, Tòa án tối cao Malaixia

Phụ lục 4

Danh sách Đại biểu Tham dự

Quốc gia/Tổ chức	Đại biểu
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Jon Lindborg Giám đốc quốc gia Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia jlindborg@adb.org
	Thomas Robert Panella Chuyên gia chính về tài nguyên nước Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia tpanella@adb.org
	Mohammed Nasimul Islam Chuyên gia tài nguyên nước Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia mnislam@adb.org
	Ayun Sundari Chuyên gia quan hệ đối ngoại cấp cao Cơ quan đại diện thường trú Indônêxia asundari@adb.org
	Kala Mulqueeny Luật sư cấp cao Văn phòng Tư vấn luật kmulqueeny@adb.org
	Irum Ahsan Luật sư Văn phòng Tư vấn luật iahsan@adb.org
	Sherielysse Bonifacio Trợ lý nghiên cứu pháp lý (Tư vấn) Văn phòng Tư vấn luật sbonifacio.consultant@adb.org
	Patricia Moore Tư vấn, chuyên gia luật quốc tế, nguyên Giám đốc Chương trình luật môi trường khu vực (châu Á) và Nhóm các hệ sinh thái và sinh kế (châu Á), Liên minh bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) patti.moore@gmail.com

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

Quốc gia/Tổ chức	Đại biểu
Brazil	Antonio Benjamin (via video) Thẩm phán Tòa án tối cao Braxin
	Adalberto Carim Antonio (via video) Thẩm phán sơ thẩm Tòa các vấn đề môi trường và nông nghiệp, bang Amazonas
Campuchia	Kim Sathavy Thẩm phán Tòa án tối cao
Indônêxia	Harifin A. Tumpa Chánh án Tòa án tối cao
	Widayatno Sastro Hardjono Phó Chánh án về phát triển Tòa án tối cao
	Paulus E. Lotulung Phó Chánh án Tòa án tối cao
	Takdir Rahmadi Thẩm phán Tòa án tối cao
	Djoko Sarwoko Thẩm phán Tòa án tối cao
	Bambang H. Mulyono Trợ lý Phó Chánh án về các vấn đề ngoài tòa án Tòa án tối cao
	Balthasar Kambuaya Bộ trưởng môi trường
	Ilyas Asaad Thứ trưởng phụ trách truyền thông và tham gia của công chúng về môi trường Bộ môi trường
	Sudariyono Thứ trưởng phụ trách bảo tồn môi trường Bộ môi trường
	Rosa Vivien Ratnawati Giám đốc Cơ quan môi trường Tengarra Nusa và Bali Bộ môi trường

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

Quốc gia/Tổ chức	Đại biểu
Indônêxia	<p>Cisilia Sulastri Trợ lý Bộ trưởng Bộ môi trường</p> <p>Emil Salim Chủ tịch, Ủy ban cố vấn cho tổng thống và Chuyên gia về phát triển bền vững</p> <p>Henri Subagiyo Trung tâm luật môi trường Indônêxia</p> <p>Haryani Turnip Trung tâm luật môi trường Indônêxia</p> <p>Windu Kisworo Trung tâm luật môi trường Indônêxia và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p> <p>Prayekti Murharjanti Trung tâm luật môi trường Indônêxia và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p> <p>Rino Subagyo Trung tâm luật môi trường Indônêxia và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p> <p>Dyah Paramita Trung tâm luật môi trường Indônêxia</p> <p>Feby Ivalerina Trung tâm luật môi trường Indônêxia</p> <p>Nommy Siahaan Chánh án Tòa thượng thẩm Palangkaraya</p> <p>Yodi Martono Wahyunadi Chánh án Tòa hành chính nhà nước Jakarta</p> <p>Minanoer Rachman Chánh án Tòa án quận Tuban</p> <p>Prim Haryadi Chánh án Tòa án quận Depok</p> <p>Catur Iriantoro Chánh án Tòa án quận Cianjur</p> <p>lim Nurohim Chánh án Tòa án quận Garut</p>

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

Quốc gia/Tổ chức	Đại biểu
Indônêxia	<p>Djoni Witanto Chánh án Tòa án quận Tembilahan</p>
	<p>Arifin Marpaung Thẩm phán Tòa hành chính nhà nước tối cao</p>
	<p>Andriani Nurdin Thẩm phán Tòa thượng thẩm</p>
	<p>Agus Subroto Thẩm phán Tòa thượng thẩm</p>
	<p>Marsudin Nainggolan Thẩm phán Tòa án quận trung tâm Jarkata</p>
	<p>Sugeng Riyono Chánh án, Tòa án quận Gampengrejo và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p>
	<p>TS. Abdullah Chánh án, Tòa án quận Pasuruan và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p>
	<p>Boniarti Kalalande Thẩm phán và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p>
	<p>Fifiek Woelandara Mulyana Chuyên gia đào tạo tư pháp/ Chuyên gia cải cách tư pháp, Văn phòng Nhóm cải cách tư pháp và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p>
	<p>Wiwiek Awiati Cố vấn cải cách, Văn phòng Nhóm cải cách tư pháp và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p>
	<p>Aria Suyudi Điều phối viên, Văn phòng Nhóm cải cách tư pháp và Thành viên, Nhóm công tác về chứng nhận thẩm phán môi trường</p>
	<p>Lucas Prakoso Ban tổ chức</p>
	<p>Edward Simarmata Ban tổ chức</p>
<p>Sri Suryati Ban tổ chức</p>	

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

Quốc gia/Tổ chức	Đại biểu
Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Khampha Sengdara Phó Chánh án Tòa án tối cao
	Khamxay Chittakone Thẩm phán cấp cao Tòa án tối cao
	Sengsouvanh Chanthalonnavong Thẩm phán Tòa án tối cao
Malaixia	YAA Tan Sri Arifin Zakaria Chánh án Tòa án tối cao
	Tan Sri Abdull Hamid Embong Thẩm phán Tòa án liên bang
	Nurul Husna Awang Thư ký Tòa án tối cao
	Zananah Asudin Phái đoàn thường trực Malaixia tại ASEAN
	Farah Rakesh Phái đoàn thường trực Malaixia tại ASEAN
Mianma	H.E. Mya Thein Thẩm phán Tòa án tối cao
Philippines	Presbitero J. Velasco, Jr. Phó Chánh án Tòa án tối cao
Xingapo	Philip Nalliah Pillai Thẩm phán Tòa án tối cao
	Terence Tan Thư ký Tòa án tối cao
	Simon Tay Chủ tịch, Viện các vấn đề quốc tế của Xingapo và Tư vấn cấp cao, Quỹ đối tác Wong
Thái Lan	Winai Ruangsri Thẩm phán nghiên cứu cấp cao Tòa án tối cao
	Maneewan Phromnoi Thẩm phán Tòa hành chính tối cao

tiếp theo trang sau

Bảng tiếp theo

Quốc gia/Tổ chức	Đại biểu
	<p>Prapot Klaisuban Thẩm phán Tòa hành chính trung ương</p> <p>Kidngarm Kongtrakul Li Thẩm phán nghiên cứu hỗ trợ Tòa án tối cao</p>
Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc	<p>Mas Achmad Santosa Thành viên, Nhóm đặc trách của Tổng thống về bài trừ tham nhũng trong hệ thống pháp lý (Nhóm đặc trách của Tổng thống phòng chống tình trạng mafia trong tư pháp); Chuyên gia về quản trị và luật môi trường; Cố vấn cấp cao cho chương trình cải cách xã hội về tư pháp, pháp lý và nhân quyền, UNDP–Indônêxia</p>
Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc	<p>Bakary Kante Giám đốc Vụ luật pháp và công ước môi trường</p> <p>Wanhua Yang Cán bộ phụ trách Luật môi trường ở Văn phòng châu Á - Thái Bình Dương</p>
Việt Nam	<p>Đặng Xuân Đào Chánh án, Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao</p> <p>Ha Tuan Hiep Phiên dịch Tòa án nhân dân tối cao</p>
Các cơ quan/ Thể chế đối tác khác	<p>Clarissa C. Arida Giám đốc Ban phát triển và thực thi chương trình Trung tâm đa dạng sinh học ASEAN</p> <p>Fitri Nisa ASEAN-WEN / Quỹ FREELAND</p> <p>Sony Noulan Chương trình hỗ trợ đào tạo điều tra hình sự quốc tế</p> <p>Tony Oposa Chủ tịch Quỹ luật tự nhiên</p> <p>Tint Lwin Thuang Giám đốc điều hành RECOFTC–Trung tâm con người và rừng</p> <p>Azrina Abdullah Nguyên Tư vấn xã hội cấp cao, Giám đốc khu vực và Quản lý tài nguyên môi trường, Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã TRAFFIC–Đông Nam Á</p> <p>Nazir Foad Giám đốc bảo tồn Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên</p>

Phụ lục 5

Tầm nhìn chung về Môi trường cho Các tòa án ASEAN

Hội nghị bàn tròn Chánh án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) về môi trường, diễn ra tại Jakarta từ ngày 5 tới 7 tháng 12 năm 2011, đã quy tụ các chánh án và những người được họ đề cử từ các tòa án cấp cao nhất của Campuchia, Ấn Độ, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Malaixia, Philippin, Xingapo, Thái Lan và Việt Nam, với sự hỗ trợ của Tòa án tối cao Ấn Độ, Ngân hàng Phát triển Châu Á, và Chương trình môi trường Liên Hợp Quốc.

ASEAN đối diện với những thách thức môi trường chung đòi hỏi quản trị nhà nước hữu hiệu để giải quyết. Nền tảng của quản trị nhà nước hữu hiệu là pháp quyền. Các chánh án và tòa án cấp cao là những thể chế chuyên biệt của chính quyền đảm nhiệm vai trò người cố vấn và bảo vệ pháp quyền. Các đại biểu tham dự nhất trí với tuyên bố về tầm nhìn (dưới đây), với việc xây dựng một kế hoạch hành động thúc đẩy công lý, quản trị nhà nước, pháp quyền và phát triển bền vững tại các nước ASEAN.

Hội nghị bàn tròn có ba mục tiêu:

- (i) Chia sẻ thông tin giữa các chánh án và tòa án cấp cao về những thách thức môi trường chung của ASEAN.
- (ii) Nhấn mạnh vai trò then chốt của các chánh án và tòa án cấp cao ASEAN với tư cách người lãnh đạo cộng đồng pháp lý trong nước và người cố vấn pháp quyền và công lý môi trường, với khả năng phát triển hệ thống diễn giải và áp dụng pháp luật môi trường, tạo ra tri thức và hành động đối với thách thức môi trường ASEAN cho các tòa án, người hành nghề luật, và các sinh viên luật.
- (iii) Xây dựng một quy trình để các tòa án cấp cao ASEAN tiếp tục hợp tác và cam kết trong các vấn đề môi trường.

Các đại biểu nhận thấy rằng vai trò của tòa án trong việc đóng góp những giải pháp cho các thách thức này là duy nhất. Nhưng toàn bộ chuỗi thực thi pháp luật môi trường phải có hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực thực thi pháp luật hình sự nơi cảnh sát và công tố viên đóng vai trò then chốt. Các đại biểu nhất trí chia sẻ những kết quả của hội nghị bàn tròn khi quay trở lại tòa án nước mình, và cũng nhất trí về những nội dung dưới đây:

- (i) Các tòa án ASEAN sẽ hợp tác với nhau và—khi phù hợp—with các bên khác tham gia quá trình thực thi pháp luật môi trường để cải tiến đáng kể việc xây dựng, triển khai, thực thi và tuân thủ luật pháp môi trường và phối hợp trên cơ sở một kế hoạch hành động để đạt được điều đó.

- (ii) Các tòa án ASEAN sẽ chia sẻ thông tin về những thách thức môi trường chung của các nước ASEAN giữa các thành viên tòa án và, khi phù hợp, với ngành luật, các trường luật, và công chúng.
- (iii) Các tòa án ASEAN sẽ chia sẻ thông tin về những thách thức môi trường, các vấn đề pháp lý và thực tiễn hiệu quả nhất trong xét xử liên quan tới môi trường giữa các tòa án, có thừa nhận sự khác biệt giữa các hệ thống pháp luật tương ứng.
- (iv) Các tòa án ASEAN sẽ áp đặt những chế tài và hình phạt theo luật pháp tương ứng của nước mình phù hợp với quy mô của vụ án hoặc vi phạm môi trường, và cân nhắc những biện pháp khắc phục sáng tạo, phù hợp với các hệ thống pháp lý tương ứng, ví dụ như án phạt tại cộng đồng đối với tội phạm môi trường, hoặc án treo.
- (v) Các tòa án ASEAN sẽ tăng cường những tòa môi trường chuyên biệt, toà xét xử môi trường, ban môi trường trực thuộc tòa án, và các chương trình chuyên môn hóa (ví dụ như chứng nhận về môi trường) nếu đã có và cân nhắc việc thành lập nếu chưa có.
- (vi) Các tòa án ASEAN sẽ thi hành những quy tắc tố tụng đặc biệt cho các vụ việc môi trường nếu đã có và cân nhắc việc xây dựng và thực thi nếu chưa có, trong đó có thể bao gồm những quy tắc đặc biệt về bằng chứng cho các vụ việc môi trường, đẩy nhanh việc xét xử, các biện pháp khắc phục đặc biệt, đình chỉ hành vi vi phạm, và các quy trình sáng tạo khác liên quan tới môi trường.
- (vii) Các tòa án ASEAN sẽ áp dụng các quy tắc và trình tự đặc biệt về giải quyết tranh chấp ngoài tòa án trong các vụ việc môi trường nếu đã có và cân nhắc việc xây dựng và thực thi các quy tắc và trình tự này nếu chưa có.
- (viii) Các tòa án ASEAN sẽ nỗ lực để bảo đảm rằng phán quyết của tòa trong các vụ việc môi trường sẽ được công khai cho công chúng và chia sẻ trong Mạng lưới thẩm phán châu Á về môi trường.
- (ix) Các tòa án ASEAN sẽ bảo đảm rằng việc đào tạo kịp thời và phù hợp về các vấn đề pháp lý môi trường sẽ được tiến hành cho các thẩm phán mới, có thâm niên công tác thấp và tất cả các thẩm phán xét xử những vụ việc môi trường, bao gồm thông qua các học viện tư pháp quốc gia, và sẽ chia sẻ thông tin về những cách thức khác nhau để tiến hành hoạt động đào tạo này giữa các tòa án, đưa đào tạo trở thành một nội dung làm việc của Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường.
- (x) Các tòa án ASEAN sẽ khuyến khích các trường luật đưa luật môi trường vào trong chương trình giảng dạy của trường, cũng như khuyến khích các hiệp hội nghề luật tiến hành đào tạo pháp lý thường xuyên, gồm cả luật môi trường và hệ thống áp dụng luật pháp môi trường.
- (xi) Các tòa án ASEAN sẽ cố gắng tổ chức Hội nghị bàn tròn Chánh án ASEAN về môi trường hằng năm để thúc đẩy hợp tác về môi trường, với vai trò là nhóm tiểu vùng của Mạng lưới thẩm phán châu Á về môi trường.

Tuyên bố này sẽ được chia sẻ tại Hội nghị Chuyên đề Thẩm phán châu Á sắp tới, diễn ra tại Manila vào năm 2012.

Hội nghị Bàn tròn Chánh án ASEAN về Môi trường Kỷ yếu Hội nghị

Trong các ngày 5–7 tháng 12 năm 2011, chánh án và thành viên cấp cao của các tòa án Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), cùng với đại diện của nhiều cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự đã tụ họp trong hội nghị bàn tròn lần thứ nhất, tại Jakarta, Indônêxia, để thảo luận những thách thức pháp lý và môi trường chung và vai trò của tòa án trong việc thúc đẩy công lý môi trường, phát triển hệ thống diễn giải và áp dụng luật pháp môi trường, và lãnh đạo những người còn lại trong ngành luật hướng tới các hệ thống pháp quyền đáng tin cậy. Kết thúc hội nghị bàn tròn, các đại biểu đã hình thành tuyên bố Tầm nhìn chung về môi trường cho các tòa án ASEAN, trong đó các thẩm phán cấp cao cam kết quay trở lại tòa án nước mình và giúp củng cố chuỗi thực thi pháp luật môi trường.

Ngân hàng Phát triển Châu Á

Tầm nhìn của ADB là một khu vực châu Á - Thái Bình Dương không còn đói nghèo. Sứ mệnh của Ngân hàng là giúp các quốc gia thành viên đang phát triển giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Mặc dù đã có nhiều thành công trong khu vực, song đây vẫn là nơi sinh sống của hai phần ba số người nghèo trên thế giới: 1,6 tỷ người sống với mức thu nhập ít hơn 2 USD một ngày và 733 triệu người đang phải vật lộn với mức thu nhập ít hơn 1,25 USD một ngày. ADB cam kết giảm nghèo thông qua tăng trưởng kinh tế công bằng, tăng trưởng bền vững về môi trường, và hội nhập khu vực.

Có trụ sở chính tại Manila, ADB thuộc sở hữu của 67 nước thành viên, trong đó có 48 nước thuộc khu vực. Những công cụ chính của ADB để giúp đỡ các nước thành viên đang phát triển là đối thoại chính sách, cho vay, đầu tư cổ phần, bảo lãnh, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật.

Ngân hàng Phát triển Châu Á
Số 6 Đại lộ ADB, Thành phố Mandaluyong
1550 Metro Manila, Philippines
www.adb.org